VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY :

NGUYỄN ĐÌNH HÒA : BÚT, VĂN, TIỀN VÀ LIÊM SỈ ● BÙI VĨNH PHÚC : KỶ NIỆM NHƯ MỘT BÔNG HOA HUỆ TRONG NGÀY GIÁNG SINH ● LÔI TAM : LAN ● TRÚC CHI : CHẬP CHỜN ● CAO TẦN : MÙA ĐÔNG ● HOÀNG TIỂU BỒ : BÀI THƠ TRONG BÌNH BÁT ● NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN : BÊN NÀY ĐẤT NƯỚC ● LÊ NGỌC HỒ : THU ● TUỆ NGA : BƯỚC SẦU ● NG. L. : NHỚ VỀ CON SÔNG THỊ NẠI ● PHAN TÙNG NGUYÊN : BUỔI HỌC TẬP ● VĨNH LIÊM : TÌNH CỜ ● YÊN VŨ : NHỮNG CON SÓC NHỎ CỦA TÔI ● TRẦN THẾ DU : BÊN KIA BỨC TƯỜNG Ô NHỤC ● DOÃN QUỐC SỸ : THE RAT ● VĂN NGHỆ KHẮP NƠI ●

SỐ 8 GIÁNG SINH NĂM 1978

● tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm: Võ - Phiến

Chủ bút: Lê - tất - Điều

Giám đốc trị sự : Trần-đình-Long

Địa chỉ mới của Tòa soạn :
P.O. Box 486, Westminster, Ca. 92683 USA.
Điện thoại : (714) 897-2476

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH

- Bút, văn, tiền và liêm sỉ — NGUYỄN ĐÌNH HÒA — 3

SÁNG TÁC

- Kỷ niệm như một bông hoa huệ trong ngày Giáng sinh — BÙI VĨNH PHÚC — 8
- Lan — LỐI TAM — 13
- Chộp chờn — TRÚC CHI — 21
- Mùa đông — CAO TẦN — 35
- Bài thơ trong bình bát — HOÀNG TIỂU BỒ — 36
- Bên này đất nước — NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN — 37
- Thu — LỄ NGỌC HỒ — 43
- Bước sầu — TUỆ NGA — 44
- Nhớ về con sông Thị nại — NGH. L — 44
- Buổi học tập — PHAN TÙNG NGUYÊN — 45
- Lại một nỗi buồn — THỤY THÙY CHÂU — 47
- Tình cờ — VĨNH LIÊM — 51
- Những con sóc nhỏ của tôi — YÊN VŨ — 52
- Bến kia bức tường ô nhục — TRẦN THẾ DU — 57
- The rat — DOÃN QUỐC SỸ — 69

THỜI SỰ

- Văn nghệ khắp nơi — THẠCH TÂM và LIÊN HẢI — 85

BÚT, VĂN, TIỀN, và LIÊM SỈ

NGUYỄN ĐÌNH HÒA

Tôi xin kể vài mẩu chuyện về văn-hóa.

Một hôm đầu khóa học mùa thu 1975, tôi đang dạy lớp tiếng Việt trung-cấp ở phòng 124, tòa nhà Pulliam (cũng là văn-phòng của Trung-tâm Việt-học tại Đại-học Nam Illinois ở Carbondale) thì có chuông điện thoại. Tôi xin lỗi bốn anh sinh-viên Mỹ trả lời dây nói thì đầu kia có người Mỹ tự giới-thiệu là một luật-sư ở tỉnh Joliet, cũng thuộc bang Illinois. Ông ta hỏi tôi có biết nhà học-giả Nguyễn Văn Khôn có chạy được ra khỏi Việt-nam hay không. Tôi trả lời rằng theo chỗ tôi biết thì không. Ông ta liền bảo nếu thế thì "thân chủ của tôi có thể in lại sách của ông ấy rồi". Ông luật-sư còn hỏi tôi có muốn nói chuyện với thân-chủ của ông không. Tôi bảo khỏi cần. Ông nói thêm rằng Việt-nam không hề ký hiệp-ước quốc-tế về quyền tác-giả, nên ông sẽ tha hồ in lại tự-vị của ông Khôn. Tôi nổi khùng, hét to trong máy nói rằng nếu ông kia tưởng viết tự-vị có tiền thì hãy ngồi xuống viết tự-vị, bằng không thì ra mở tiệm ăn Việt-nam mà kiếm lời, chứ đừng ăn cướp cơm chim như thế. Mấy anh sinh-viên của tôi ngơ-ngác, lần đầu tiên thấy tôi nổi nóng và to tiếng, và về sau thường kể chuyện là lạ quá, thấy tôi tức giận khác thường.

Tôi không rõ thân-chủ của cái ông luật-sư kia là ai, nhưng từ đó đến nay ít nhất đã có đến hai "nhà xuất-bản" in lại sách của Nguyễn Văn Khôn theo kiểu chụp hình.

Tội nghiệp cho tác-gia Nguyễn Văn Khôn – và các tác gia khác cũng bị thuồng kiểu đó ! Tôi vẫn ước-ao có vị Việt-kiều nào hảo tâm cấp cho Trung-tâm Việt-học ở Đại-học SIU ngân-khoản để in sách loại đó, rồi để vào trương-mục ngõ hầu về sau con cháu tác-gia có đòi thì trả cho người ta đầy đủ. Cũng có anh em còn đề-nghị nếu làm nổi chương-trình không vụ-lợi ấy thì có thể trích số tiền nhỏ để tặng giải thưởng cho các trò em Việt-nam thi luận Việt-văn hoặc cấp học-bổng cho học-sinh, sinh-viên Việt-nam. Nhưng tôi cũng nghĩ phải cẩn-thận, những món tiền tác-quyền kia không đụng đến thì hơn cả. Và tôi vẫn đợi các nhà hằng-tâm hằng-sản.

Thật ra, tiền tác-quyền cũng chẳng là bao: nếu không phải là tiểu thuyết loại "best seller" thì tùy giao-kèo tác-giả theo lẽ thường chỉ được mười phần trăm, rồi xuống năm phần trăm, ba phần trăm của *giá bán thật-sự* – tức là của sáu mươi phần trăm giá bán, vì hiệu sách ăn bốn mươi phần trăm rồi. Đặc biệt về sách giáo-khoa thì người rút ruột tằm chẳng ăn gì, tay tư-bản ăn hết.

Lại còn những ông T.N.B. (hiện ở New York) và Đ.V.B. (hiện ở Washington) có thể cho ta biết là "quyển tự-điển Anh-Việt kia chính là do một số anh em tòng-sự ở Phòng Thông-tin Hoa-kỳ USIS làm chung trong mấy năm, về sau ông Khôn (ông ấy khôn lắm) bứt ra một mình, tuy dùng tư-liệu chung nhưng không chia cho anh em tý gì". Nhưng đó lại là chuyện khác. Chỉ biết nếu ông Khôn hay miêu-duệ của ông kiện "nhà xuất-bản" kia thì họ sẽ thua vì mắc tội ăn cắp ban ngày.

Ở Việt-nam, viết bài thì có tiền nhuận-bút. Tôi không được rõ về báo-chí tư. Nhưng nói về tờ *Văn-hóa Nguyệt-san* của Nha Văn-hóa chẳng hạn, thì hằng tháng chúng tôi phải làm bảng chiết-tính trình Bộ Giáo-dục, đợi ước-chi, chuẩn-chi, v.v... rồi bao nhiêu chữ ký, rồi mãi sau mới mời quý-vị tác-giả đến lấy tý tiền còm. Trong số các cộng-tác-viên có cả một vài bậc tu-hành, không biết cần tiền để làm gì mà cứ đi xe Mercedes của đệ tử cho mượn đến tòa-soạn nhắc đi nhắc lại năm lần bảy lượt, đòi nằng-nặc. Nhân-viên tòa-

soạn lẽ tất nhiên phải chu-tất, nhưng thường vẫn hỏi ông chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tại sao cụ này, ông kia lý-tài thế.

Nhưng đó là chuyện bên trời kia. Ở bên Mỹ này, họ đăng bài cho mình là tốt (vì đối với nhân-viên giảng-huấn, các trường phải căn-cứ vào sách và bài được đăng để cho ăn lên hoặc thăng trật). Không những không có tiền nhuận-bút nhuận-biếc gì, mà còn phải tốn thêm, là vì khi bài được đăng trong một tập san nào thì bản in lại hoặc in thêm (gọi là reprints hay offprints) cần để tặng bạn-bè hoặc dùng trong việc dạy học họ chỉ cho vài bản. Còn thì phải mua, mà đặt mua ngay lúc sửa bản in, gọi là galleyproofs, dài lòng thòng -- khác với page proofs, là bản vỡ đã mi rồi.

Giữa năm 1976 tự-nhiên tôi nhận được một bức thư của một giáo-sư người Mỹ gốc Do-thái ở Đại-học bang Washington (Seattle) -- là nơi tôi được mời làm Giáo-sư biệt-thỉnh về Việt-ngữ và Việt-văn trong năm học 1965-1966 -- kèm theo quyển sách mỏng về văn-học Việt-nam của Georges Cordier mà cách đó mười năm tôi đã cho ông ta mượn. Số là qua một chương của cuốn tự-thuật của tôi được đăng trên tập-san *The New Quarterly* ở New York, ông S. mới biết là tôi vẫn còn ở đất Mỹ, và từ năm 1969 vẫn dạy học ở SIU. Vì đã quên hẳn việc đó nên tôi rất mừng khi nhận được lời xin lỗi chân-thành và nhã-nhặn cùng với cuốn sách quý trả lại cố chủ, mặc dầu tôi đã phải chụp hình cuốn sách lưu-trữ trong thư-viện SIU. Cái hay là sau ngần ấy năm tháng, con người biết tự-trọng đã hoàn lại châu về Hợp-phố thay vì phe-lờ đi. Các cụ có câu "Để lâu cứt trâu hóa bùn" mà !

Thế nhưng chúng ta cũng đừng vội tưởng bạn Mỹ nào cũng sòng phẳng thế đâu. Vì tôi cũng đã bị một anh bạn (cũng gốc Do-thái) ở Đại-học New York giật nợ hồi 1955-1956.

Trông người lại ngẫm đến ta. Thư-viện Morris ở Carbondale có rất nhiều sách báo Việt-nam, mà ai cũng có thể mượn xem trong hai ba tuần qua hệ-thống mượn sách liên-thư-viện (Interlibrary Loan). Một hôm, có ba sơ ở một trường đại-học công-giáo ở gần Chicago gọi cho tôi, nói là bà rất ngượng mà cho tôi biết là có một nữ sinh-viên người Việt-nam ở trường bà đã đánh mất tám quyển tiểu- thuyết Tự-lực Văn-đoàn mà cô ấy mượn của SIU qua lối đó. Ma-

sơ hỏi tôi muốn họ đền bao nhiêu một cuốn. Tội-nghiệp bà không ý-niệm được là loại sách đó ngày nay đã thành vô-giá, và chúng tôi biết bắt đền một hay hai hay năm bảy đô-la một cuốn ? Điều đáng tiếc là cô Việt-nam kia (hoặc bạn trai của cô ấy) đã làm sao mà cùng một lúc đánh mất tám cuốn sách như thế ! Tám vưu-vật đã thành của công, quý-hóa biết bao, nếu có ý xấu mà chiếm công làm tư như thế, có ích gì ?

Lại một chuyện xấu hổ nữa. *Văn-hóa Nghệ-thuật* là tập-san hàng tháng xuất bản ở Hà-nội, mỗi năm 12 số, chúng tôi cho đóng bìa cứng bày trên kệ trong Thư-viện Morris cùng với nhiều tập-san và tạp-chí xuất-bản tại Hà-nội và Sài-gòn. Cuối năm 1975 hay đầu năm 1976, bốn tập 1974 biến mất. Tôi nhờ nhân-viên thư-viện tìm kiếm ba năm trời không thấy (thư-viện lớn, tòa nhà bảy tầng, chuyện sách báo bị lạc là chuyện thường). Gần đây, tôi đã phải biếu thư-viện mấy số cọc-cạch của tôi để đóng bìa lại, nghĩa là tập 1974 mới này vẫn còn thiếu vài ba số, chứ không đủ như trước. Thôi cũng tạm được đi : thiếu còn hơn không. Nhưng khốn nỗi, khi tôi phàn nàn với ông phụ trách bộ-môn sách nhân-văn (lầu 2) thì ông phang một câu "Chắc lại sinh-viên người Việt của anh cầm nhầm chứ gì?" Tôi lặng người đi, nhưng cũng thấy có thể ông ấy nói có lý. Lại còn cuốn khảo-luận về văn-học cận-đại của Thế-Phong viết bằng tiếng Anh – là chuyện hiếm – nay chỉ còn bìa, chứ mất ruột ! Ai nhận thấy điều này mà không quặn ruột !

Đã nói đến sách thì làm sao tránh được vấn đề học-giả với học-thật. Hồi 1962 tôi có ra tập *Ngữ-học Nhập-môn, Tập I,* gồm một số bài giảng ở Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, cốt in ra để sinh-viên chỉ cần mua một lần, thay vì phải mua những trang rô-nê-ô do tay con buôn, không phải là sinh-viên, ghi câu được câu chăng mà bán với giá cắt cổ. Về sau, tôi được các bạn sinh-viên viết thư cho biết là có một linh-mục giáo-sư, nghe đâu có bằng cấp bên Pháp, lúc giảng môn ngôn-ngữ-học ở một trường đại-học trong nước đã không ngần ngại dùng nguyên văn sách nói trên của tôi mà không hề kể tên tác-giả vắng mặt.

Tôi mê sách và mê đọc sách về Việt-nam. Tối nào cũng soi gương xem mặt mình có tốn-tến hay không. Và vì

quý sách nên đối với người viết sách, tôi hết sức trân trọng. Sau khi phát-hiện sự có mặt của Giáo-sư N.C.H. ở Canada, tôi liền gửi đến ông bạn đồng-nghiệp đàn anh khả-kính tập *Danh-từ Kinh-tế-học* của ông, trước đăng chưa hết trong báo *Quê-Hương*. Tôi còn mong có thể làm việc tương-tự đối với những vị tác-gia mà tôi may-mắn được có trong tủ sách riêng của tôi vài đứa con tinh-thần của các vị đó. – mà con của các vị đó thì tôi có quyền gọi bằng cháu rồi!

Học và dạy học ở Mỹ đã lâu (tôi từ-giã Hà-thành yêu-quý năm 1948) nên tôi có cơ hội nghe và nhìn khá nhiều chuyện về nghề viết lách. Mấy mẩu chuyện trên kia chỉ có mục-đích gợi một ý này: là giữa ông giáo-sư kia, mười năm còn trả sách, với nhà tu-hành nọ, quên dẫn xuất-xứ của tư-liệu, có một sự chênh-lệch về luân-lý chức-nghiệp (theo danh-từ của Thầy Nguyễn Gia-Tường). Vấn-đề liêm-sỉ đối với người có mặt hay ở xa vẫn là vấn-đề then chốt. Hơn bao giờ hết, chúng ta lúc này càng nên bảo nhau, trong khi lưu-ngụ ở nước ngoài nên hết sức cẩn-trọng về cả về luân-lý lẫn pháp-lý của cái nền văn-hóa "lò cừ" này, một con sâu sẽ bỏ dầu nồi canh (rau mồng tơi) của bà nội-trợ mẹ hiền Việt-nam./.

Giáo-sư NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
Giám-Đốc Trung-tâm Việt-học SIU
Carbondale, Illinois (USA)

ĐỊA CHỈ MỚI

của VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tòa báo đã dời đến địa chỉ mới. Vậy kể từ nay, xin quí văn hữu và độc giả chú ý :

– Bài vở xin gửi đến bản báo chủ bút Lê tất Điều;

– Thư từ mua báo và chi phiếu xin đề tên bà Ngô H. Phúc.

Cũng một địa chỉ:

P.O. Box 486
Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 897–2476

KỶ NIỆM NHƯ MỘT BÔNG HOA HUỆ

trong ngày giáng sinh

● BÙI VĨNH PHÚC

L.T.S.– Tác giả là một giáo chức trẻ, rời Việt nam chưa tới một năm nay. Thiên hồi ký của ông vừa vẽ lại hình ảnh đầy xúc động của một mùa Giáng sinh nơi quê hương dưới chế độ mới, vừa đưa đến cho chúng ta bóng dáng rất quen thuộc, cùng bé lộ ít nhiều tâm tình của những văn nghệ sĩ và trí thức tại Việt nam trong khung cảnh một buổi ca nhạc thánh linh.

Trường Nguyễn-bá-Tòng. Dãy nhà gỗ, sát với nhà thờ Huyện-Sĩ, trước là một phần thuộc học khu nữ, sau khi Cọng-sản chiếm trường, biến thành nơi tạm trú của các cha thuộc viện Đại-học Minh-Đức. Và như thế, nó được tách biệt hẳn khỏi những sinh hoạt được gọi lã giáo dục của toàn khu bên kia.

Đó là buổi chiều ngày 24.12.1975, gần 8 tháng sau ngày Cọng-sản Việt-nam chiếm Sài-gòn.

oOo

Buổi chiều. Nắng đã mềm, dịu và thơm như một bàn tay thiếu nữ.

Một khoảng trời xanh trên cao. Những búp mây, giống những cụm bông gòn xốp và nhẹ, gợi nhớ đến một chiếc gáy thơn mềm, sẵn sàng tan ra bất cứ lúc nào dưới một bàn tay nắm.

Lá reo vui, thơ ngây như những ngày bình yên cũ. Tôi nhìn lên chùm lá vú sữa trên cao để thấy trở lại tất cả những ngày đã qua. Mỗi ngày không như mọi ngày, nhất là những ngày bây giờ, chúng như những miếng bánh mì vụn của thằng bé Tí Hon đã bị chim rừng mổ ăn đi mất, và ta, và tất cả chúng ta, như những đứa trẻ bị bỏ rơi khốn khổ, mỗi lúc mỗi lạc sâu vào bóng đêm. Ở đó là rừng thẳm, là ma quỉ rình rập. Và, một hôm nào đó, chúng ta sẽ khám phá ra rằng, có những chiếc lá vàng, có những chiếc lá xanh đã rụng xuống mà không được ai hay biết. Trừ bớt đi số lá đã rụng, trong bầu trời của ta còn lại bao nhiêu màu xanh, bao nhiêu tin yêu, hỡi bạn bè, bằng hữu !

Tôi đứng ở một góc khuôn viên và xót xa làm con tính từ này. Hôm nay, đã là Giáng-sinh. Mới ít năm trước, và nhất là năm ngoái, ngày hôm nay hẳn đã có những tổ chức chuẩn bị đêm Giáng-sinh vào lòng người, qua những bài thánh ca, những hợp khúc yêu thương của nhân loại. Các ca đoàn gặp nhau ở những địa điểm định trước như nhà thờ Tân-Định, trường Regina Pacis... để không gian lại vang lên những tiếng hát thiên thần, đón mừng hồng ân Thiên Chúa. Đó là những chiếc áo đẹp đẽ, chân thật mà con người đã dùng để bước vào tiệc thánh. Thiên nhiên ô uế đã tự tẩy rửa, và con người, kẻ đứng trước thiên nhiên, cũng phải tìm thấy bóng dáng mình tinh sạch trong đó.

Hôm nay, đã là Giáng sinh. Giáng sinh này có lẽ tôi sẽ chỉ được dự một buổi họp mặt thân hữu, lát nữa, trên phòng lớp nhà nguyện. Lát nữa, căn nhà nguyện ấy -- đó là hai lớp học cũ ghép lại -- sẽ là nơi tụ họp của chúng tôi, một số người trẻ, muốn tụ họp nhau lại để còn có dịp nhìn vào mặt nhau, và thắp cho nhau những ngọn nến tin yêu trong những ngày tháng mới. Những tiếng hát, reo vang niềm vui cúu chuộc, sẽ lại ngân lên. Và những chim, những lá, những khoảng trời xanh lại sẽ mở ra ngỡ ngàng, chất ngất. Nụ cười thương yêu những ngày xưa cũ sẽ không bị héo mục, bởi lẽ vẫn còn lấp lánh tình người.

Ngọn tháp nhà thờ Huyện-Sĩ vươn lên cao như một búp nến, lung linh trong buổi chiều đang ngả. Gió ở đây cũng hiền hòa, ngọt ngát nhớ nhung tà áo trắng của những mùa học xưa. Ngày xưa, gió thổi mây trắng bay vào lớp, kỷ niệm ạ.

Khi tôi cầm tờ thiếp mời bước vào nhà nguyện, ở trên gác, thì ở đây đã ấm cúng lắm rồi. Ngoài các cha thuộc viện Đại-học Minh-Đức và một số quan khách tôi chưa được biết mặt, phần lớn số còn

lại là bạn bè và học trò lố nhố. Học trò con gái Nguyễn-bá-Tòng. Các cô hôm nay trông hơi lớn ra với một chút hồng trên má và một chút cam trên môi. Đừng có thầy trò gì nữa nhé, chúng ta bây giờ coi như ngang nhau về trình độ cảm xúc và thẩm thấu âm nhạc. Chưa chắc ai hơn ai đâu. Tôi mỉm cười và thấy nụ cười của mình được phản chiếu xinh tươi trên khuôn mặt vài người học trò dễ mến.

Cửa mở. Chị Thái-Thanh cùng đi với hai cô con gái. Một trong hai cô này là học trò tôi, thế mà hôm nay tôi trông cũng lạ. Chị Thái-Thanh gật đầu chào mọi người rồi tiến đến nói chuyện với cha khoa-trưởng Phân-khoa Âm-nhạc Minh-Đức.

Khoảng bốn giờ mười lăm, tất cả đã được chuẩn bị chu đáo, kể cả việc xin phép tổ chức buổi họp nói chính quyền, chương trình bắt đầu.

Cha khoa-trưởng Phân-khoa Âm-nhạc Minh-Đức lên nói đôi lời giao cảm; sau đó, micro được trả lại cho anh Phạm-Long, cựu đạo diễn truyền hình và tân giáo-sư trường Nguyễn. Chương trình hát thánh ca bắt đầu được khai mở.

.....

Bạn bè ơi,

Tôi chẳng thể nhớ lại tất cả chương-trình nhạc-hội-Giáng-sinh-bỏ-túi hôm ấy, tôi chẳng còn nhớ rõ những lời giới thiệu rất Hà-nội-thanh-lịch và rất Sài-gòn-bay-bướm của Long, tôi cũng không nhớ rõ anh Nghiêm-phú-Phi hôm đó độc tấu những bài nào, tôi chỉ nhớ rõ hình ảnh một bông hoa huệ, mỉm cười ngây thơ trên mặt dương cầm, trong ngày đang xuống.

Hình như đóa hoa gợi tôi dần nhớ lại nhiều hình ảnh. Hình ảnh hiền lành, pha với một chút khép nép của một cô học trò trường Nguyễn, Th. V., tốt nghiệp Quốc-gia Âm-nhạc, với dáng điệu say mê trên phím đàn trong những giọng nhạc ngoại quốc nào đó. Rồi những giọng soprano, tenor, bass quyện vào nhau trong những hợp khúc Giáng-sinh. Rồi hình ảnh của anh Nghiêm-phú-Phi cuồng loạn, rạo rực trong những nhạc phẩm bất hủ, vẽ ra lớp lớp đồi núi cùng tuyết trắng, từng búp lá tả tơi trong không gian; những mục đồng chăn chiên với áo da cừu, tay cầm gậy ngơ ngẩn nghe tiếng tiêu thiều vang xuống từ trời; những con đường băng giá mùa đông chợt chuyển mình dưới ánh sáng của một vì sao lạ. Ba vua. Hài Nhi trong máng cỏ. Và bò và lừa và rơm rạ chung quanh. Và bông hoa huệ vẫn dịu dàng tha thiết trên mặt dương cầm. Những giọt dương cầm thơm ngát buổi chiều đã chảy vào đóa hoa nguồn sống, nguồn trinh bạch thiên thu.

Chị Thái-Thanh hình như là người cuối cùng bước lên chiếc bục nhỏ dựng làm sân khấu trình diễn. Chỉ với vài lời rất gọn của chị, những tràng pháo tay đã rộn rã nổ vang.

Những bài hát của chị ngày hôm ấy hình như là *Ave Maria* của Schubert, *Danube Bleu* của J.Strauss và những bài hát đặc biệt Giáng sinh nào đó mà tôi đã quên mất. Giọng hát đã mở ra hình ảnh nghiêm trang, cao vút thánh thiện của giáo đường, những búp nến run run tàn trên bàn thờ, mặt nhật trong cung thánh. Mẹ Maria với ánh mắt sầu bi. Lung linh. Rồi tiếng hát đầy những hình ảnh đó lên cao, sáng rực. Dưới kia là lớp lớp mưa sa, những con chiên nhỏ run lạnh nép sát bên nhau. Sấm nổ giữa trời như muốn xé nứt địa cầu. Và khuôn mặt Mẹ sầu bi. Ave Maria. Đầy những linh hồn đầy ưu tư... Nhưng rồi sau đó, một màu xanh rất hy vọng và tha thiết đã chảy về loài người. Một màu xanh rất mềm, rất dịu, rất *Danube blue*, đã lăn con người đến những chân trời mới. Ở đó, có tiếng hùng vĩ của thiên nhiên, có giọng ru hiền hòa của từ mẫu. Ngọt ngào. Dòng sông vẫn chuyển mình trôi chảy và luật tuần hoàn vẫn đổ những thác nước xuống từ trên cao. Nước đổ xuống, bốc hơi và lại bay về chốn cũ. Tiếng thác òa sóng vỗ. Tiếng rạo rực tin yêu. Và bông hoa huệ, bé nhỏ, như một bông nến trong cung thánh, vẫn nở một nụ cười long lanh ngậm kín sương mai. Cứu Rỗi nảy mầm trong đau khổ.

.....

Bạn bè ơi,

Có bao giờ, ở một nơi nào đó, sâu thẳm tàn cõi lòng, các bạn bỗng thấy vẫn còn vươn lên một đóa hoa huệ, mỉm cười, thơ ngây lắm, trong buổi chiều đang xuống. Có bao giờ bạn nhìn thấy những giọt sương mai long lanh khuất trong cánh hoa. Có bao giờ bạn nhìn thấy mặt trời nhỏ lung linh trong những giọt sương mai của những đồi cỏ lá. Tôi cầu nguyện cho tất cả nhân loại, ai cũng có một lúc nào đó, trong buổi chiều đang xuống, ngậm ngùi và hân hoan nhìn vào lòng mình. Để thấy được niềm tin. Quê hương, đất nước, bạn bè và những người thân của tôi đang đau khổ từng giờ từng phút, làm sao tôi quên. Những đóa hoa huệ vẫn mỉm cười trong chiều đang xuống, bạn ạ. Tôi cầu mong một ngày nào đó, buổi chiều kia sẽ qua đi. Buổi chiều Việt-nam khốn khổ. Để đứng dậy một mặt trời đỏ hồng ban sớm trên quê hương tôi. Tất cả sẽ lại trào dâng sức sống thiên thần. Và tôi, những ngày đông giá như hôm nay, sẽ được nắm tay tất cả những bạn bè thân quí ngay trên đất nước mình; chúng ta sẽ nhìn vào mặt nhau, thật lâu, như những ngày xưa, để thấy trong đó là yêu thương, là an bình, là hy vọng, là quê hương. Lúc đó, tôi sẽ tặng các bạn một vài câu thơ, lục bát của quê hương đấy thôi, để

chúc bạn hạnh phúc trong tình yêu :

Tóc mơ buồn ngậm hơi đông
Mắt ai thắp ngọn nến hồng thiết tha
Môi ai cất rượu đêm qua
Mật thơm là một chút quà Giáng sinh
Hương bay hơi thở tội tình
Vàng sao nhỏ xuống lời kinh cúi đầu
Rì rào hoa lá thương nhau.

Có ai, ngoài cõi xa kia, trong trời tuyết lả tả, đang thả con tuần lộc kéo chiếc xe tuyết đi reo rắc niềm vui khắp chốn, hãy nhớ đến quê hương tôi khốn khổ. Hãy giúp tôi gửi về một đóa hoa huệ cho Việt nam yêu dấu, bởi lẽ, hôm nay, tôi đã thấy thoáng những cánh chim in thời gian.

Đất Mỹ, 11-1978
BÙI-VĨNH-PHÚC

đóng cửa trần gian

TRUYỆN DÀI MỚI NHẤT CỦA LÊ TẤT ĐIỀU VIẾT TRÊN ĐẤT MỸ, VỀ XÃ HỘI MỸ, TẠO DỰNG UY TÍN ĐẦU TIÊN CỦA TÁC GIẢ TRÊN ĐẤT MỸ. BẢN VIỆT NGỮ ĐANG IN.

☐☐ **Mỗi cuốn giá 4$00;chi phiếu xin gửi về:**
Ô. Lê sáng Nghiệp
P.O. Box 19555
San Diego, Ca. 92119

Lan

LÔI TAM

Thiệu đứng ngớ ngẩn trước khu cao ốc. Hai lần chàng bấm chuông nhưng không có tiếng trả lời. Thiệu cố nhớ những điều Lan viết trong bức thư gửi cho chàng. Bức thư được viết cách đây vài tháng. Nhận được thư, Thiệu đọc qua một lần rồi sau đó có đọc một, hai lần nữa. Không phải vì chủ tâm nhưng bởi vì Thiệu có thói quen để các thư từ, giấy má trên chiếc bàn nhỏ cạnh ghế ngồi và mỗi khi ngồi xuống chàng thường tay máy đọc lại những giấy tờ vứt bừa bãi ở đó. Trong thư, Lan không hề chỉ dẫn cho Thiệu cách gọi cửa để vào khu cao ốc. Tất cả chi tiết về chỗ ở hiện tại của Lan chỉ thu lại vỏn vẹn ở mấy giòng ghi địa chỉ người gửi nằm trên góc trái chiếc phong bì. Hình như khi gửi thư cho Thiệu, người đàn bà chỉ mong đợi sự hồi đáp bằng thư tín mà không hề dự liệu đến việc Thiệu có thể tìm đến thăm nàng. Chiếc phong bì Thiệu cầm mang theo những bức thư của Lan thì giờ này còn nằm lẫn lộn đâu đó trong căn phòng trọ của chàng.

Thiệu quay nhìn ra đường. Mặt trời đã xuống thấp. Bóng mát của căn phố trước mặt đổ sang gần hết nửa con lộ. Bên cạnh chiếc thùng thư ở góc phố, hai người ngoại quốc đang đứng trò chuyện với nhau. Thiệu không biết họ là đàn ông hay đàn bà. Cả hai đều ăn mặc quần áo dành cho nam phái nhưng là thứ quần áo diêm dúa. Nhìn nghiêng cả hai người đều có khuôn ngực gồ cao và hình như cả hai đều có bôi son, trát phấn trên mặt. Lần thứ hai, Thiệu tự

hỏi tại sao Lan lại chọn khu này để sống. Mới vài chục phút trước đây, khi loay hoay tìm chỗ đậu xe bên lề con lộ chật chội, nhớp nháp, Thiệu đã tự hỏi điều đó. Năm ngoái khi đến thăm Lan ở một tiểu bang khác – lần ấy Thiệu không gặp nàng – chàng thấy Lan sống trong một khu cư xá sang trọng. Quang cảnh khu cư xá, lúc đó, đã làm Thiệu an lòng. Lan cũng vậy. Nàng là người đàn bà ham thích tiện nghi và trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cố tạo cho mình một nếp sống coi được. Thiệu còn nhớ, cách đây năm hay sáu năm gì đó, Lan đã hẹn gặp chàng vào một buổi xế trưa ở Câu-lạc-bộ thể-thao Sài-gòn. Thoạt đầu, Thiệu định từ chối không đến. Chàng không bao giờ cảm thấy thoải mái trong những buổi họp mặt khách sáo, những tiệc tùng long trọng. Ở những nơi đó, chàng cảm thấy mình bị tách rời ra xa, thật xa. Nhưng rồi cuối cùng Thiệu cũng nhận lời đến gặp Lan. Sự nhượng bộ không phải vì tình yêu. Kiểm xét lại, Thiệu thấy mình chưa bao giờ thực sự yêu Lan. Nàng là một cái gì ở xa chàng, ngoài chàng. Đến gặp Lan ở Câu-lạc-bộ chẳng qua cũng chỉ là một cố gắng tự thắng mình. Trong đời sống, Thiệu phải thường có những cố gắng gượng gạo như vậy.

Lúc Thiệu đến thì Lan không có mặt ở phòng uống rượu. Chàng chọn chiếc bàn nhỏ có phủ khăn trắng cạnh cửa lớn mở ra sân thượng, gọi một ly rượu khai vị. Cảm giác lòng cộng, ngượng nghịu tăng thêm. Những người bồi bàn quần áo trắng lăng xăng qua lại, những cặp trai gái vui vẻ cười nói, những chiếc hoa hồng tươi mát cắm trong lọ thủy tinh đặt trên quầy rượu... tạo thêm cho Thiệu sự lạc lõng, Thiệu đinh bụng sẽ bỏ về nếu sau khi uống hết ly rượu mà Lan chưa đến. Nhưng chàng nhận ra Lan trong đám người ở quanh chiếc hồ tắm phía dưới. Lan choàng chiếc khăn tắm màu hoàng yến, tóc nàng ướt, đen mướt trên tấm khăn. Lan đi lại, thoải mái trong đám đông, nói một câu gì đó với người này, vẫy tay chào người khác. Nàng như một con chim nhỏ, nhởn nhơ bay lượn trên vũng cây lá quen thuộc. Lan rời khu hồ bơi, bước lên mấy bậc cầu thang lộ thiên dẫn đến phía phòng uống rượu. Thiệu nhìn nàng. Bất chợt, Lan trở nên một đối tượng xa lạ. Thân thể tràn đầy đó, môi miệng thơm mùi trẻ thơ đó như chợt không hề có một liên hệ nào với chàng. Sự ghi nhớ mơ hồ về đôi chân nuột nà, về vòng tay ôm cuồng quít, về những phát lộ rộn rã trong các lần làm tình bỗng nhiên tan loãng, mất hút, Thiệu như người bước hẫng một nhịp.

– Anh chờ Bé lâu không . Lan vừa kéo ghế ngồi, vừa nghiêng đầu lấy khăn lau những giọt nước đọng trên mái tóc.

– Cũng không lâu lắm. Thiệu đáp.

– Cũng không lâu tức là lâu rồi. Bé đâu biết anh đến đúng hẹn.

Trong khi nói chuyện với người khác, Lan vẫn xưng hô bằng cái tên nàng được gọi từ ngày còn nhỏ. Lần gặp gỡ đầu tiên, Thiệu hơi bỡ ngỡ về cách xưng hô đó. Dần dà rồi cũng quen đi. Nhưng ở đây, Thiệu lại có cái cảm giác bỡ ngỡ ban đầu.

– Bé đi bơi liên tiếp mấy ngày – Thiệu nghe thấy tiếng Lan – Da đen như con mọi. Hôm qua, mạ ở Huế vô chơi, thấy Bé đen thui, mạ la quá chừng.

Lan đưa bàn tay thoa nhẹ nhẹ trên cánh tay trái :

– Bé có cảm tưởng như nắng làm cho da thịt mình săn lại. Anh có thấy như vậy không .

Thiệu như không nghe thấy câu hỏi. Chàng lơ đãng nhìn theo bàn tay Lan cử động lên xuống trên vùng da thịt nâu hồng. Cái nhìn trống rỗng, xa lạ. Lan bắt gặp cái nhìn của Thiệu. Nàng nói nhỏ, giọng tinh nghịch :

– Rồi anh sẽ thấy. Bữa nay cái gì trong người Lan cũng săn lại hết.

Thiệu cười. Câu nói của Lan mang lại cho chàng sự đồng lõa gần gũi. Chàng thấy thoải mái hơn :

– Nếu đi bơi chỉ để được như vậy thì Lan chẳng cần phải đi bơi.

Ánh rạng rỡ sáng lên trong mắt Lan. Nàng thích được khen tặng. Những mối tình, những người đàn ông, đối với Lan, chỉ là những tấm gương để nàng tìm thấy sự phản chiếu nhan sắc mình. Có lần Thiệu nghĩ trong cuộc đời nàng, Lan chưa hề yêu mê một người nào. Lan chỉ yêu có chính Lan. Nàng không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân có lẽ cũng vì lý do đó. Lan xử dụng nhan sắc và nét sang quí của nàng để theo đuổi một tìm kiếm mà nàng không bao giờ nhận rõ được : sự yêu mê chính mình.

Thiệu gọi một ly nước cam vắt cho Lan. Nàng hơi ngã người ra phía sau, đưa mắt nhìn quanh căn phòng rồi hỏi Thiệu :

– Anh thấy ở đây dễ thương không .

– Ừ, dễ thương. Thiệu ậm ừ.

– Khi Lan mua nhà, thế nào Lan cũng xây một hồ tắm. Lan sẽ bơi suốt ngày.

Ước ao của Lan là vậy. Một cuộc sống đầy đủ, dễ dãi, và đám đàn ông bao quanh chiêm ngưỡng, tán tụng. Trước khi gặp Lan, Thiệu đã được nghe nhiều nhận xét về nàng. Những nhận xét của những người đàn ông đã có liên lạc về tình ái với Lan hoặc những người say mê theo đuổi nàng mà không được đền đáp. Tất cả đều mang một cảm nghĩ chung. Lan kiêu sa. Lan đài các. Lan là thứ đối tượng bất khả chiếm hữu. Đối với Thiệu thì khác, chàng biết Lan từ ngày còn đi học ở một tỉnh nhỏ. Hình ảnh Lan nối liền với những kỷ niệm của thời mới lớn. Con đường nhỏ lung linh bóng nắng. Căn nhà trọ với mái tranh sẫm màu và những cánh cửa gỗ chạm trổ màu nâu... Gặp lại Lan ở Sài-gòn, bị tách rời ra khỏi vùng kỷ niệm cũ, Lan bỗng trở thành khác lạ. Sự thay đổi ở nàng gây cho Thiệu chút bàng hoàng, nhưng đồng thời cũng khiến Thiệu cảm thấy nàng tầm thường hơn, dễ dãi hơn. Thiệu như người đi xa nhiều năm, khi quay về, nhận thấy cây cau, cây mít trong khu vườn cũ chợt nhỏ lại, những góc tối trong chái nhà xưa mất vẻ huyền hoặc và ngôi mộ hoang phủ đầy cỏ tranh ở cuối vườn không còn đủ âm u để chứa đựng những tưởng tượng ma quái. Sự mất mát gây thật nhiều xót xa.

Với Lan thì khác, Lan sống thoải mái trong khung cảnh mới. Quãng đời đã qua, với nàng, có mang ít nhiều kỷ niệm đẹp nhưng cũng chỉ là một đoạn đường để dẫn đến những ước mơ của nàng. Nàng nói đến chiếc hồ bơi, mảnh sân quần vợt với sự đam mê gấp bội khi nói đến ngôi trường cũ, bạn bè xưa. Tương lai dàn trải ra trước Lan như một con lộ phẳng phiu. Mỗi lần gặp Lan, Thiệu có cảm tưởng như rời bỏ được những âu lo, những sức mắc của chính chàng. Lan như một thứ bóng mát tạm bợ, một êm ả thoáng chốc.

Buổi chiều hôm đó Thiệu đưa Lan về nhà nàng. Lan sửa soạn mấy món ăn nhé. Bữa cơm trôi qua trong cái êm mát buổi chiều Sài-gòn. Bóng tối lan tràn trong căn phòng nhỏ. Lan đốt lên một ngọn nến đặt trong chiếc bầu thủy tinh màu hồng nhạt. Những cành lá me xao động nhẹ nhàng bên ngoài cửa sổ. Thiệu rời bàn ăn đến ngồi trên chiếc ghế dài ở phòng khách. Lan mang ly rượu đến cho chàng. Nàng đặt ly rượu trên chiếc bàn nhỏ rồi ngồi xuống trên tấm thảm dưới chân Thiệu. Đầu nàng tựa vào đùi Thiệu. Ánh

nến lung linh trên mái tóc nàng. Yên lặng một lát rồi Lan chợt ngẩng lên.

– Anh mệt ? Mồi nàng hé mở. Mùi thơm trẻ thơ quen thuộc. Chiếc áo cánh lụa trễ xuống trên bờ vai tròn. Thiệu cúi xuống. Lan choàng tay qua cổ chàng.

– Hôn Bé đi. Từ chiều anh chưa hôn Bé.

oOo

Đứng trước khu cao ốc cũ kỹ, Thiệu cảm thấy hoang mang. Cái hoang mang của một kẻ sắp phải nhìn thấy một sự thay đổi.

Cánh cửa lớn chợt mở. Một người đàn ông da trắng, tay ôm một túi giấy lớn, bước ra. Thiệu bước lên bậc cấp:

-- Tôi có thể vào được không ?

Đôi môi của người đàn ông mấp máy dưới lớp râu rậm:

-- Ông ở trong khu này ?

– Không -- Thiệu đáp -- Tôi đến thăm một người bạn. Chàng đưa chiếc phong bì có ghi địa chỉ Lan cho người đàn ông. Anh ta đọc kỹ rồi hơi lách người, dùng cùi tay giữ cho cánh cửa mở hé, gật đầu ra dấu mời Thiệu vào. Bên trong không có đèn. Thiệu nhắm mắt lại rồi mở ra để làm quen với bóng tối. Lối đi được trải thảm màu xám tro. Dọc theo bức tường, những thùng giấy và cây gỗ chất bừa bãi lên nhau. Người đàn ông ngoắc Thiệu đến phía chân cầu thang cúi xuống dò tìm tên Lan ở những hàng chữ ghi trên dấy thùng thư. Thiệu bật một que diêm. Ở trên chiếc thùng thư thứ ba hay thứ bốn gì đó. Thiệu nhìn ra hai chữ "Lan-Nguyễn". Chàng chỉ cho người đàn ông. Anh ta gật gù rồi bảo Thiệu :

-- Phòng số 205 ở trên gác, phía bên trái. Cẩn thận vì cầu thang không được tốt.

Nói xong người đàn ông bỏ đi. Cánh cửa lớn bật ra, để lọt vào chút ánh sáng vào rồi đóng lại. Thiệu chậm rải đi lên cầu thang. Lớp thảm lùng nhùng dưới bước chân chàng. Ở cuối cầu thang, một ngọn đèn vàng vọt soi sáng một khoảng hành lang hẹp. Trên bức vách phía trái có tấm bảng nhỏ ghi số 201 - 205 và dấu mũi tên chỉ. Không khí nặng mùi ẩm mốc. Thiệu nhớ đến câu nói của một người bạn. Năm ngoái anh ta mua lại một căn nhà cũ. Việc đầu tiên của anh ta sau khi dọn nhà là lột bỏ hết lớp thảm lót. "Moa là thằng chúa ghét thảm". Anh bạn nói. "Thảm, nhất

là thứ thảm lâu năm, là một thứ thùng rác có lòng".

Căn phòng Lan nằm ở cuối hành lang. Thiệu gõ nhẹ vào cánh cửa gỗ. Một lát sau, có tiếng chân đi rồi cánh cửa hé mở. Một phần khuôn mặt Lan hiện ra.

– Anh ! Giọng Lan reo vui.

Thiệu bước vào phía trong. Lan mặc một bộ quần áo ngắn. Nàng không thay đổi nhiều sau ba năm.

– Anh xuống đây bao giờ vậy . Tại sao anh đến mà không gọi cho Bé .

– Tại vì Lan không cho số điện thoại.

– Ừ nhỉ – Lan cười – Bé đâu có nghĩ là anh chịu xuống vùng này. Vả lại, Bé viết thư cho anh hồi mới dọn nhà, lúc đó chưa có điện thoại. Mà cũng lỗi tại anh, anh tệ lắm.

– Chuyện gì vậy .

– Hồi còn ở Nưu-ước, Bé viết thư cho anh, có ghi cả số điện thoại. Bé chờ anh dài cả cổ mà không thấy. Anh cũng không thèm gọi điện thoại cho Bé nữa.

– Anh có ghé qua Nưu-ước và tìm Lan nhưng Lan đi vắng.

– Phịa. Bé không tin đâu. Anh uống gì .

Thiệu cười. Tính Lan vẫn vậy. Vui vẻ, hờn dỗi, trách móc rồi đột ngột đổi câu chuyện sang một hướng khác.

– Cho anh ly nước lạnh. Cuộc sống ở đây dễ chịu không .

– Cũng tạm được – Lan vừa đáp vừa đứng dậy đi về phía bếp – Năm ngoái, khi mới xuống đây, Bé thuê nhà ở khu ngoại ô. Ở đấy dễ chịu hơn nhưng tiền nhà cao, đi làm xa nên Bé quyết định dời vào đây. Khu này bề bộn quá, phải không anh .

Thiệu không đáp. Chàng kéo tấm màn cửa, nhìn xuống con lộ bên dưới. Những ngọn đèn đường đã bật sáng. Lan trao ly nước cho chàng. Hơi lạnh thấm qua thành ly gây cảm giác trơn ướt trên đầu mấy ngón tay. Lan đến bên cạnh chàng, tóc nàng uốn cao, để lộ chiếc gáy nõn nà.

– Mấy năm nay anh sống ra sao. Bé có đọc mấy truyện ngắn của anh viết trên báo. Anh buồn lắm phải không .

Thiệu yên lặng. Vài người quen đã hỏi chàng những câu tương tự. Làm sao nói hết những điều mình nghĩ. Chàng lảng sang chuyện khác :

- Lan đi làm gần đây .

– Bé làm cho một tiệm ăn cách đây hai khu phố. Tiệm đó một người Pháp làm chủ nên tương đối dễ chịu. Tiền "típ" lại khá. Chỉ có cái đi làm về khuya, nhiều lúc hơi rợn.

Thiệu nhớ đến hai người ngoại quốc "ái nam, ái nữ" mà chàng nhìn thấy ban nãy ở góc đường.

– Dạo trước Lan bảo đang đi học kế toán mà .

– Bé học xong rồi. Có đi làm một thời gian nhưng công việc gấy nhiều phiền hà, lương lại thấp nên Bé bỏ. Làm waitress kiếm được nhiều tiền hơn.

– Lan có được tin gì của bác không .

– Có chứ anh. Lan vẫn gửi thư và tiền về nhà đều. Lan muốn gửi đủ tiền để mạ chạy giấy tờ chính thức sang Pháp nhưng mạ không chịu đi. Mạ đang cần tiền để lo lót tiếp tế cho mấy người anh của Bé trong trại học tập và giúp đỡ gia đình mấy anh ấy. Thành ra, có bao nhiêu tiền, Bé gửi hết về nhà.

Bây giờ thì Thiệu hiểu được tại sao Lan sống ở khu này. Chàng nhìn kỹ Lan, ở cuối đôi môi và khóe mắt, có vài nếp nhăn nhỏ. Người đàn bà vô tư của mấy năm về trước đã thay đổi.

Lan quay lại và bắt gặp cái nhìn của chàng. Nàng như muốn tránh cái nhìn ấy.

– Anh ở lại ăn cơm với Bé. Chốc nữa Bé gọi điện thoại đến tiệm bảo là Bé bị ốm. Từ mấy tháng nay, Bé chưa nghỉ ngày nào. Lâu lâu, chắc cũng cần vắng mặt một bữa để khách hàng nhớ mình.

– Thôi để lần khác – Thiệu ngập ngừng – Anh có hẹn với người bạn ...

– Bạn trai hay bạn gái .

– Trai gái gì nữa, Bây giờ anh già rồi .

Lan hớm hỉnh :

– Anh già từ xưa kia mà. Bộ đến bây giờ anh mới biết sao . Có điều, thiếu gì người muốn có bồ già. Qua Mỹ, đàn ông, con trai quí lắm.

Ngừng một lát, giọng Lan chùng xuống :

– Ở đây, nhiều lúc buồn quá. Bé nghĩ không biết mình có hy vọng gì đến chuyện trở về và ngày mình về, không biết cơ còn đủ những người thân hay không. Bé cứ nghĩ quanh quẩn như thế rồi khóc lúc nào không biết. Bây giờ thì Bé chỉ biết mình phải làm việc để những người bên nhà

còn có thể sống. Phần Bé, thì sao cũng được. Bé chẳng cần.

oOo

Tối hôm đó, Thiệu đưa Lan đến chỗ làm. Lúc sắp xuống xe, Lan ôm chàng. Má nàng áp vào vai Thiệu ấm áp.

– Anh, liệu chúng mình có ngày về không anh ?

Thiệu đặt bàn tay lên mái tóc người đàn bà. Những sợi tóc êm mướt như những sợi tơ đầu mùa ươm ngày xưa ở quê chàng.

– Phải có chứ Lan.

Trong bóng tối của lòng xe. Thiệu thấy đôi mắt Lan long lanh sáng.

LÔI TAM
10.1978

***

chập chờn

Cái buổi sơ giao ấy dưới ánh sáng lờ lờ trong một quán rượu mà không khí đượm mùi ẩm mốc, về sau này, khi Phụng chết rồi, mỗi lần nhớ lại, chàng tiếc ngẩn tiếc ngơ. Bởi chính cái thứ bóng tối lù mù đó lại là bối cảnh của một thời kỳ tuổi sáng trong cuộc sống của chàng và Phụng. Bởi hai người thành thật gắn bó khắng khít với nhau. Cuộc sống tình cảm của chàng trước ngày gặp Phụng giống như cái sinh hóa của một thân cây bị khói lửa thiêu rụi tận gốc. Trên những thớ gỗ chưa chết hẳn, đôi khi cũng nảy ra được vài chồi bụ bẫm, nhưng mà rễ sâu không tìm được mạch nước, nên lộc non lại héo khô ngay. Vậy mà không hiểu do sức sống mãnh liệt nào mà Phụng, lúc đầu vốn cũng chỉ là một chồi non khỏe mạnh, bỗng vụt ngang nhiên lớn lên, trổ lá xum xuê, rồi gánh luôn việc chuyển nhựa luân lưu trên khắp thớ gỗ. Chàng có cảm tưởng Phụng vừa là một cành cây, vừa là một con nước ngầm âm thầm bồi dưỡng cho sự sống của gốc cây đã tàn lụi. Còn đối với Phụng, góa chồng từ khi hai mươi tuổi, lại còn bận bịu thêm một mụn con chưa hề thấy mặt cha, chàng là một người đàn ông vừa bù đắp cho chỗ trống trải lẻ loi trong đời một người đàn bà góa trẻ, vừa là một nơi nương tựa vững vàng, cho dù là tạm bợ đi nữa. Trong một quyển sách nói về một tôn giáo, chàng đã từng đọc thấy câu "yêu là cho". Mà kể sao cho hết

những gì mà tình yêu của Phụng đã đưa lại cho chàng : những bữa cơm đầm ấm có canh chua cá lóc, những hột nút được kết lại ngay ngắn trên một chiếc sơ-mi cũ, một cái khăn tay được ủi thẳng thớm, cái ấp ủ dịu dàng của một cánh tay nóng ấm, cái âu yếm chân thành của chăn gối chung đôi, những thứ đó giống như những giọt nước trong lành thấm dần ra tận lớp vỏ cây khô cằn.

Sở dĩ hình ảnh một gốc cây cứ lớn vởn trong đầu chàng mỗi khi chàng nghĩ tới Phụng cũng chính là vì một vài thói quen của Phụng (Người đàn bà nào mà lại không có một vài cố tật khi đáng yêu, khi đáng ghét.) Mà Phụng, thì nàng hay có cái tật xấn lại gần chàng mà dựa. Những phút thân mật âu yếm, cái thói đó quả có vô hại, bởi chàng biết Phụng thiếu và thèm khát cái bao che ấp ủ của một người đàn ông mà nàng có thể tin cậy. Nhưng ở vào một vài trường hợp, cái tật đó đã từng làm bực mình.

Một lần chàng đã phát gắt tại nhà Phụng ở Tân định. Đó là một căn phố có một phòng khách, hai buồng ngủ, nhỏ nhưng gọn gàng sạch sẽ, một phần cũng nhờ bàn tay siêng năng của dì Sáu – một người bà con xa mà Phụng đưa về ở chung để chăm sóc cho bé Dũng, đứa con trai của Phụng. Chàng đang lúi húi sửa lại một cái chuyện ngắn, thỉnh thoảng ngẩng đầu lên nhìn ra cây bông giấy trước nhà – cây bông giấy mà chàng thường vít với một cái dù, bởi loại cây dễ trồng dễ ươn đó, không những làm cho căn phố thêm phần xinh xắn, mà nó còn che được ánh nắng trưa rát bỏng của trời Sài gòn tháng sáu, chặn luôn được một phần những đợt giông chiều xối xả đổ xuống cái sân gạch trước cửa. Một cơn gió mát thoảng qua, nhánh cây run rẩy, mấy cánh hoa lấm tấm những chấm nâu nhẹ rụng xuống nền gạch phẳng, lơ thơ một vài chiếc lá úa. (" Vậy mà tui quét, tui chùi một ngày hai lượt rồi đó ông à, hổng biết lá đâu mà nhiều dữ vậy", cái giọng phân vua của dì Sáu thường làm cho chàng nghĩ đến mỹ quan của một thiền sư Nhật bổn, khuyên đồ đệ mỗi khi quét vườn, không nên quét hết lá !). Phụng vừa tắm xong, tươi mát trong bộ đồ ngủ hàng nội hóa, một vài món tóc ướt dính vào má điểm cho làn da hơi ngăm ngăm đen của nàng một nét man rợ mà chàng rất thích. Hai tay cầm hai ly nước dừa, Phụng đặt lên bàn một

ly cho chàng rồi thong thả ngồi xuống ghế, dựa vào mình chàng :

– Nước dừa ngọt rồi. Em không thêm đường. Anh viết gì vậy ?

– Đừng phá. Để anh làm xong cái này chút đã.

– Thì em dựa vào anh chớ có dựa ông nào khác đâu mà anh gắt.

Câu nói hai nghĩa của Phụng khiến chàng bật cười, nhưng cũng còn làu nhàu :

– Coi chừng tẻ cả hai đứa bây giờ. Tôi đâu phải là một cây cổ thụ mà cô cứ dựa mãi vậy.

Phụng dí nhẹ ngón trỏ vào trán chàng rồi đứng dậy :

– Anh còn trẻ mà cái đầu anh nó già khằng rồi, có cành cây cổ thụ rồi mà anh không biết. Thôi để em vô làm cho xong cái món gà này cho anh nhậu tối nay.

Nói xong, Phụng nốc cạn ly nước dừa rồi giục :

– Ngon quá, uống lẹ đi anh, không nó nóng bây giờ.

Mối tình của hai người ngày một thắm thiết, lớn dần như một giòng suối góp nhiều mạch nước len lỏi qua rừng gai hốc đá, âm thầm mà đầy sức sống. Nhiều đêm, tiếng đại bác ầm ì từ xa vọng về làm chàng thức giấc. Nằm im lắng nghe nhịp thở đều đều của Phụng, chàng đã từng nghĩ đến chuyện cưới Phụng. Bởi lúc đó chàng thấy mình an toàn quá, mà người đưa lại sự an toàn đó lại chính là Phụng. Đành rằng đó chỉ là cái ấm cúng trên nệm êm, dưới làn ra mỏng đắp hờ trên người, trong khi chiến tranh len lỏi vào mọi sinh hoạt trong nước. Nhưng chàng mở mắt thật to để xua đuổi những hình ảnh chết chóc, đổ vỡ, cố xem chúng như một cơn mộng dữ, kinh hoàng thật đấy, nhưng rồi sẽ qua. Chàng buộc chiến tranh phải dừng lại bên ngoài cây hoa giấy trước cửa. Phía bên này, trong buồng ngủ, có chàng, có Phụng, có âu yếm, có dỗi hờn, có cái hợp lý của một sự chung chạ bất chấp một giá trị đạo đức mà chàng vẫn hằng xem trọng, có cái rắc rối, nhiều khê của lối sống già nhân ngãi non vợ chồng.

Nhưng mỗi lần chàng động đến chuyện cưới hỏi, thì Phụng lại nói lảng sang chuyện khác hoặc kiếm cớ thoái thác. Một hôm ở Vũng tàu, tắm biển xong, hai người ngồi phơi nắng trên một mỏm đá. Nhìn hai con còng đuổi nhau trên bãi cát ướt thẫm một màu nâu sáng sáng, chàng hỏi

Phụng :

– Hay là ra giêng mình làm đám cưới đi.

Cái nhìn của Phụng bỉnh tĩnh dừng lại trong mắt chàng một hồi lâu rồi nó chuyển đi nơi khác, vọng ra phía xa xa nhấp nhô lớp sóng bạc đầu đuổi nhau trên biển cả :

– Sóng đẹp quá anh hã. Nói thiệt anh đừng cười. Quen anh , em mới dám tắm biển, chớ hồi trước em sợ sóng lắm. ... Mà thôi anh à. Thủng thẳng rồi tính cũng được.. Tàu chở gì mà lớn dữ vậy anh ?

Thấy Phụng có vẻ ngần ngại, chàng cũng không nài ép, lặng lẽ đánh diêm châm tẩu thuốc. Không biết gió biển hay khói thuốc đã làm Phụng cay mắt phải đưa tay lên dụi. Nhưng chàng nghĩ rằng đó là một ngấn lệ. Còn đó là nước mắt của một phút khổ đau hay sung sướng thì mãi cho đến bây giờ, chàng cũng không biết. Không muốn cho Phụng lại phải suy nghĩ về chuyện hôn nhân, chàng khơi chuyện khác :

– Phụng có thuộc thơ Cao Ba Quát không ?

– Hồi còn đi học, em cũng có nghe sơ sơ qua cái tên ông đó . Phải cái ông bị chết chém không ?

– Ông ấy còn làm cho cả nhà bị vạ lây nữa. Nhưngmà cũng không sao ! Tại vì ông có để lại mấy câu thơ tảcảnh mặt biển đẹp .. vô cùng, đẹp không thể tả được. Để hôm nào anh thử dịch toàn bài ra tiếng Việt coi, dầu sao thì cũng không thể nào bằng bài thơ chữ được..."*Lôi khu điện bác thảm nhân mục*"... ;sấm gầm chớp giật não lòng người.

Phụng lơ đễnh vờ lắng tai nghe chàng nói, nhưng tâm trí để ở những đâu đâu. Thấy thế, chàng im lặng. Suốt buổi chiều hôm ấy, thấy Phụng kém tươi nên chàng không hề đả động đến chuyện hôn nhân nữa. Mãi cho đến một hôm khác, gần hai năm sau khi hai người quen nhau.

Lần đó , về Sài gòn sau một chuyến công tác hơn nửa tháng ở miền Hậu giang, chàng cảm động khi thấy nét hân hoan lộ rõ trong ánh mắt Phụng , trong cái lăng xăng tíu tít chăm cho chàng tửng ly cà-phê thơm nóng, từng chai la-ve lạnh đúng độ. Chàng vui vẻ nhập đề :

– Phụng này, mình làm đám cưới đi. Lâu nay anh cũng để dành được một ít tiền. Đủ lo cho tiệc tùng... miễn là đừng đặt tiệc ở Ngọc Lan đình.

Đang lúi húi sắp đôi giày đinh của chàng vào một góc, Phụng quay lại nhìn chàng, vuốt ngược mớ tóc đang rũ

xuống trán rồi chậm rải tiến đến ngồi xuống cạnh chàng :

– Anh biết không, em lo cho thằng con em quá.

– Đối với anh, bé Dũng đâu có phải là một vấn đề. Anh vẫn thương nó như là con anh vậy, chắc em cũng thấy rồi.

– Tại anh chưa có con nên anh nói vậy. Anh không sao mà thương con người khác bằng con đẻ của anh được.

– Nhưng mà...

– Khoan, anh cho em nói hết đã. Em biết anh thương nó. Nhưng mà sau này nó lớn lên, nó có thương anh như cha thiệt nó không. Hay là tới lúc đó, nó không hiểu cho hoàn cảnh em, nó trách em, trách anh. Lúc đó có phải nó cũng khổ, anh cũng khổ mà em cũng khổ không?

Chàng cố ôn tồn thuyết phục Phụng :

– Biết bao nhiêu người đàn bà góa, có con, mà lúc tái giá vẫn gây được hạnh phúc cho mình, cho con.

Phụng buồn rầu lắc đầu :

– Lại còn một chuyện này nữa. Em là gái bán bar... Em ra sao thì anh biết rồi. Nhưng người khác... Cái nghề của em bị thiên hạ ở Sài gòn khinh khi. Hai ông em của anh thì thôi...được đi... đàn ông dễ... còn cô Yến, cô Nhạn, liệu họ có chịu cho em làm chị dâu họ không. Anh nghĩ cho kỹ mà coi. Em không muốn vì em mà sau này anh gây lộn với em của anh, bởi em biết mấy anh em của anh thương nhau lắm. Mấy cô đó không có ghét dữ gì em, nhưng mà chắc họ không thích cái nghề của em hiện nay. Cái đó là chuyện chắc.

– Anh lấy vợ cho anh chớ có phải lấy vợ cho em của anh đâu.

– Anh nói vậy chớ... khó lắm... sức mấy mà thiên hạ để cho mình yên.

– Sức mấy mà họ dám động tới anh.

– Thôi anh à... Mình ... cứ như vầy cũng được rồi. Họ có nói anh có nhỏ bồ bán bar cũng là chuyện thường, mà họ có nói em làm tiền anh cũng không hề gì.

Chàng ngồi thừ người, im lặng suy nghĩ, không phải vì đuối lý, nhưng vì cảm động. Một người đàn bà sáng suốt thấy rõ một trở ngại trên con đường mình đi, mà vẫn can đảm cắn răng bước được đoạn nào hay đoạn đó, cái bạo dạn ấy hẳn phải bắt nguồn từ một tình yêu chân thành mãnh liệt. Lòng chàng gợn lên một chút ngậm ngùi, xót xa cho hoàn cảnh Phụng. Chàng lặng lẽ vuốt tóc Phụng rồi vô tình lặp lại đúng cái câu mà chính Phụng đã từng nói với chàng

ở Vũng tàu :

– Thủng thẳng rồi tính cũng được.

Phụng nắm lấy bàn tay chàng, đôi môi mím chặt cố nén mấy giọt nước mắt :

– Thôi, để em sửa soạn đi làm. Anh có mệt thì cứ ngủ trước đi. Đừng chờ em. Em nhủ dì Sáu làm cơm cho anh rồi. Đừng đi ăn ngoài hoài vậy. Tốn.

Bây giờ, loay hoay mãi trong cái chật chội của áo cơm lứng tứng giữa một bên là cái phong phú, sung thiệm của những chặng đường khi thênh thang, lúc gai góc, nhưng mà những chặng trên đó chàng đã sống bằng máu, bằng lòng chân thật, sống trọn vẹn một trăm phần trăm, một bên là lối rẽ sang một tương lai lù mù mà chàng cứ nhắm mắt dật dờ bước tới không một chút hãm hở. Bởi cuộc sống hiện tại của chàng lắm lúc nhạt phèo, rỗng tuếch, nên nhiều khi chàng nhớ quay quắt đoạn đời gần Phụng. Người ta thường nói mình chỉ biết quí những gì mình có khi chúng đã mất. Nhưng trường hợp Phụng đối với chàng lại không phải thế. Chàng yêu Phụng, nâng niu mối tình với tất cả cái chi-chút của kẻ chơi hoa quí trọng một loài dị thảo. Chưa bao giờ chàng hất hủi Phụng, dù vô tình hay cố ý. Phụng cũng biết thế nên có lần nàng thủ thỉ:

–Anh tử tế với quá, lỡ sau này phải... xa anh, chắc em khổ lắm.

Nói đến hai chữ *xa anh*, Phụng hạ giọng xuống như trẻ con thì thầm mỗi lần nói đến ma, sợ nó hiện ra thật. Phụng thì hay lo sợ vẩn vơ như vậy, còn chàng thì trái lại, không bao giờ chàng nghĩ rằng Phụng và chàng có thể mất nhau. Bởi mối tình trưởng thành trên cái éo le của hoàn cảnh, cái bấp bênh của thời cuộc, nên chàng mạnh dạn lạc quan tin tưởng rằng nó sẽ trường tồn. Khi Phụng cứ khăng khăng không chịu lấy chàng, chàng khổ cho chính mình thì ít, mà buồn cho Phụng thì nhiều. Bởi chàng biết về lâu về dài, dù hai người không lấy nhau, mối rắc rối (dù có thật, hay tưởng tượng) đối với người xung quanh sẽ đương nhiên mà dần dà tự giải quyết một cách êm thấm. Còn giữa Phụng và chàng, tình không có gì là sai khớp hay lạc điệu. Cả Phụng lẫn chàng đã khá già dặn để chung vui một nụ cười tin tưởng ở tương lai, tuy nụ cười đó đã kém vẻ hồn nhiên ở một người đàn bà gần trẻ tuổi, ở một người đàn -

ông đã quá cái tuổi si dại, tuy niềm tin của hai người đôi khi bị một ít chán nản, một ít hoài nghi làm cho xáo động

Cái eo le của hoàn cảnh gồm những thứ trừu tượng, một vài khó khăn trên đường đi đến hôn nhân, tuy hai người đã sống với nhau như một cặp vợ chồng. Vậy mà chàng và Phụng đều b inh tĩnh suy luận để thấy rõ từng trở ngại con con , từng rắc rối vụn vặt. Còn cái bấp bênh của thời cuộc là những thứ cụ thể sờ sờ trước mặt, là vật giá leo thang, là mãi lực đồng lương của chàng ngày càng ít oi, là bom, là đạn, là súng là pháo, là những thứ chàng thấy tận mắt, nghe tận tai hàng ngày. Vậy mà chàng không hề nghĩ rằng trong những thứ đó, chàng còn tính s ớ t một tai nạn tầm thường thuộc loại tin vặt trên các nhật báo ở Sài gòn : xe nhà binh đụng xe gắn máy. Và Phụng là người ngồi trên chiếc xe hai bánh trong cái tai nạn hôm đó ở góc đường Hai Bà Trưng và Phan thanh Giản.

Lúc chàng vào đến bệnh viện thì Phụng đã tắt thở, xác quàn tạm trong một căn phòng nhỏ, nửa dưới bốn vách dát gạch vuông trắng đục, có tiếng máy lạnh chạy rù rù. Đang ng ồi xệp dưới đất, dì Sáu đứng dậ y, lắc qua lắc lại một cái đầu bù xù rồi gào lớn :"Khổ lắm ông ơi...i...i..." Bé Dũng thấy dì Sáu khóc cũng khóc theo. Một người đàn ông đen đen gầy gầy, tay cầm một cái mũ dạ đã sờn vành, từ một góc phòng tiến đến cúi đầu c h à o chàng :

– Dạ tôi là chú của ... cháu Phụng đây.

Chàng lễ phép cúi đầu chào lại rồi lặng lẽ tiến đến bên xác Phụng, mở tấm khăn đỏ đậy mặt, nhìn Phụng lần cuối. Mái tóc Phụng hơi rối, một bên má sưng to, phía gần sau gáy, có một vết máu đã khô. Trên một c hiếc bàn gỗ cố trải một tấm vải đỏ, mấy cây hương rung rung trong một chén gạo lấm tấm tàn nhang, có một chút gì như ngỗ ngàng trên hai ngọn nến leo lắt giữa nắn g trưa chan hòa đổ vào căn phòng mát mẻ sáng trưng. Chàng nghĩ thầm : "Quen Phụng bên một chiếc bàn trải khăn đỏ, bây giờ... xa nhau, lại cũng bên một chiếc bàn trải khăn đỏ." Thoang thoảng một mùi thuốc sát trùng hăng hắc, mùi máu tanh tanh, mùi hương nồng nồng. Tiếng rên rỉ của dì Sáu , tiếng thút thít của bé Dũng, tiếng đằng hắng khô khan của ông chú của Ph ụng, tiếng máy lạnh rù rù đều đều thỉnh thoảng bật lên vài tiếng lách cách. Chàng đặt tay lên má Phụng. Da mặt

tái xanh của Phụng lạnh ngắt bên bàn tay ấm của chàng. Chàng rút tay về, kéo tấm vải đ ậy mặt Phụng lại. Chàng định thắp ba cây hương để vái Phụng, chàng định tháo chiếc nhẫn mã não trên tay Phụng để cất làm kỷ niệm . Nhưng không hiểu sao lúc đó chàng thấy cái vô nghĩa của một cử chỉ kính cẩn, của một kỷ v ật thân yêu. Chàng tần ngần bên xác Phụng hồi lâu rồi quay lại hỏi ông chú Phụng

– Dạ thưa Phụng có trối lại được chi cho ai không ?

– Dạ không, cháu nó bị cái xe nhà binh hất, đầu va cộ t đ èn, bất tỉnh... rồi đi luôn.

Chàng suy nghĩ vài giây rồi đưa tay mời người chúcửa Phụng ra ngoài hành lang bên ngoài bệnh viện :

– Phụng vẫn thường nhắc đến ông Nhưng mà tôi không ngờ bây giờ gặp ông lần đầu lại ở trong hoàn cảnh này . Thôi thì nghĩa tử là nghĩa tận . Xin phép ông để cho tôi lo việc chôn cất. Phụng và tôi tuy chưa lấy nhau,nhưng cũng như...

– Dạ, tôi hiểu.

Chàng nghe tiếng giày mình vang lên trong cái hành-la ng dài, trống trải . Hai cô y tá đang tíu tít trò chuyện bỗng ngừng lại khi thấy chàng bước ra từ phòng để x d c Phụng. Chàng thọc tay vào túi quần một cách máy móc tìm cái tẩu thuốc. Nhưng chàng không đánh diêm châm mà nắm chặt lấy cái tẩu, bóp mạnh đến độ chàng tưởng nó có thể vỡ được. Ra khỏi bệnh viện, chàng phóng xe đến nhà Yến để báo cô em hốt dùm cái h ụi mà chàng vẫn đưa tiền để Yến góp giùm cho thêm lời chố tiền để dành. Thấy ông anh thường tiêu pha vẫn mực thước,tự nhiên cần tiền gấp , Yến vừa cúi xuống rổ tôm vừa nói :

– Em làm sao mà hốt ngay chiều nay được. Sớm lắm cũng đến mốt. Mà thiệt em cũng không có sẵn để đưa cho anh nữa. Mấy con tôm tươi quá, tối nay anh ở lại đây em làm chạo tôm anh ăn thử. Anh làm chi mà cần tiền gấp dữ vậy. Lấy vợ hả ?

– Chôn bô.

– Anh thì cứ hay giỡn cái kiểu đó.

Thấy ông anh không trả lời, Yến ngước mắt nhìn chàng v à lúc bấy giờ mới biết là chàn g không đùa. Yến quăng con tôm đánh chạch một cái, với cái khă n lau tay,trố mắt nhìn chàng :

– Cô Phụng hả anh ? Thiệt không ?

Chàng gật đầu :

– Mới hồi trưa đây. Bị xe nhà binh đụng.

– Thiệt à. Trời ơi, tội nghiệp quá. Thôi, anh ngồi đây chớ không có đi đâu hết. Cái bộ anh... em coi... lái xe rồi lại đụng nữa. Để em chạy lên chị Nhạn coi có ngay không.

– Con Nhạn làm chi mà có được. Thôi anh phải đi đây một chút, cứ lo cái hụi cho anh, mắc rẻ chi cũng cứ hốt . Rồi cô ra ngoài chùa xin phép thầy dùm anh, chiều nay anh chở quan tài Phụng ra chùa. Cô nhớ gặp cho được Tâm Tĩnh nghe. Ông ấy đứng đắn. Mấy ông thày trẻ bây giờ lễ nghi cúng bái không biết chi mấy. Nhờ thầy soạn cho cái lễ cầu siêu cho Phụng. Huỳnh thị Phụng, 27 tuổi, pháp danh... pháp danh là chi anh cũng không biết nữa. Mà anh cũng không biết hồi trước Phụng có qui y không . Để... anh hỏi lại. Cứ nhờ thầy lựa sẵn cho một pháp danh.

Thấy ông anh bình nhật không để ý mấy đến chuyện cúng tế kỵ giỗ trong nhà mà hôm đó tự nhiên lại nhớ rành rọt một vài điều cần thiết của nghi thức cầu siêu, Yến ái ngại nhìn anh :

– Được, anh cứ yên tâm. Em với chị Nhạn sẽ coi đám ... chị Phụng như là đám của chị dâu thiệt tụi em vậy.

Chàng thầm cảm ơn cô em tốt bụng, dễ tính, rồi gật đầu nhẹ thở dài bước nhanh ra xe, phóng thẳng đến công - ty ông Thịnh. Nghe chàng ngỏ ý cần tiền, ông Thịnh đứng phắt dậy, bước qua phòng bên, hí hoáy mở tủ sắt rút một xấp bạc bỏ vào một chiếc phong bì trắng dài rồi trao cho chàng :

– Cần thêm, anh cứ cho tôi biết. Chớ anh với tôi .... cái gì nhỉ ... *to return a favour* ... là trả ơn phải không , anh. Ấy, tôi mới học mấy chữ đó trong bài học anh ngữ tuần trước. Tiếng tây thế mà dễ, đọc có sai một chút, tây nó vẫn hiểu như thường. Còn cái tiếng Anh sao mà rắc rối đến thế, Viết một đàng đọc một nẻo. Ai đi đâu mà đoán được. Lại còn *i-đi-ôm i-đi-tíc* nữa. Chịu thôi. Già rồi học không vào nữa.

Đột nhiên, ông chiếu cái nhìn xoi mói lành lạnh vào đôi mắt mệt mỏi của chàng rồi hạ giọng :

– Trông anh có vẻ như mới bị một cú gì nặng lắm phải

không ? Ngoài chuyện tiền nong ra, tôi có giúp thêm được gì không ?

Chàng dựa lưng vào ghế bành to , mở to đôi mắt nhìn vào đôi mắt cũng mở thao láo của một con cá vàng trong một bức tranh sơn mài lớn treo trên tường :

– Chưa lấy vợ mà lại góa vợ. Bác nghĩ có oái oăm không ?

Ông Thịnh hỏi dồn :

– Ai ? Có phải cô gì làm ở bar bà Long đường Hai - Bà Trưng không ? Thật hả ? Khổ. Sao nãy giờ anh không nói. Thế mà tôi cứ đòi anh giới thiệu để cho biết nhau . Mà anh đâu có chịu. Mà cô ấy mất hồi nào ?

Chàng thuật qua tai nạn cho ông Thịnh nghe rồi đứng dậy cám ơn, ân cần dặn dò :

– Có một điều này nữa . Hôm nào đưa đám , mong bác đến một chút ... tôi sẽ liên lạc với bác sau để báo cho bác biết ngày giờ.

Ông Thịnh nắm chặt lấy bàn tay chàng :

– Lẽ tất nhiên. Lẽ tất nhiên. Anh không dặn thì tôi cũng đến.

Hồi còn thanh niên, chàng tuyệt đối không tin ở số-mệnh. Nhưng sau khi chứng kiến những sự ngẫu nhiên , khó giải thích đưa đến cái hên, cái xui trong cuộc sống của chính mình, của người thân, của bạn bè, buộc lòng chàng phải nhận rằng có những người hay gặp may và những kẻ sinh ra hình như chỉ để cho sự rủi ro nó theo sát gót. Phụng thuộc vào loại người thứ hai .

Cha mẹ Phụng mất từ hồi nàng mười bảy tuổi. Phụng và người anh ruột dọn về ở chung với ông chú làm nghề thợ may, góa vợ, đông con, tánh tình xuề xòa, hiền lành tốt - bụng. Máu mủ ruột thịt chỉ còn một người anh. Vậy mà người anh của Phụng lớn lên tự nhiên dở chứng, hết chìm đắm trong cái say sưa của thú đồ bác, lại vướng vào khổ luỵ của men nồng, để nằm xuống sau một thời gian vật lộn với một chứng bệnh gan bắt nguồn từ những bữa rượu không đếm chai. Khi về ở với chú , tối tối bài vở xong Phụng cũng bận chăm sóc cho mấy đứa em con chú, ráp một cái quần đã cắt sẵn, kết một hàng nút trên một cái áo sơ-mi, bởi tiệm của chú nàng, thỉnh thoảng nào đắt khách lắm cũng chỉ vừa đủ chỗ nuôi sáu đứa con, hai đứa cháu . Ở với chú ba năm, Phụng lấy chồng. Chưa được bao lâu ,

người chồng hiền lành ít nói – chỉ có cái tật mê cờ tướng – lại bỏ mình trong một trận đánh lớn ở Bình định. Sau khi sinh Dũng, Phụng xin được một chân việc trong một công ty xuất nhập cảng. Nhưng làm được mấy tháng, lại phải bỏ việc vì cái tật ghẹo nguyệt giữa ban ngày của một người đàn ông trong sở. Ông chú Phụng quen bà Long vì bà có một tiệm vải ở đường Gia long. Thỉnh thoảng Phụng lên lấy hàng vải, khất nợ cho chú, bà Long vẫn vui vẻ. Một hôm, bà ân cần hỏi Phụng :

– Em có muốn kiếm việc làm khá không ?

– Dạ muốn chớ.

Rồi bà cho biết vừa mới sang lại một cái bar ở đường Hai Bà Trưng, cần một vài người *dễ thương như em* đứng tiếp khách. Số lương bà trả cũng khá hậu, mà lại còn được chia khoản tiền *buộc boa* mà bà chắc chắn là sẽ khá lắm bởi đa số thân chủ là người ngoại quốc. Phụng hỏi đỏ mặt ngần ngại vì một lý do khác, nhưng nàng viện cớ không biết ngoại ngữ, lỡ có khách ngoại quốc, không biết nói năng ra sao. Bà Long đoán ngay được ý nghĩ của Phụng nên vội thanh minh :

– Không, chỉ đứng bán rượu tiếp khách thôi, học một vài câu sơ sơ được rồi. Còn ... cái vụ kia thì không có đâu.

Lúc đầu, nàng hơi bỡ ngỡ, nhưng vốn thông minh lanh lợi nên nàng quen việc rất nhanh. Tuy không biết một chút anh ngữ nào, Phụng vẫn có thể lăng xăng tươi cười, để che lấp chỗ khiếm khuyết của mình, để đối phó với cái sàm sỡ quá trớn của một vài người khách mượn hơi men hoặc say thật. Làm việc với bà Long được hơn hai năm, Phụng dành dụm được một cái vốn nho nhỏ, rồi xin phép chú dọn sang ở Tân định cho gần chỗ làm, mà một phần cũng vì nàng thấy bỏ lăn bỏ lóc Dũng ở nhà với mấy đứa con chú cũng không tiện. Thấy cháu cũng đủ cứng cáp để tự lập, ông chú gật gù :

– Ờ... vậy cũng được... có cái hơi bất tiện là mày đàn bà con gái mà ở một mình, tao sợ...

– Dạ không, dì Sáu về ở với cháu mà.

– Ờ... vậy cũng được... mà đừng có ở miết bển nghen. Gia định với Tân định đâu có xa gì. Thỉnh thoảng qua thăm mấy đứa em mày. Mày đi rồi tụi nó nhớ. Mà cũng phải chờ kỵ ba mày xong đã rồi mới dọn chớ. Tháng tới

kỵ ba mày rồi nè.

Những phút gần gũi, Phụng thường tỉ tê với chàng về những mẩu chuyện con con trong đời nàng, những mẩu chuyện đã giúp cho chàng thấy được cái dáng dấp cứng cỏi của con người phấn đấu bên trong cái thân hình dẻo dang mềm mại của Phụng, khi phải giải quyết những bài toán khó dưới áp lực của hoàn cảnh riêng, của bối cảnh xã hội trong chiến thời. Những cân nhắc, đắn đo, suy hơn tính thiệt, đôi khi còn pha một chút liều lĩnh.

Một lần, hai người đang ngồi trong tiệm phở "79", chợt Phụng đặt mạnh đôi đũa xuống bàn, hất mạnh mớ tóc về phía sau, quắc mắt, lớn tiếng :

– Tôi không có cười với cái thứ đàn ông chuyên béo đít con gái đâu.

Chàng quay đầu nhìn đối tượng của cơn giận bất ngờ của Phụng : đó là một người đeo kính cận thị khá dày, bộ ria mỏng làm nổi bật đôi môi dày hơi thô bên cặp má bầu bầu nhiều mỡ chảy gần mang tai. Bị mắng bất ngờ, người đàn ông xô ghế đứng dậy, toan sùng sộ nhưng đôi mắt y đảo nhanh, dừng lại cũng rất nhanh trên mấy cái hoa mai trên vai chàng. Y đổi ý định, mắt len lét, bước ra khỏi tiệm phở.

– Ai vậy ? Em ấu quá. Mắng người ta giữa đám đông. Mà lại không có bằng chứng chi cả. Đâu có được.

Mặt Phụng hầm hầm :

– Sùng. Thấy cái mặt nó là em lộn ruột. Thằng cha hồi trước cứ hay dê em trong sở. Cần gì bằng chứng. Coi cái mặt nó là người ta biết rồi.

Chàng đùa :

– Thì bàn tay người đàn ông nào mà lại không có ... những động tác thuộc vào loại đó... một vài lần trong đời.

Khi thấy mấy người khách tủm tỉm nhìn theo người đàn ông bị lật tẩy giữa đám đông đang tiu nghỉu cố len qua dãy ghế chật chội để ra khỏi tiệm, Phụng cũng nguôi ngoai, nhưng vẫn chưa hết giận, quay sang gây chàng :

– Thì cũng phải tùy chớ, tùy người chớ. Anh còn muốn bênh nó nữa sao. Tút ! Tô phở đang ngon !

Lúc gặp chàng, đời sống vật chất của Phụng đã có phần thoải mái, thỉnh thoảng nàng đã có thể sắm cho bé Dũng một thứ đồ chơi khá đắt tiền, dúi cho ông chú một

món nho nhỏ để "chú nhậu la-de", đưa lũ em con chú đi xi-nê. Nhưng đó cũng là khoảng thời gian mà nàng cảm thấy những nhu cầu của nội tâm, của đời sống tình cảm mà nàng vẫn cố gạt sang một bên, dần dà trở nên thúc bách, khiến nàng tự thấy mình thêm lẻ loi trơ trọi. Đôi khi nàng lại còn thấy dao động vì những đòi hỏi tự nhiên ở trong một thân hình cân đối nở nang mà nàng không dám ngắm nghĩa kỹ qua tấm gương lớn trong buồng ngủ, những dao động mà nàng cố nén, lại giống như những cái xoáy do một con nước ngầm tạo nên, lăn tăn gợn trên mặt nước, rồi lại biến đi để hiện ra chỗ khác.

Quãng đời chung sống với chàng, Phụng có sung sướng thật đấy, nhưng chàng biết Phụng cảm thấy hạnh phúc đó mong manh lắm. Có lần nàng thở thẻ: "Anh biết không. Anh với em... giống như mình đan một cái khăn choàng cổ vậy. Đủ kín cổ rồi thì mình muốn nó ngắn cũng được, mà dài bao nhiêu cũng được". Lúc thấy vết máu khô đọng một màu tím thẫm sau cổ Phụng, chàng nghĩ đến câu nói đó. Chàng có cảm tưởng rằng Phụng đã nằm xuống khi cái khăn len đó chưa đủ dài để quấn kín một vòng cổ. Chàng thấy Phụng rủi ro quá, thiệt thòi quá. Chàng thấy cần phải làm một điều gì cho Phụng trước khi vĩnh viễn chia tay nhau. Lòng tiếc thương Phụng đã khiến chàng nảy một quyết định hoàn toàn do một động cơ tình cảm thúc đẩy không có một mảy may ánh sáng của lý trí. Chàng đã tự-nguyện đứng ra lo việc tống táng. Hành động bộp chộp ấy của chàng khiến cho một người xấu số như Phụng, chết rồi mà vẫn còn bị những cái rắc rối, rầy rà của người sống nó hành trước khi được ngủ yên dưới ba thước đất: ông bà nội của bé Dũng ở Long xuyên lên nói thẳng cho chàng hay rằng dù sao thì Phụng cũng còn là dâu của ông bà, chàng không nên dính vào; bé Dũng, vì quen với chàng, lúc đầu không chịu về ở ông bà nội, biết bao những thứ vụn vặt khác mà nếu không có cái tài ngoại giao mà chàng bất ngờ khám phá ra ở ông Tư – chú của Phụng – có lẽ không tài nào thu xếp cho ổn thỏa.

Những cái rắc rối vô óc mới g iải quyết được mà bây giờ đứng trước những mất mát lớn do ho àn cảnh lịch sử tạo nên, chàng bỗng thấy chúng giản dị quá, nhỏ nhặt quá, làm cho chàng không khỏi lắc đầu suy nghĩ về lẽ tương-đối c ủa sự vật. Mất nhà, mất quê hươn g, mất luôn cả một nếp sống riêng, một lối sống chung mà chàng biết bây giờ, giá có trở lại Sài gòn cũng không thể có lại được. Rồi .., chàng bỗng tiếc những khó khăn v ụn vặt xung quanh tang lễ của Phụng, ước chi chúng lại xảy ra một lần nữa để cho chàng có dịp sống với những cái con con, tủn mủn thật đấy nhưng mà sống bằng tim, bằng phổi, bằng tha thiết chân th ành, bằng thương yêu trọn vẹn.

Hình ảnh bé Dũng đứng giữa ông bà nội nó hôm đám tang tự nhiên hiện rõ trong trí óc chàng. Chiếc mũ rơm tí-hon, cái áo dài trắng sổ gấu, cái gậy con con mà Dũng c ầm ngang như một quân nhân cầm súng. Ông Thịnh , trịnh trọng trong một bộ đồ tây màu than đá, chiếc cà-vạt đen thắt nơ tam giác, bà Long mặc áo quần đen nhưng đánh phấn quá nhi ều và bôi son thắm quá, ông chú Phụng vấn lùi xùi với cái quần rộng đáy, chiếc sơ-mi đã ngả màu vàng, chiếc mũ dạ sờn vành, thầy Tâm Tịnh với giọngtụng kinh kiểu Huế, bình thản ngân nga mãi câu *Nam mô tiếp dẫn đạo sư* một người quân nhân Mỹ mà Phụng quen ở bar bà Long, mấy người bạn gái của Phụng, hai người em gái của chàng. Chàng rờn rợn cảm thấy cái lạnh lẽo, trống - trải của nắng trưa miền nhiệt đới đổ xuống nghĩa trang hôm đó bây giờ lại chợt len lỏi vào tâm hồn. "Không hiểu bé Dũng bây giờ ra sao. Mấy người kia có chạy được không. Mà cái nắng hôm nay cũng vậy, trời hôm nay cũng vậy : trong xanh mà cao quá."

Bầy se sẻ hồi nãy bỏ đi bây giờ lại sà xuống mặt cỏ ríu rít kiếm ăn, lau chau như một lũ trẻ giành kẹo. Cảnh thì vui.

"Mà mình thì không vui chút nào cả," chàng nghĩ thầm vậy rồi thong thả bước ra khỏi công viên.

TRÚC CHI

(Trích *Chập Chờn*)

mùa đông

Khoác áo lông xù giả làm tráng sĩ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sặc mùi vũ khí
Mứa tưng bừng vào thinh không giá băng

Khoái thay đời ta, một đời quái đãn
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau làm nhà thơ di tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân lang bạt
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thở đồi cao gió mát
Đi ngất ngây thương lúa vàng hương cau
Đi uống chung vui, đi chia tan tác
Đi trần hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mềm bếp hồng trước mặt
Đi bùng bão biển quê hương phía sau
Những bước thú hoang lạc rừng đất khách
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu.

Sông không đầu đuôi, sông màu đá cục
Dưới trên lấn lộn trời đất mênh mang
Ta ngửa cổ làm tên khùng Bắc cực
Một mình cười cùng thinh không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên núi lưng trời cũng thấp
Khi bi ai thân cỏ mọn bên đường

Sống dài ! Sống dài ! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ ! mục trong áo cơm ?
Núi cao ! Núi cao ! Ta về chẳng đến
Chí trượng phu, hừ ! vùi trong giá băng ?

CAO TẦN

bài thơ trong bình bát

Sư nhỏ ra quét lá
Chân giẫm phải bụi trần
Sư ngồi im buông chổi
Hoa sớm rộ tiền thân

Áo ai vừa qua ngõ
Sư nhỏ bỗng p hân vân
Lòng đi theo mây trắng
Quên chổi nằm trong sân.

HOÀNG TIỂU BỒ

BÊN NÀY ĐẤT NƯỚC

• NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

Thành phố San Francisco buổi chiều đứng trên căn phòng trọ cao nhìn về phía biển thấy mất nước nhấp nhô những mâu buồm và những cánh chim bay lượn đầy trời. Ngữ bảo tôi, Mình nghĩ sao hồi ấy lại chọn San Francisco ?

Tôi run vai: – Chả biết. Đi hoài đến lúc chán nhất muốn dừng lại thì vô tình lại là San Francisco, nên quyết định ở đây luôn..., cho đến khi nào... lại thấy mình chán trở lại.

Ngữ cười nhưng anh chẳng nói gì nhiều, anh chỉ đứng yên quan sát những cánh chim biển rồi gật gù: – Anh thích cái tên Cựu-kim-sơn. Tên nghe dễ thương. Nghe là đã thấy có trời, nước và gió lộng. San Francisco đẹp đấy chứ. Nói xong anh cười và gọi ngoài khoảng không : – O, Cựu-kim-sơn. Ta yêu em.

Tôi cười, anh điên vừa thôi chứ. Thật ra với tôi, thành phố nào trên đất Mỹ, đúng ra bất cứ nơi nào tôi đến sau khi rời Sàigòn, cũng như nhau. Chẳng đâu làm tôi thấy mình vui hơn hoặc buồn hơn. Nhiều khi tôi có cảm tưởng tình cảm mình giờ như chiếc kim đồng hồ đã chết. Hết mọi giờ khắc sớm muộn. Chỉ đứng nguyên một chỗ dầu đêm, dầu ngày. Bạn bè bảo tôi, Minh bị "bệnh Sài-gòn". Có lẽ. Và nếu thật vậy thì bệnh tôi chắc nặng lắm, không tìm ra thuốc chữa nữa.

Tôi gặp Ngữ khi anh biên thư cho tôi từ West Virginia than trời bên đây lạnh quá Minh ơi. Biết qua Mỹ lạnh vậy thì ngày ấy anh đâu có mãng. Thư Ngữ làm tôi nhớ nhà. Ngữ viết thư như con người anh, lúc nào cũng đùa được, Tôi trả lời Ngữ, đã ở Mỹ thì tứ hải giai huynh đệ, bốn phương cũng là nhà, có chi mà anh lo quá vậy. Tính ăn đời ở kiếp, xây nhà mọc rễ đất Virginia chắc. Về Cali một chuyến xem sao.

Và Ngữ ghé thăm tôi ở San Francisco. Cả mấy năm trời không gặp, nhìn lại Ngữ, tôi thấy anh có thay đổi hơn xưa. Đó là chuyện đương nhiên. Nhưng Ngữ vẫn gầy như dạo anh còn ở Sài-gòn, vẫn cặp mắt kiếng trắng quá to với gương mặt anh. Tôi bảo Ngữ, trông anh chẳng khác chi dạo còn chiều chiều ra Pagode ngồi nhìn thiên hạ. Bơ sữa Mỹ nhất định không làm gì nổi anh sao. Ngữ càu nhàu, anh không chịu được mùi bơ sữa Mỹ.

Ngữ có vẻ già hơn xưa. Mái tóc anh đã nhuộm màu hai bên thái dương, cặp mắt anh đã có những đường nhăn. Nhưng con người Ngữ vẫn còn nguyên vẻ phong trần nghệ sĩ những năm đầu tiên tôi gặp lại anh.

Tôi đưa Ngữ đi thăm San Francisco. Chúng tôi vào một quán nước ngồi nhìn ra mặt phố. Phố xá San Francisco lúc nào cũng nhộn nhịp và mùa hè đã đến làm cái đông đúc ấy trở nên một vẻ duyên dáng của thành phố. Tôi hỏi Ngữ có tính dọn về Cali. Anh bảo đi lêu bêu khắp nước Mỹ rồi cũng phải ghé ngang Cali. Tôi bảo, anh chỉ tính *ghé* ngang thôi sao. Ngữ cười,

- Người ta bảo Cali đi dễ khó về..., lúc nào cũng đông và vui lắm. Nhưng đông hay vui rồi cũng chẳng làm gì. Đời sống Mỹ đủ nhức đầu rồi, thêm với cái đông và vui nữa chắc chết.

Tôi bảo: – Anh có muốn chết cũng chẳng ai cho. Còn sống để mà về gặp vợ con nữa chứ.

Ngữ mơ màng: -- Chắc đó là lý do duy nhất đang làm anh cảm thấy mình có bổn phận phải sống. Rồi anh hỏi tôi, Thế nào phấn cô đã tính gì chưa ?

Tôi lắc đầu: -- Dĩ nhiên là chưa. Chồng con gì thời buổi này.

Ngữ cười: -- Cô nói chuyện nghe như ở Việt nam mấy ngày cuối. Qua đây thì cũng nên sắp đặt cuộc đời mình cho có hệ thống lâm cô ạ. Mình còn trẻ mà. Để rồi như anh, hai thứ tóc trên đầu, mà cũng lêu bêu chẳng ra cái thống chế gì cả.

Ngữ làm tôi bùi ngùi. Anh có thể đang cười đùa trước mặt tôi, "Anh chỉ muốn cho cô vui lên một tí. Lâu ngày anh em gặp nhau mà nghe than thở thì nản quá". Nhưng những người cùng lứa với Ngữ, bao nhiêu lần cuộc đời phải bắt đầu trở lại ? Gia đình tôi quen với Ngữ từ khi tôi còn bé tí xíu, khi Ngữ chỉ chừng 14, 15, mới theo bố mẹ di cư vào Nam. Ngày ấy hẳn anh cũng như tôi lúc này, mơ tưởng một ngày trở về, mơ tưởng mình có thể bắt đầu trở lại cho một điều gì đó vĩnh viễn hơn. Tôi nói cho Ngữ nghe ý tưởng mình và anh chỉ cười rất lặng lẽ. Tôi nhớ Ngữ ngày còn nhỏ. Bạn bè các anh tôi rất nhiều, tôi không nhớ hết. Ngữ dễ nhớ vì anh là "thằng bắc cờ rau muống" duy nhất đến nhà chơi. Ngữ vẽ đẹp. Anh vẽ từ khi còn bé. Mấy anh tôi ngày xưa ưa bày đủ trò chơi và Ngữ luôn luôn được triệu về để "vẽ hộ". Mẹ tôi thương Ngữ lắm, bà bảo, thằng đó hiền, phải cái giọng nói khó nghe. Mấy anh thì phê bình, tụi Bắc kỳ nói nghe như hát, lười cứ quíu cả lại vì ba cái xờ với zờ. Ngữ có mấy người em gái đẹp lắm. Mấy anh tôi bảo vậy và suốt ngày cứ bàn tán về hai cái cô Mai Hương và Mai Trang nào đó. Tôi có gặp mấy người em Ngữ sau này. Chị nào cũng xinh. Chị Mai Hương mở một gian hàng bán mỹ phẩm ở Crystal Palace, và ở lại Sài gòn. Chị Trang đi Pháp từ bé và lập gia đình bên ấy. Và dĩ nhiên tôi cũng gặp cả Ngữ. Lúc anh ấy đã ra trường Chính-trị Kinh-doanh Đà-lạt, bỏ xuống Sài-gòn đi vẽ, và vào lính.

Ngữ có vẻ thích San Francisco. Tôi bảo tôi yêu San Francisco vì những sướng mũ của nơ, và khi mình ra khỏi đấy, mình chỉ là một Từ-Thức hay Lưu-Nguyễn trở về. Ngữ thì bảo, buổi chiều ra phố, thành phố này nhiều gió, nghe tiếng xe điện leng keng anh nhớ ngày còn bé quá. Tôi nói, ngày còn bé của anh có ở đây đâu mà nhớ. Ngữ mơ màng: -- Anh nhớ Hà-nội. Nhớ cái thời kỳ buổi chiều mẹ đón anh tan học dẫn ra bờ hồ. Hồi ấy Hà-nội còn xe điện chạy kêu leng keng.

Tôi cười bảo Ngữ: -- Đến bây giờ mà anh còn mơ về

Hà-nội nữa sao.

Ngữ gật gù: -- Lâu rồi anh chẳng còn mơ thấy Hà-nội nữa. Hai mươi mấy năm qua rồi. Mình có muốn nhớ, ký ức cũng mập mờ. Càng lớn tuổi càng có nhiều điều đến với mình chi phối.

Tôi nhìn ra chuyến xe điện chở đầy khách du lịch vừa chạy ngang bảo Ngữ :

-- Mình vẫn còn nhớ rõ Sai-gòn như in.

-- Có thể. Mình còn trẻ và Mình lớn lên ở đấy.

Chúng tôi cùng yên lặng. Ngữ hầu như là người bạn cũ duy nhất của tôi ở Sai-gòn mà tôi gặp. Bạn bè quen biết mới tôi cũng có nhiều, nhưng được ngồi nhắc nhở kỷ niệm với một người đã cùng có phần vào trong những kỷ niệm ấy của mình vẫn là điều hạnh phúc hơn cả.

Ngữ qua Mỹ một mình. Những người cùng hoàn cảnh như anh rất nhiều. Đến bây giờ cũng chẳng ai giải thích được tại sao mình đã quyết định chọn lựa trong tích tắc cả một thay đổi lớn cho cuộc đời mình. Gia đình Ngữ ở lại. Chị Ngữ và đứa con bốn tuổi. Tôi hỏi Ngữ có biên thư về nhà. Anh bảo có, nhưng thư Sai-gòn lúc nào cũng qua trễ. Thằng bé con anh giờ đã khá lớn. Bảy tuổi rồi. Đi họp hội đoàn thiếu nhi chống nguỵ cứu nước được rồi. Rồi anh cười thật buồn :

-- Biết làm sao bây giờ. Dây vô mình hoài vì một quyết định hốt hoảng. Nhiều khi anh không có tìm thấy mục đích hay lý tưởng cuộc sống mình nữa và anh thấy mình hèn kinh khủng. Sống mà không thấy hạnh phúc, không còn một động lực nào thúc đẩy mình phấn đấu. Phi lý quá Minh nhỉ.

-- Vậy tại sao anh vẫn tiếp tục sống.

-- Để tiếp tục chờ đợi.

-- ... ?

-- Một ngày về. Chắc là vậy đấy Minh.

Tôi không biết ngày về của Ngữ, của tôi, sẽ thật gần hay hãy còn xa lắm, nhưng chắc chắn đấy vẫn là giấc mơ của rất nhiều người ở lứa tuổi tôi, tuổi Ngữ, hay ở thế hệ những người lớn hơn. Tôi bảo Ngữ, người Do-thái lúc nào cũng chào nhau : "Next year in Jerusalem", anh biết không ?

-- Anh đã nghĩ vậy khi bước lên tàu vào Đà-nẵng ngoài Hải-phòng. Nhưng..., anh không biết Minh có đọc một bài tập đọc, hình như là "Lìa mái trường" của Chê-lan-viên thì phải. Và ngày xưa, Chê-lan-Viên đã vì những cậu

học trò sắp rời trường như những người Do-thái phiêu linh. Bây giờ nhìn lại mình anh mới thấy thấm thía. Chúng ta như những cậu học trò đã bỏ trường, bỏ lớp. Hẳn sẽ cũng có một ngày vô tình trở về trường cũ, nhưng tâm hồn chúng ta ngày trở lại chẳng còn là tâm hồn những người học trò bé bỏng ngày xưa nữa...

-- Anh không nghĩ đến một lời hẹn trở về nữa sao ?

-- Sài-gòn. Chứ chẳng còn là Hà-nội nữa. Anh vẫn còn nghĩ đến chữ Minh. Nếu không đã chẳng ngồi đây.

Tôi cười: -- Hồi vào Nam anh bao nhiêu Ngữ nhỉ ?

Ngữ rùn vai: -- Mười bốn, mười lăm. Lần đầu tiên anh đến chơi nhà, Minh hãy còn bé tí teo, mới chập chững mà. Rồi anh cười, mình lúc nào cũng đánh bóng quá khứ, gọt nhẵn mọi góc cạnh khúc mắc nên kỷ niệm lúc nào cũng tuyệt vời và hoàn hảo. Có thể một ngày nào đó, những người trẻ tuổi như Minh sẽ chấp nhận nơi chốn mới như một quê hương. Anh đã thương Đà-nẵng như thể anh đã sinh ra ở đấy. Anh đã yêu Sài-gòn hơn Hà-nội, không phải vì anh vô tình nhưng vì kỷ niệm Sài gòn còn rõ ràng, mà Hà nội thì đã xa vời đầu mất. Rồi Ngữ chợt cười :

-- Mình nói chuyện như người già. (Rồi anh tặc lưỡi) nhưng cũng đành phải già, phải không Minh ?

Tôi cười. Nhưng tôi không nghĩ sẽ có một ngày tôi chấp nhận một quê hương nào mới. Vì ngoài những ràng buộc của quá khứ, của kỷ niệm, của mất nơi chốn quen thuộc, tôi còn những ràng buộc khác thiêng liêng hơn. Và Sài-gòn, Hà-nội chỉ cách biệt nhau vì kỷ niệm, trong khi giữa nơi tôi đang sống và quê hương cũ cả ngàn điều cách biệt không cho tôi chấp nhận một sự thay thế nào cả.

Chung tôi ngồi rất lâu trong quán nước. Những tiếng nhạc chập chùng, và bóng người qua lại. Ý tưởng chúng tôi hẳn cũng bay ra khỏi cái vòng tròn đông đúc ấy để vụt thoát, vượt bờ biển rộng dưới kia và cùng về lại một thành phố cũ, những con đường, con phố, ngã hẻm cũ đã tạo nên tâm hồn chúng tôi ngày nay. Những gương mặt bạn bè quen biết của một khung trời rất xanh và mây trắng tản man một tuổi nhỏ đầy mộng mơ trong ấy. Sự yên tĩnh của buổi sáng mơ hồ. Người bán hoa bên lề đường đang cắm cúi cột những chiếc cosmos đọng nước thành từng bó. San Francisco có lẽ dễ thương thật. Quán nước buổi chiều đông khách, âm thanh, mùi vị, màu sắc thành phố vây quanh tôi đang làm tôi nhớ đến một Sài-gòn đã qua, đã mất và hoàn toàn khác lạ với nơi này. Sài-gòn những buổi trưa không về

nhà, vào ci-né máy lạnh ngồi xem một phim cũ chiếu lại, nhìn thấy Mỹ-quốc rất mơ hồ trên khung vải trắng. Nước Mỹ ngày ấy như một miền đất mời mọc mơ ước. Cựu-kim-sơn. Tên gọi nghe vời vợi một bầu trời xanh cao. Nước Mỹ trong tôi thèm thuồng mơ ước, như Phạm-công-Thiện bật khóc trong Ngọc-Lan Đà-lạt ngày nào. Nhưng nước Mỹ đây rồi. Và tôi đang ở trong ấy như một người khách lạ. Cựu-kim-sơn. Mà nghe lòng mình cứ đầy ơ hờ và ân hận.

Ngữ đã yên lặng rất lâu, anh đang nhìn ra con phố trước mặt. Ngữ bỏ hút thuốc từ ngày qua Mỹ, anh bảo chẳng biết tại sao, chắc tại thuốc lá Mỹ nhạt thếch không chừng. Đôi mắt Ngữ xa vắng. Tôi nghĩ nếu nhìn vào đôi mắt ấy hẳn tôi sẽ thấy lại được hình ảnh chị Ngữ và đứa con bảy tuổi của anh trong ấy. Rồi Ngữ chợt mỉm cười, nhìn tôi :

-- Anh nhìn thấy Sài-gòn Minh ạ.

-- Ở đâu ?

-- Sài-gòn khắp nơi, tràn ngập. Nhưng chẳng phải lúc nào mình cũng được có cái hạnh phúc ấy đâu Minh. Chỉ đôi khi. Trong lòng những người đi xa như anh, như Minh...

Và tôi muốn bảo Ngữ rằng, có phải vì chúng ta chỉ bắt gặp nó trong những thoáng hiện rất mong manh của đời sống thôi phải không.

Một chuyến xe điện khác lại chạy qua, đầy những nụ cười. Thành phố này tưng bừng. Tôi bỗng nghĩ rằng tôi lại muốn đi xa một lần nữa. Tôi muốn nhìn thấy thay đổi. San Francisco cũng chẳng có gì để giữ tôi lại. Tôi nghĩ tôi sẽ đón xe điện đưa Ngữ xuống phố Tàu chiều nay.

●

Ngữ chỉ ở San Francisco vài ngày và trở về lại West Virginia. Và tôi cũng dọn khỏi San Francisco. Vài tháng sau tôi được thư anh chuyển về địa chỉ mới, đóng dấu bưu điện Alaska. Trong thư anh bảo tôi :

"Alaska tuyệt vời lắm Minh ạ. Anh đã về trở lại. Màu trắng hơi nhiều nơi đây. Cuộc sống yên tĩnh quá đôi lúc mình nghi ngờ sự hiện hữu của mình. Nhưng anh đã tìm thấy mục đích cho đời mình hơn là bỏ nó trôi nổi. Anh tính làm giàu đón chị và cháu qua. Tranh anh có nhiều khoảng không. Chẳng biết có phải vì lòng mình cũng đầy những khoảng không".

Tôi mỉm cười nghĩ đến Ngữ gầy còm nghệ sĩ than van trời West Virginia lạnh chịu không được, giờ đây sẵn sàng vác cá, vẽ tranh, làm giàu, và nhớ vợ con. Tôi mừng anh

tìm thấy mục đích tranh đấu cho đời sống riêng mình.

Cuối thư Ngữ nhắn tôi, một lời hỏi tôi cũng chưa tìm được câu trả lời. Bao giờ thì cô mới hết thấy chán nơi mình đang sống và thôi không đời chỗ ở nữa ?

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

thu

Ai tặng thu hồng trên lá cây,
Khói lam hôn nhẹ má trăng gầy.
Mây đùn bông nõn trời xanh thẳm,
Cành đỏ muôn vàng, cơn gió bay.

Đếm lá thu rừng chân Bé Nai,
Gió thu réo rắt hát đêm dài.
Trăng tròn chín rụng hồ gương bóng
Lếch thếch lưng trời mây kiếm ai ?

Gió gửi lạnh về sương chớm thu,
Mưa ngâu thút thít khóc mây mù.
Tình thư lá viết ngoài song cửa,
Thu biệt, cành sầu, cây muốn tu.

Từ độ thơ về theo ý em,
Mang mang say đắm trái tim mềm.
Ý thu quyến rủ hồn hoang vắng
Lãng mạn thu tình ý muốn xem.

LÊ NGỌC HỒ

BƯỚC SẦU

Mỗi bước tha hương một bước sầu
Ngùi trông quê cũ, ôi ! quê đâu ?
Nhạt trăng viễn xứ đau hồn cúc
Lạnh phím quan hoài lả ngọn dâu
Hờ hững mây trôi, buồn đắm mắt
Xót xa én lạc, tuyết pha đầu
Trường giang sóng hận sầu thiên cổ
Vạt áo thời gian biết mấy màu !

TUỆ NGA

NHỚ VỀ CON SÔNG THỊ-NẠI

Khi còn bé sau giờ tan học
anh một mình dạo khắp bờ sông
trăng vừa lên, gió thoảng mùi bùn ướt
anh làm thơ với vần điệu ngây ngô
rồi sông chảy nước xuôi về biển cả
anh lớn khôn vào lơ lửng trong đời
thơ mỗi tuổi mỗi thời thêm sẻ sắt
tâm hồn anh dần cũng đã rách bươm
có đôi lúc nhớ về bờ sông cũ
lòng mênh mang theo hơi gió hương bùn

ôi, thơ ấu biết bao giờ về lại
không thể hai lần cùng tắm một dòng sông
lẽ biển hoa chở anh đi xa mãi
một thiên đàng còn chỉ để ước mong

NGH. L.
(Little Rock)

buổi học tập

● PHAN TÙNG NGUYÊN

Bà Tám bao giờ cũng là người đến sớm nhất. Những buổi học tập chính trị trong xóm như thế này là dịp mà bà Tám cảm thấy được bước đi lên của bà trong xã hội mới. Lấy đúng ông chồng chỉ biết ca vọng cổ và thụt bi-da, bà đã sớm trở thành người kiếm cơm của gia đình. Trong những nghề nghiệp làm ăn của một người đàn bà Việt nam, bà đã chọn một nghề rất hợp với cái mồm thích chửi bới của bà : nghề cho vay cắt cổ. Trong cái xóm nhỏ khu Chợ Vườn-chuối này, tiếng mõ tụng kinh và tiếng chửi bới những người góp tiền lời trể của bà Tám trở thành một âm thanh quen thuộc còn hơn bản nhạc xổ-số kiến-thiết. Một lỗi lầm đã làm đảo lộn thế đứng của bà. Bà đã chửi ròng rã mấy ngày để lấy lại được tất cả tiền cho vay để đầu tư vào vụ nuôi chim cút. Dĩ nhiên một chuyên viên tín-dụng như bà mà lận qua địa hạt đầu tư thì phải sụp tiệm như đa số nạn nhân vụ chim cút. Như vậy là từ một chủ nợ sừng sỗ bà đã đổi qua

thành một con nợ sừng sỗ không kém. Cái lưỡi của bà phải chia thời khóa biểu để đóng hai vai. Niềm nở lúc vay tiền và cong cớn lúc ai nhắc bà trả tiền. Từ từ nguồn tài trợ hiếm dần, bà Tám sống dựa vào một phần tiền của thằng con trai duy nhất của bà kiếm được trên bước đường giang hồ của nó. Giang hồ đây xin hiểu là giật đồng hồ, cạy kiếng xe...

Lần thay đổi chế độ ở Miền Nam thật là một cuộc cách mạng giải phóng cho gia đình bà. Các chủ nợ, một phần đã bỏ đi ngoại quốc, một phần còn lại thì cũng không ai dám đóng vai chủ nợ trong buổi giao thời.

Ông Tám xung phong vào đội văn công khóm, đi ca cổ động ngừa dịch tả, hốt rác v.v... Thằng con bà tiếp tục giật đồng hồ bán rẻ lại cho cán bộ. Vậy là thế cách mạng của gia đình bà lên rẹt rẹt. Những năm lẫn lộn trên đường phố Sài-gòn đã khiến thằng nhỏ lanh lẹ vô cùng. Mới giải phóng một tuần mà nó nói danh từ cách-mạng nghe điếc lỗ rầy. Dĩ nhiên là bà Tám cũng học của nó được một phần và bà đã nổi bật trong các buổi học tập tại Phường, Khóm. Giọng chửi của chú nợ của bà đổi sang giọng chửi cách mạng rất thích hợp và vẫn tích cực hữu hiệu như thường.

Bà con lục tục đến và ai cũng gởi bà Tám một cái cười nể nang, tuy không mấy ai ưa bà !

Buổi học tập bắt đầu khi anh cán bộ đến ngồi vào ghế chủ tọa và rút chân lên theo kiểu ngồi nước lụt. Bà Tám có tinh thần giác ngộ cách mạng rất nhanh, kiểu nước lụt bà cũng co chân lên ngồi liền. Có lẽ trong thâm tâm bà, bà cũng rất tiếc là bà không đẩy được bai hàm răng bà ra phía trước kiểu mái hiên như anh cán bộ và nước da của bà chưa được màu tai mét của nhiều năm kháng chiến. Còn cái vẻ bần cố nông thì Trời chiều đãi anh cán bộ quá mức rồi, bà không hy vọng gì bì kịp.

Anh cán bộ bắt đầu nhai một số luân điệu và danh từ dai dẳng như anh đưa đôi dép bình-trị-thiên vào miệng. Rồi buổi học tập lại xoay qua hai phần, trước là chửi Mỹ ngụy, sau là tri ân cách mạng.

Anh cán bộ mời từng người phát biểu ý kiến. Mọi người quờ quạng tìm một đường lối chửi cho có đóng góp. Thậm chí có người không ngần ngại gì mà nhắc lại gần nguyên-văn của người trước vừa phát biểu. Đó là một cơ hội cho thầy Tân xổ cái ấm ức của thầy. Thầy Tân là một thư ký hãng tư, thuở nhỏ có học hành chút đỉnh và đã bao nhiêu đời quen lối sống ngang tàng của dân miền Nam. Cách-mạng làm thầy ngứa ngáy ghê lắm. Bởi vậy mỗi phiên họp là thầy lại kiếm cách chửi cách mạng chút chút cho đỡ buồn.

Thấy tình thế thuận lợi, thầy Tân giơ tay liên tiếng phát biểu:

- Tôi nhận xét thấy Khóm ta chửi Mỹ ngụy chưa được tích cực, chưa đạt được tiêu chuẩn cách mạng. Tuần trước tôi có đến chơi một người bạn ở cầu Ông-lãnh và tham dự một buổi học tập ở đó. Bà con ở đó chửi Mỹ ngụy mới thật là đúng giọng cách mạng, nghe như là một buổi học tập của cán bộ cao cấp.

Đồng đảo đồng bào mỉm cười khoái trá vì thầy Tân đã chửi xỏ cách mạng như dân đứng bến cầu Ông-lãnh. Riêng anh cán bộ thì lúng túng ra mặt. Anh thấy mình hướng dẫn học tập mà để đồng bào chửi Mỹ ngụy chưa đúng tiêu chuẩn cách mạng thì nguy. Anh vội nghiêm giọng yêu cầu đồng bào tích cực hơn.

Bà Tám chớp ngay cơ hội đáp lời yêu cầu của anh cán bộ. Bà soát qua trí nhớ một cái rẹt, chụp ra ngay một đối tượng. Bà lên giọng:

- Tôi xin kể thêm một tội ác nữa của Mỹ ngụy. Như các tên Thiếu tá Chó ở xóm này...

Thầy Tân chặn ngay bà lại :

- Xin bà Tám nhớ lại giùm, xóm mình làm gì có Thiếu tá nào tên Chó ?

Câu hỏi vừa vào tai thì cái lưỡi cách mạng của bà Tám hoạt động ngay:

- Tôi nói chó đây là cái quân chó đẻ ác ôn...

Rồi cứ thế suốt gần mười phút, bà xổ hết tất cả danh từ cách mạng kiểu cầu Ông Lãnh ra để diễn tả một ông hàng xóm tên là Thành. Tội ác của Thiếu tá Thành đối với nhân dân và cách mạng được bà Tám diễn tả như sau:

- Thằng Thiếu tá chó này, bà con nghĩ coi, đã giết bao nhiêu cách mạng đặng được lên thiếu tá ?

Thầy Tân lại thấy cơ dịp nói móc, thầy xen vào ngay:

- Bà Tám nói vậy là tăng bốc ngụy làm giảm uy tín cách mạng rồi. Bà nói hắn giết được nhiều cách mạng để được lên lon thì khác nào chê cách mạng đánh giặc dở ?

Anh cán bộ bị thầy Tân thuyết phục liền. Anh lỡ mắt nhìn bà Tám, bực tức chờ đợi. Bà Tám lính quýnh:

- Dạ tui hổng có tính nói như vậy. Tui tính nói là tên phản động thấy tiền tổ nó. Tội ác của nó chất lên cao chót vót.

Bà Tám đang thở lấy hơi lên sau cơn lo sợ, thầy Tân tấn công luôn:

- Bà Tám nên kể ra tội ác của hắn để bà con kết án chớ.

Còn quýnh quáng làm bộ óc bà Tám tối mò đi. Bà moi hoài không ra tội ác nào đáng kể của Thiếu tá Thành. Bà chết cứng một lúc rồi tinh anh lại phát tiết, mặt bà tươi lên:

- À mã tội ác của tên này thì thiếu gì. Tối nào nó cũng coi ti-vi.

Bà con bấm bụng cười, còn anh cán bộ thì thật là ngơ ngác. Nhưng bà Tám đã tỏ ra được là tay đáng kể:

- Nó coi ti-vi mà coi toàn chương trình phản động, đã vậy nó còn mở cửa cho trẻ em hàng xóm vào coi, tập cho con nít phản động luôn.

Tới đây thì bà con bật ngửa hết. Không ai dè bà Tám có được cái lối lý luận hoàn toàn cách mạng như vậy. Bà Tám hiểu được tình hình ngay, bà mở máy tố ông Thiếu-tá Thành có thêm mười lăm phút nữa, đại loại các tội ác tày trời cỡ loại tối xem ti-vi.

Anh cán bộ sốt suột, hỏi ngay:

- Tên Thiếu-tá Thành này đâu đem hắn ra cho bà con hỏi tội ?

Bà Tám nhanh nhẩu:

- Nhưng tội ác nặng nhất của tên này là ngày 30 tháng tư đã xách va-li cùng vợ con xuống tàu sang Mỹ.

Bà con thấy ruột cứ nôn lên trong khi mặt anh cán bộ thì tái thêm. Tình huống như vậy mà bà con phải chịu thêm quả bom cuối cùng của bà Tám. Bà tương một câu :

- Rồi đây cuộc đời nó sẽ khổ !

Tới đây bà con thấy thấm thêm cảnh khổ của cuộc sống khi cách mạng nắm chính quyền: phải cố nhịn cười trong một trường hợp như thế này, thật là còn khổ hơn một tuần lội mương móc sình làm công tác thủy lợi.

Thấy tình hình nguy ngập, anh cán bộ lật đật thay đổi đề tài:

- Để cho tên đó khổ, chúng ta qua đề tài tri ân cách mạng.

Rồi anh ta yêu cầu từng người nói lên tri ân cách mạng chổ nào. Anh chỉ từng người để tránh việc bà Tám phát biểu. Đa số đều tri ân cách mạng đã giúp cho họ có cơ hội lao động, biết giá trị vinh quang của lao động. Khi tất cả mọi người phát biểu xong thì bà Tám lại thể hiện tinh thần xung phong tích cực. Bà giơ tay lên và không đợi ai hỏi, dõng dạc:

- Tôi thật chân thành tri ân cách mạng. Từ khi cách mang vào thì tôi thật thấy hồ...hồ... cái con mẹ gì đây...

Trong lúc bực mình vì quên ngang một từ ngữ độc đáo của

cách mạng là chữ "hồ hởi", bà Tám văng ngay tục ra. Thấy Tân lại có dịp bằng vàng. Thấy nghiêm giọng:

- Nè bà Tám, bà biết họ Hồ là họ của Bác chớ? Tại sao bà lại dám nói hồ cái con mẹ gì đây ?

Lần này thì anh cán bộ hết chịu nổi bà Tám rồi, anh gằn từng giọng:

- Bà Tám, xin bà ăn nói cẩn thận. Bà nói ngay việc cụ thể nào khiến bà tri ân cách mạng xem?

Bà Tám run lên khi thấy thế đứng của mình bị tach ra xa cách mạng. Bà phải phát biểu thật gấp trước khi quá muộn. Không cần suy nghĩ gì nữa, bà xổ ra ngay:

- Tôi rất tri ân cách mạng. Từ ngày cách mạng vô thì tôi hết sợ bị Việt Cộng pháo kích !

Không còn ai kềm được cười, trừ anh cán bộ. Cả anh và bà Tám ngồi chết cứng trong thế nước lụt, y hệt như bị tàu bay không chúi (B52) đánh trúng đội hình, sức dội làm chết cứng tại chỗ.-

PHAN TÙNG NGUYÊN

****

Đọc mỗi số VĂN HỌC NGHỆ THUẬT bạn có:

— Nhận định của các văn sĩ, nghệ sĩ, giáo sư tên tuổi về các vấn đề văn hóa quan trọng mà mỗi Việt kiều không thể không suy nghĩ.

— Một số truyện ngắn, tuỳ bút, thơ v.v.. thật chọn lọc.

— Một thiên truyện dài rút ngắn từ các danh phẩm quốc tế.

— Một thiên truyện ngắn Việt Nam dịch ra Anh ngữ để giới thiệu với bạn Mỹ.

— Những tin tức về hoạt động văn nghệ quốc tế và VN.

LẠI MỘT NỖI BUỒN

Khi những cơn gió lạnh đầu tiên lùa vào khung cửa
Trời Chaffee như mưa
Căn nhà như chuyển động
Ta chạnh nhớ người xưa

Khi bóng chiều lần lữa trên những chiếc lá khô
Tần ngần ta dừng bước
Hỡi lòng !...nghe réo gọi
Mãi đâu !... chốn vô cùng !

Khi mặt trời đã trốn hẳn sau mấy tàng cây
Bóng tối nhạt nhòa
Ta quay lưng bật cười trong cổ họng
Chiếc lá nào ... đêm nay ?

Khi trở về căn phòng hẹp
Đốt điếm châm điếu thuốc
Mấy xác người đang thơ
Bóng ta đổ chân tường

Khi hồn thiếp đi trong giấc ngủ
Như ai dẫn ta tới một nơi rất cao
Xô nhào và thân xác ta thành những hạt kim cương xanh, đỏ, vàng
Ta vơ hết và đi về một nơi có mai vàng có tuyết trắng rực rỡ

Buổi sáng thức dậy bằng tiếng động ở chân cầu thang
Ta hình dung ra khuôn mặt ông lão phòng số 6
Hàm râu lún phún
Mái tóc muối tiêu
Lão hay cười
Và nụ cười như khóc

THỤY THÙY CHÂU

Nhớ Chaffee khu I #1607

TÌNH CỜ

Từ trong một phút tình cờ
Thư em khuấy động những giờ tịch liêu
Đời anh còn lại buổi chiều
Tan theo đợt nắng hắt hiu bên thềm.

VĨNH LIÊM

Những con sóc nhỏ của tôi

Dạo ấy, là những ngày long đong nhất của tôi. Mười bảy tuổi, giã từ trường quê Đàlạt với những buổi chiều tan học về gánh nước tưới rau giúp mẹ. Tôi chỉ có đủ vỏn vẹn bảy mươi đồng trong túi để mua một vé xe đò và trả tiền xích lô máy từ ngã bảy vào Phú bình là nhẵn. Có lẽ tại tôi sớm cay cú với cái nghèo của dân đồng ruộng nên vừa mười bảy tuổi tôi đã vội vàng bỏ trường, bỏ lớp tình nguyện đi khóa Hạ-sĩ-quan trừ bị. Ra Nha-trang bị chê chưa đủ tuổi, được cấp cho trăm bạc lăm lộ phí đi đường. Tôi đã dùng số tiền bảy mươi đồng còn lại đó làm chuyến giang hồ mà mẹ tôi đã hết lời ngăn cản. Khuyên nhủ không được, ngăn cản không xong, bã bỏ mặc tôi không đếm xỉa đến cái ý định "ba cọc ba đồng" của tôi, cũng không cho thêm một đồng để thử xem thằng con có chết đói dọc đường không mà chưa nút mắt đã bỏ nhà đi hoang. Tuy vậy, hôm tôi đi. Lúc đã ngồi hẳn lên chiếc xe đò Mai Tiến với cái va li bằng sắt nhỏ chỉ có hai bộ quần áo, tôi đã nhìn thấy bã ở cạnh đường, tay đưa lên lau mắt. Tôi hối hận định nhảy xuống thì chiếc xe vụt chạy, khiến cho từ đó, cái ngày tôi đi cũng là cái ngày đời tôi đánh dấu thay đổi.

1

Tôi có một người thầy cũ, thầy Ngô đình Khâm, trước ngày gia đình tôi dọn lên Đàlạt chọn nghề trồng rau. Mẹ tôi đã theo đoàn mộ phu lên lăm cho đồn điền cao su ở một làng hẻo lánh thuộc tỉnh Bình-long. Làng có tên là Minh-hòa, nhưng trái với tên làng, nó không hòa chút nào trong suốt quảng đời niên thiếu của tôi.

Tôi khởi sự tập học võ lòng ở đó và lớn lên cho tới ngày thi

tiểu học. Thầy Khâm, vừa là hiệu trưởng, vừa là thầy giáo lớp nhất, Ông là mẫu người nghiêm khắc với học trò và nghiêm nghị cả với vợ con. Thế nhưng, trong đám hai mươi đứa học trò lớp nhất năm ấy, ông đã thương tôi nhất bọn. Có lẽ tại vì tôi là một đứa nhút nhát, một tên học trò nhà nghèo dễ bảo lại cũng đạo Công giáo với ông. Giữa những đám người lộn xộn được mộ từ khắp nơi đến, những người Bắc di cư lại cũng tôn giáo gần nhau hơn là điều dễ hiểu.

Năm tôi thi xong tiểu học, thì cũng là năm mà những người từ ngoài rừng vào làng. Họ đến thẳng trường, lôi thầy Nhân đang dạy ở lớp ba ra trói ở một gốc cao su rồi mổ bụng ông trước đám học trò còn quá nhỏ. Họ ghim lên đồng ruột bèo nhèo của ông tờ giấy kể có tội ác thì phải đền tội trước nhân dân. Tôi không hiểu thầy Nhân đã làm gì trong quá khứ để đến nỗi phải đền tội bằng cách mổ bụng phanh thây. Chỉ biết rằng, sau đó, những lần mổ bụng, chặt đầu khác được tiếp diễn đồng loạt, công khai với những đêm đánh nhau suốt sáng. Những ngày mẹ tôi vừa đi làm đã hớt hải chạy về vì bên kia rượt đuổi.

Ít lâu sau, chừng như sợ sẽ tới lượt mình. Thầy Khâm bàn với một số gia đình thân tín, trong số có gia đình tôi trốn khỏi làng. Nói mà chưa đủ hai mươi tuổi, tôi đã biết thế nào là cảnh chặt đầu, mổ bụng. Những đêm không ngủ vì thấp thỏm lo sợ có người đến gõ cửa.

Thầy Khâm về Sàigòn, ở Phú-thọ. Thầy có giao tình với một ông cha xứ ở Phú-bình nên được mời dạy lớp nhất cho trường tiểu-học của nhà xứ. Gia đình tôi dọn về Đàlạt, ở đó, nhớ ơn thầy cũ, tôi thường viết thư liên lạc với thầy Khâm. Và đó chính là cái địa chỉ duy nhất mà tôi có được khi khăn gói đến Sài gòn lần đầu.

Tôi bỏ nhà đi là mùa hè, còn nửa tháng nữa mới đến ngày tựu trường. Thầy Khâm không hỏi lý do tại sao tôi bỏ nhà ra đi. Ông vốn là người ít nói, lại đang bận rộn với việc xin làm thư ký cho trường Dược khoa vì lương giáo viên không đủ nuôi sống gia đình một vợ và bốn con. Nhà thầy Khâm chật, tôi phải ra nằm ở chiếc giường kê ngoài hiên có mái che. Nửa tháng, ngày hai buổi phụ cô Khâm nấu cơm, xách nước.

Rồi một hôm, thầy Khâm cho biết là đã xin được việc làm. Ông bàn với vợ dắt tôi lên cha Biểu giới thiệu tôi thay chỗ dạy học của ông. Hình như hai người có nói chuyện riêng từ trước, nên khi gặp. Cha Biểu nhận lời ngay. Tôi được lãnh lương ba ngàn đồng một tháng. Căn phòng đầu của nhà trường trước dùng làm văn phòng nay được sửa lại làm phòng ngủ cho tôi. Như vậy, nhờ may mắn, nhờ tình thầy cũ. Tôi đã bước đi những bước thật đẹp cho tương lai.

Lãnh lương tháng đầu, số tiền quá lớn mà từ nhỏ tôi chưa một lần được cầm đến đã làm tôi chảy nước mắt vì sung sướng. Tôi sắm một vài bộ quần áo cho có vẻ thầy giáo. Rồi mua một chiếc xe đạp, ghi tên học thêm ở trường Văn-học.

Cuộc sống bình thường như vậy kéo dài vừa đúng một niên học thì cha Biểu như có vẻ không thích tôi lắm. Cái lý do chính không phải tại tôi dạy kém, cũng không phải tại bọn học trò không ưa tôi, mà trái lại chúng thương tôi vô cùng. Bằng chứng là mãi sau này, khi tôi bỏ trường đến bảy tám năm vẫn còn có những đứa viết thư cho tôi, gặp lại tôi chúng vẫn một niềm gọi thầy xưng con kính cẩn, dù có những đứa đã có chồng có con, có những đứa lên đại học đứa đi lính. Cái cớ khiến tôi biết ý ông muốn cho tôi nghỉ, vì tôi không làm đúng bổn phận một ông thầy trường Công-giáo. Ngoài việc dạy học ra, ông thầy còn phải làm gương cho học trò bằng cách đi lễ hằng ngày mỗi buổi sáng, đi chầu hằng ngày mỗi buổi chiều và luôn luôn phải khoác lên mình chiếc áo đạo đức.

Tôi rời trường, rời gia đình thầy Khâm, làm thêm một chuyến giang hồ khác. Lần này thì gần hơn, nhưng cũng bập bênh hơn. Tiền để dành trọn năm chỉ đủ cho tôi thuê chung một căn gác ở đường Phan-thanh-Giản và ngày hai buổi ăn những chén cơm lao động ở quán cơm xã-hội đường Lý-thái-Tổ. Ăn xong, tôi đạp xe đi lang thang đến những nơi quen biết nhờ xin việc. Một lần nữa, sư may mắn lại đến, tôi được một cha ở nhà thờ Vườn-xoài đường Trương-minh-Giảng giới thiệu đến dạy cho một trường trung học mới mở ở Bến-cát, Bình-dương. Cái khởi đầu cho sự nghiệp của tôi được bắt đầu từ đó.

2

BẾN CÁT, cái tên nghe thật lạ. Chưa một lần trong đời tôi biết đến nó. Đó là một quận lỵ nằm heo hút giữa những khoảng đường từ Bình-dương về Chơn-thành, An-lộc. Nó cũng là một quận lỵ kém may mắn nhất về an ninh. Người dân suốt ngày, suốt đêm nơm nớp lo sợ về một thứ chiến tranh không phân biệt. Cái đám học trò ở đây lại càng thảm hại hơn. Học hết bậc tiểu học, cha mẹ không đủ tiền gửi con cái theo học tại những nơi an ninh hơn như Bình-dương hay Sài-gòn. Chúng ôm cặp đến trường trung học bán công của quận, ngôi trường duy nhất xây chưa ráo gạch thì đã đón nhận những hai lần pháo kích. Không còn nơi để học, không còn nơi để bước xa hơn cho tiền đồ của một con người, chúng lang thang đi bới nhặt những đống rác ngất ngưỡng của trại binh Mỹ ở Lai-khê. Người

ta đành chấp nhận để buông trôi cuộc đời chúng bên cạnh cái đống rác mỗi ngày một cao hơn.

Nhưng có một người đã không chấp nhận như vậy. Ông là một linh mục, một ông cha xứ đã đến đây từ những năm đầu di cư. Đã chia sẻ mọi hoạn nạn cùng đám dân chưa một lần hưởng trọn an bình này. Mình phải làm một cái gì để giúp đám trẻ, không thể để bọn chúng lêu lổng, thất học như vậy được. Ông nghĩ rồi ông quyết định. Việc thứ nhất, biến ngay ngôi nhà thờ này thành trường học, việc thứ hai, viết thư nhờ những chỗ thân thích ở Sài-gòn tìm cho một số giáo sư tự nguyện. Bước đầu hãy như vậy. Có lẽ người ta sẽ không bắn vào nhà thờ. Dù sao, đó cũng là một nơi tôn nghiêm.

Tôi đến Bến-cát vì cái quyết định của cha Quí. Linh-mục Đàm-quang-Quí người chân tu phi thường mà tôi gặp. Cái liên lạc duy nhất tôi còn giữ được cho đến bây giờ sau mười ba năm là tờ giấy giới-thiệu đi đường để di chuyển từ Bến-cát về Bình-dương do cha ký. Đoạn đường chỉ hai mươi cây số ngắn ngủi nhưng không ngày nào được gọi là an toàn. Chính nhờ tấm giấy giới thiệu là giáo sư của trường mà đã ba lần tôi đều được bên kia cho đi thoát sau khi đã hỏi han cật vấn.

Trường là ngôi nhà thờ thu hẹp. Sáng được dùng để hành lễ, chiều biến thành lớp học. Một số bàn ghế còn dùng được ở trường bán công được khiêng về. Một tấm bảng gỗ dựng lên. Nhà thờ đã mang bộ mặt mới. Cha Quí xoa tay hài lòng. Buổi sáng làm lễ, buổi chiều dạy học. Tại sao không? Trong hoàn cảnh này, làm được thế là quí lắm rồi.

Cũng từ đó, cuộc sống mới của tôi ổn định. Ở lại Bến-cát ba ngày, về Bình-dương dạy thêm hai ngày cho trường Nguyễn-Trãi, thứ bảy và chủ nhật dành cho người yêu ở Sài-gòn.

Trong những ngày ở lại Bến-cát, tôi có dịp đi xa hơn là nhiệm vụ của một ông thầy. Cách trường không đầy năm trăm thước là cây cầu Rạch-bắp có con sông Kiến-điền thật rộng. Tôi thường dẫn cả bọn học trò hai lớp đến tắm sau mỗi chiều tan học, một vài lần thầy trò bơi sang tận bên kia sông phía làng Kiến-điền hái ổi. Tình học trò quê thật đằm đà, chúng dễ thương như những con nai nhỏ. Hơn một trăm khuôn mặt, không đứa nào có lấy một chút ánh sáng thành thị. Và thời gian sau tháng ở đó, nếu không có cái biến cố của một buổi chiều thì những thời gian ở lại Bến-cát chính là cái thời gian đẹp nhất đời tôi.

Tai họa xảy đến thật đột ngột, thật bất ngờ và nhanh đến nỗi

không một ai kịp nghĩ đến điều tránh né.

Hôm ấy, từ trên xe đò bước xuống. Tôi đi vội về nhà trọ, định tắm gội qua loa cho kịp giờ dạy thì đạn nổ. Mới đầu chỉ là những loạt súng nhỏ ở xa, đầu như mạn Kiến-điền, sau thì nhiều hơn. Rồi ầm ầm những tràng pháo vung vãi không chừa một thửa đất, đạn bay tung tóe trên đầu. Tôi chỉ kịp vơ lấy chiếc khăn tắm chạy vội xuống hầm trú ẩn. Tôi không dám nghĩ đến cái lớp học có những mái đầu xanh đang chờ tôi ở lớp. Ngôi nhà thờ được dựng lên từ hai mươi năm về trước không có lấy một căn hầm nhỏ đủ chỗ cho một người. Tôi nhắm mắt trong lo âu, tôi im lặng trong hãi hùng và tôi gục đầu trên cánh tay cầu nguyện...

Một giờ sau thì tiếng súng hoàn toàn dứt. Tôi leo lên khỏi hầm mặc vội quần áo rồi tất tả chạy đến nhà thờ.

Không còn một cảnh khủng khiếp nào hơn. Không còn được sự đau khổ nào lớn hơn nữa. Thế gian này có chữ nghĩa nào diễn tả cho đủ cái cảnh tượng này không? Nếu cho rằng những cái mà tôi nhìn thấy ngày hôm đó là cả một kỷ niệm tang thương nhất, thì mãi mãi nó vẫn còn bám lấy tôi, dằng dặc. Buổi sáng mở mắt, buổi tối lên giường. Bởi vì có cái đau đớn nào bằng cái đau đớn khi phải nhìn những đứa học trò nhỏ của mình, mới hôm qua, hôm kia chúng còn ngồi đó, ngoan ngoãn như đàn chim non, hôm nay xác thân tan nát dưới đống gạch ngói lẫn lộn. Có đứa chẳng còn đầu, có đứa cụt một tay rên siết, có đứa mất cả hai chân. Những đôi chân chuyền nhanh như những con sóc nhỏ.

YÊN VŨ

bên kia bức tường ô nhục

TRẦN THẾ DU

Trên Zimmerstrasse tại Tây Bá-linh, cách đồn gác Đồng-minh ở điểm "chech point Charlie" độ trên trăm thước, có một khoảnh đất nhỏ chữ nhật được thu dọn như một ngôi mộ để tưởng niệm Peter Fechter. Anh thanh niên 18 tuổi này đã để lại tên tuổi cho đời vì là một trong những người đầu tiên đã bỏ mình một cách cực kỳ đau đớn trong khi đi tìm tự do.

Peter Fechter làm thợ nề tại quảng trường Marx-Engels, nơi chính phủ cộng-sản Đức cho xây dựng văn phòng mới của Walter-Ulbricht, tên độc tài đỏ hay là kẻ đã có sáng kiến lập ra bức tường ô nhục để ngăn chận làn sóng di cư đông đảo từ Đông sang Tây.

Vào một buổi trưa hè sau khi tan việc, anh thợ nề trẻ cùng bạn là Helmut Kulbeit bí mật tìm cách vượt biên. Đi lòng vòng nghiên cứu địa thế đến khoảng 2 giờ chiều thì họ đồng ý hành sự tại khúc tường trên Zimmerstrasse, gần "check point Charlie", nghĩa là gần ranh giới khu vực thuộc quyền của Hoa-kỳ. Peter Fechter nói nhỏ với bạn :

-- Bà chị tôi không hề biết gì hết.

Cố nhiên là không biết gì hết, vì Lieselotte Fechter, chị của Peter, ngụ tại Wedding bên Tây Bá-linh.

Cả hai nằm dán mình xuống mặt đất và bò lên hàng rào dây thép gai thứ nhất. Kết cục chỉ có Helmut là thành công và sau này kể lại với cảnh-sát Tây Bá-linh: "Qua khỏi hàng rào thép gai, chúng tôi vượt được thêm 10 thước nữa để tới sát chân tường. Peter vừa tới được bức tường trước tôi vài bước thì chợt bọn *vopos* (lính gác biên giới Đông Đức) bắn ra năm hay sáu phát. Tôi kịp leo lên tường và,

cũng luồn được qua hàng rào thép gai chăng trên đỉnh. Không hiểu sao Peter đứng chần lại, có lẽ thần trí hắn bị kinh động bởi những phát súng đầu. Tôi hét: "Leo lên ngay ! Leo lên ngay đi !". Nhưng hắn không động đậy...".

Thế là súng tự động Kalaschnilow cứ nhắm Fechter mà nã vào. Thân thể đẫm máu, anh thanh niên ngã xịu xuống; song chưa chết nên còn đủ sức kêu cứu rồi yếu lả dần và chỉ còn biết rên. Cảnh-sát Tây Bá-linh chạy tới, ném qua bức tường ít đồ cấp cứu. Vô dụng vì nạn nhân bị thương quá nặng và ngất đi. Đội khi Peter Fechter tỉnh lại, một viên cảnh-sát trườn mình lên đỉnh tường và hỏi vọng sang tên nạn nhân là gì.

Viên Trung-uý Hoa-kỳ coi "check point Charlie" gọi dây nói cho thượng cấp là tướng Watson. Watson: "Nạn nhân ở phía bên kia tường à ? Hãy gửi đến chỗ tường ấy một đội quân tuần tiễu, nhưng phải ở nguyên phía bên này !" Washington đã ra chỉ thị rất ngặt cấm quân nhân Hoa-kỳ không được cứu người dân Đông Đức nào tìm cách vượt biên qua hàng rào dây thép gai và qua bức tường. Tòa Bạch ốc sợ lôi thôi với bọn Nga, mặc dầu theo thỏa ước đã ký quân đội Đồng minh có quyền di chuyển tự do sang bên kia.

Dân Tây Bá-linh chửi rủa bọn *vopos* và hạch sách viên trung-uý Mỹ. Viên sĩ quan trẻ đáp lại :

-- Sorry, but this isn't our problem.

Một giờ sau, sáu tên *vopos* trườn mặt ra kéo cái thân bất động của Peter Fechter vào đồn chúng. Watson nhấc ống nói gọi Kennedy: "Kính thưa Tổng thống, vấn đề đã được giải quyết xong".

Chập choạng tối hôm đó, người ta thấy ở cửa sổ một căn nhà bên Đông Bá-linh đối diện với "check point Charlie" cơ một bà già nghiêng mình ra ngoài. Trên tấm các-tông trắng bà ta cầm cơ ghi hàng chữ màu xanh : " Hắn đã chết".

Nếu tướng già bốn sao Lucius D. Clay, nguyên thượng cấp của tướng Watson, còn tại chức ở Bá-linh thì có lẽ sự việc đã không kết thúc trong đau thương và nhục nhã cho Đồng minh như vậy. Clay, người đã lập cầu không vận Bá-linh, có kinh nghiệm và khả năng tinh thần đối đầu bọn Nga và luôn luôn chủ trương chơi kiểu vỏ quít dày móng tay nhọn với bọn chúng.

Trước Peter Fechter, sinh viên Dieter Wohlfahrt cũng bị bọn *vopos* bắn trọng thương và chết giữa đêm gần khu vực của Anh. Quân đội Anh đã không dám nhấc tay mà chỉ dùng đèn pha dọi vào Dieter Wohlfahrt trong khi anh này hấp hối. Khi có người kể chuyện lại với Clay, Clay phẫn nàn mãi. Watson hỏi thượng cấp:

-- Ở địa vị ông thì ông làm được gì ?

Clay khẳng khái đáp:

-- Chúng ta là tướng. Trước hoàn cảnh đặc biệt, chúng ta có thể hành động mà không cần lệnh Tổng-thống. Nhân dân sẽ không tái bầu vị Tổng-thống nào đã trách cứ ông về việc cứu người sắp chết.

-- Nghĩa là ông đương nhiên phải người sang bên kia tường ?

-- Đúng. Tôi sẽ phái vài thuộc viên tay không sang cứu nạn nhân.

Một hôm bọn Nga ra chỉ thị cho bọn *vopos* là bắt buộc nhân viên Hoa-kỳ phải trình giấy thì mới được vào Đông Bá-linh. Clay tức khí, phái ba xe Jeep với 12 quân nhân súng ống sẵn sàng nhả đạn để tháp tùng hai công chức Mỹ ngồi xe du lịch Taunus chạy sang bên kia chơi một vòng "xem sao". Bọn cọng-sản Đức và quan thầy không dám ho hắng. Tình trạng trở nên căng thẳng và xe tăng Nga và Mỹ đã dàn trận tại "check point Charlie". Song thực ra Clay không có quyền gì cả vì vị Tổng-thống trẻ Kennedy chủ trương hòa hoãn. Bất bình với Washington, Clay từ chức và bỏ Bá-linh.

Clay đã cảnh cáo Watson :

-- Tướng Watson, không muộn thế nào cũng sẽ có một người khác hấp hối dưới chân tường trước khu vực chúng ta. Thử nghĩ xem, nếu ông không cứu người ấy, sĩ quan của ông sẽ quay lưng vào ông và nói với nhau: "Hãy nhìn kia, một nhân vật hèn nhát" !

Người khác hấp hối đó chính là Peter Fechter. Lời tiên đoán không sai. Lúc đó tướng Clay đã trở về Hoa-kỳ được ba tháng rồi.

Cái chết của Peter Fechter đã làm thế giới phẫn nộ và mở đầu trang sử đẫm máu của bức tường ô nhục.

* * *

Nếu tới Bá-linh bằng đường bộ hay đường xe lửa thì phải xuyên qua gần trọn Xã-hội chủ-nghĩa Đông Đức. Và đi như vậy cũng phải theo đúng mấy lộ trình mà nhà nước cọng-sản Đức đã cho phép Đồng minh được dùng. Thấy có vẻ phức tạp và muốn tránh sự hạch hỏi giấy tờ lôi thôi của bọn *vopos* nên tôi đã quay sang dùng đường hàng không Air France.

Ngồi trong máy bay thì hành khách khỏi lo đến *vopos*, vèo thẳng một mạch từ Paris đến Tây Bá-linh. Gần một giờ sau khi rời Paris, pi-lốt giải thích trong loa:

-- Hiện máy bay sắp tới biên giới Đông Đức. Từ đây chúng ta sẽ tiến thẳng vào hành lang không vận do nước này ấn định để vào Tây Bá-linh.

Có thể vì Tây Bá-linh như một hòn đảo nhỏ giữa biển cộng sản. Bảo làm sao bọn cộng-sản Đức và quan thầy Liên-xô của chúng không bực mình và kiếm chuyện học hắc hoài với phe tự do về cái gai trước mắt này. Thứ nhất là đài phát thanh và truyền hình ở Tây Bá-linh đều bắt được dễ dàng ở phía bên kia. Chỉ cách nhau có một bức tường... Và đêm đến người bên kia thường nhìn rõ mồn một ánh đèn văn minh do phía tự do tung bừng dọi sang.

Thật cũng lạ : bốn bề là cộng-sản, mà Tây Bá-linh không kém thớ một tí nào so với các thành phố tự do nổi tiếng trên thế giới. Kurfurstendamm nườm nượp cửa hàng, người đi lại náo nhiệt, xe cộ mắc cửi. Chiều vừa xuống là đèn néon quảng cáo khắp nơi bật lên muôn màu muôn sắc. Muốn tán gẫu chuyện văn nghệ chính trị thì vào các quán nước tại Europa-Center trên Lietzenburgerstrasse. Muốn nghe *Pop Music, Soul and Sweet* thì chỉ việc mò đến các discotheques. Đặc biệt giật gân hơn nữa đã có những *Manhattanbars*. Khách sạn đầy dẫy, toàn là loại cực kỳ tiện nghi như Hilton, Am Zoo, Schweizerhof... Thực khách ngoại quốc hết chỗ chê : muốn xài cơm gì có cơm ấy, cơm Tàu, cơm Tây, cơm Nhật, cơm Thổ-nhĩ-kỳ, cơm Hòa-lan v.v... À, ai muốn đi mây về gió bằng máy bay Nga ở đây cũng dễ. Aeroflot mở một chi nhánh với bảng hiệu néon choáng lộn ngay giữa trung-tâm thành phố. "Aeroflot tư bản" có khác, xem ra chiến hơn trụ sở chính của "Aeroflot vô sản" mà tôi đã thấy ở Moscou.

Tới thăm Tây Bá-linh tức là mang lại nguồn sống cho đô-thị này, nên những ai ở "ngoài xa" tới rất được tiếp đãi niềm nở. Cô thư ký ở khách sạn Schweizerhof cười tươi như hoa, giở bản đồ và chỉ dẫn cho tôi những địa điểm đáng thăm. Bản đồ nào cũng có đủ hai phần Đông và Tây Bá-linh, song xem ra cô này chẳng biết gì nhiều về phần bên kia. Tôi hơi thất vọng vì cứ cái bức tường sờ sờ ra đấy mà chẳng thấy cô nàng đả động gì tới. Phải chăng dân nội đây sống ngay bên cạnh cái công trình bất hủ này cả gần hai chục năm, rồi họ quen đi và quên đi ? Vạch ngón tay dọc theo bức tường trên bản đồ, tôi tò mò gợi ý :

-- Thật là quái gở...

Chưa dứt lời đã thấy cô thư ký tuông ra một câu nặng chĩu khinh miệt :

-- Bẩn thỉu, ghê gớm, nhục nhã !

Tôi đã nghĩ nhầm. Dân tự-do ở Bá-linh vẫn chưa quên.

-- Thỉnh thoảng vẫn còn người gục vì bức tường, cô thư ký nói thêm.

-- Chúng nó có cho phép sang bên kia chơi không ?

-- Quốc tịch Tây Đức đâu có được ông. Đôi khi chúng cũng cho phép sang, song phải những ai gặp trường hợp gấp rút trầm trọng như bờ mẹ ốm nặng hay con chết v.v... Giấy tờ lôi thôi, nhiều

khi con sang đến nơi chỉ còn việc là đưa đám bố mẹ. À, như ông người ngoại quốc sang được đấy ...

-- Ồ !

-- Một ngày. Ông muốn sang ngay bây giờ được luôn .

-- Ồ !

-- Trên Kurfurstendamm có hàng du lịch chuyên bán vé sang thăm Đông Bá-linh bằng xe ca qua ngả "check point Charlie". Ngả này là của đặc biệt chỉ dành riêng cho dân ngoại quốc.

-- Gần đây thôi. Nếu muốn đi bộ sang ?

-- Một ngày. Vẫn bằng cửa "check point Charlie". Đi qua bức tường và đi qua vùng *no man's land* trước đồn Đồng minh thì trình thông hành cho bọn *vopos*. Chúng nó sẽ buộc phải đổi ít ngoại tệ hay tiền *mark* Tây Đức thành tiền *mark* Đông Đức.

-- Tôi thấy hệ thống xe điện ngầm ở đây khá kỳ quặc. Đường số 6 và số 8 gồm phần đầu thuộc Tây Bá-linh, phần giữa chạy qua bên kia, rồi phần cuối lại trở về bên này. Nếu dùng xe điện ngầm ?

-- Chúng nó đã bít kín 6 trạm đỗ thuộc phần đất của chúng, trên đường số 8, xe chỉ đi một mạch không dừng. Còn đường số 6 cũng vậy, chỉ để ngỏ một trạm S-Bahn Friedrichstrasse. Ông có thể tới bên kia do nơi trạm này.

Trời thì ra nước cọng-sản nào cũng vậy, cùng quê cha đất tổ thì ghét nhau như chó với mèo, chỉ biết trọng người ngoại quốc ! Trọng người ngoại quốc hay trọng ngoại tệ ?

Theo lời cô thư ký thì chuyện đi qua đi lại bức tường đối với ngoại nhân như tôi chỉ là chuyện bởn. Biết thế mà tôi vẫn ớn lắm vì trong các xứ cọng-sản Đông-Âu, Xã-hội chủ-nghĩa Đức nổi tiếng là hắc xì dầu nhất.

Thử tưởng tượng thành phố Sài-gòn bị ngăn đôi bởi một bức tường chằng chịt gai thép thì mới cảm thấy cái vô nghĩa của bức tường Bá-linh. Bức tường này dài tới 50 cây số và đặc biệt khi chạy tới giáp mặt sau quốc hội cũ Reichstag (thuộc Tây Bá-linh) thì dừng lại ở vệ sông Spree, rồi lại tiếp tục trên thượng lưu cách đó khoảng một cây số. Đoạn sông Spree chỗ này là biên giới. Đúng ra nửa sông thuộc bên này, còn nửa kia thuộc bên cọng-sản. Mặt sông nước xanh rờn, sóng gợn lăn tăn và chiều ngang chỉ bằng nửa chiều ngang sông Sài-gòn ở Bến Bạch Đằng. Thế mới chết ! Bao nhiêu người đã chọn đoạn sông trông vẻ hiền lành này để vượt sang Tây Bá-linh, dù họ biết là bọn cọng-sản đã gài vô số mìn dưới lòng sông. Cái khó là làm sao bởi được qua nửa chiều ngang sông thì bên kia trên nguyên tắc hết có quyền bắn ra. Song giữa sông là chỗ nào ? Tôi phóng tầm mắt xuống mặt sông, thử phân định biên giới chính xác mà đành chịu. Ranh giới khu vực sau Reichstag này thật là kỳ cục: bên kia

sông trước mắt tôi là cộng sản và bên này sông hơi xéo đi về bên tay phải là chỗ bức tường dừng lại. Chỉ việc ngước mắt lên về hướng đó là thấy một chòi *vopos* với mấy tên lính ẩn ẩn hiện hiện. Thỉnh thoảng chúng trăng trắo nhìn sang bên này. Chúng nghĩ gì ? Không cần dùng ống nhòm vì chỉ cách có trăm thước, chúng có thể trông thấy rõ rệt bốn cây thánh giá sơn trắng lù lù ngay ở chỗ tôi đứng. Bốn người tha thiết với tự do đã trút linh hồn chỉ riêng ở góc sông này.

Trên mỗi cây thánh giá có ghi chữ "Unbekant" và ngày tháng năm. Tôi chỉ vào một thánh giá mà nước sơn còn mới và hỏi người qua đường .

-- Unbekant nghĩa là gì ?

Cũng may ông Đức này biết tiếng Pháp.

-- Unbekant ? Unbekant nghĩa là vô danh. Còn hàng số để dưới 24-4-73 là ngày chết. Phần đông là mất xác.

-- À ! Tại sao lại vô danh ?

Vừa hỏi tôi vừa chỉ vào cây thánh giá thứ năm to nhất và bằng gỗ. Ông bạn Đức đoán ngay ra sự thắc mắc của tôi vì trên thân cây này có ghim chân dung của bốn kẻ đã đi tìm tự do.

-- Thực ra chúng tôi không biết người chết tên là gì. Những gia đình bên Đông có thân nhân mất tích gửi thư và ảnh sang bên này để tìm kiếm. Chúng tôi đoán những hình đó là những người đã bỏ mình tại đây.

-- Những vòng hoa phúng điếu này do ai đặt ?

-- Do người qua đường.

Cám ơn ông khách xong, tôi đi ngược lên thượng lưu sông Spree, gặp lại bức tường, rồi thả bộ dọc theo biên giới trên nhiều cây số. Đây Bernauerstrasse tiêu điều với những mặt nhà không hồn, với các cửa ra vào và cửa sổ bị xây kín để bịt mắt người dân phía Đông. Đây Potsdamer Platz, một nơi ngựa xe như nước áo quần như nêm ngày xưa mà nay hoang lạnh với hàng trăm thước rào gai và bãi mìn. Cách đây mấy năm, bọn cộng-sản còn mắc thêm loại súng tự động để tự đông giết những kẻ tìm tự do nào đã may mắn thoát được sự canh chừng của bọn *vopos* hay đã không bị trúng mìn. Một thanh niên Đức làm thợ cơ khí sau khi vượt được sang Tây Bá-linh vẫn còn uất ức và quyết tâm tìm hiểu sự bí mật của loại súng tự động này. Cách đây trên một năm, anh leo qua tường và khám phá ra bí mật: từ phía Tây leo sang sẽ không bị súng nhả đạn, bởi hệ thống điện tử điều khiển súng chỉ hoạt động đối với những ai đi theo chiều ngược lại. Anh đã thảo hẳn vài khẩu đem về nhà chơi và mời báo chí theo anh bí mật đến bức tường để anh làm trò chơi lần nữa. Bất ngờ bị bọn *vopos* đi tuần trông thấy và lại thêm một người ngã gục dưới làn đạn Kalaschnikow.

Chỉ mới dạo được vài cây số dọc theo chân tường mà tôi đã đếm được cả chục "Unbekant". Thử hỏi nếu đủ phương tiện và thời giờ để thăm hết biên giới không những giữa Đông và Tây Bá-Linh mà cả giữa Đông và Tây Đức thì liệu còn đếm được bao nhiêu "Unbekant" nữa ? Tôi dừng lại vài phút trước khoảnh đất tưởng niệm Peter Fechter. Hiếm lắm mới gặp được một người chết không vô danh như vậy. Trên cây thánh giá, phất phơ một lá cờ đen và có treo một tấm hình chụp anh thợ nề trẻ nằm quay quắp hấp hối. Tấm hình này chắc đã do một phóng viên nào từ phía Tây leo lên đỉnh tường rồi chụp xuống. Và vài vòng hoa do người qua đường thương tình mang đến đặt.

"Check point Charlie" ! Tôi hồi hộp dừng chân lại nơi đây hồi lâu và nghĩ ngợi. Không tránh khỏi nghĩ ngợi vì vốn dĩ tôi là người đã có lần liều mạng đi tìm tự do. Hơn lúc nào hết, tôi thực hiện được hoàn toàn là mình đang ở "phía bên này". Chỉ cách một con đường là "phía bên kia". Gần ơi là gần ! Không nơi nào trên thế giới mà hai phe Tự Do và Cộng Sản giáp lá cà như nơi đây. Đồn Đồng Minh là một căn nhà gỗ nhỏ với hàng chữ "Allied Check Point" nằm giữa đường Friedrich và giữa quãng hông của bức tường. Nhỏ nhưng tư thế ngạo nghễ như tấm bình phong ngăn chặn làn sóng đỏ. Tôi đây nhìn nhận địa thế và tình trạng chính trị ta mới để hiểu tại sao mỗi lần trùm đỏ hắt hơi hay ông Đồng Minh sổ mũi là cả Bá-Linh lên cơn sốt.

Quân đội Đồng Minh cho lập một số bục gỗ sát ngay bức tường để du khách leo lên nhìn sang bên kia. Các vãng bọn Cộng sản Đức cũng không dám làm điều tương tự như vậy. Leo lên các bức này, chỉ cần đảo mắt một vòng mà ai nấy đều muốn mửa ra, tự hỏi bọn Cộng sản Đức là loài người hay loài vật. Những hàng rào thép gai kia, những bãi mìn kia, những súng tự động kia là để giết ai, nếu không phải là để giết người ?

Bên cạnh đồn Đồng Minh có một tòa nhà cũ trong đó trưng bầy cực kỳ đầy đủ các tài liệu hình ảnh về bức tường ô nhục. Tôi say mê khám phá ra ở nơi đây nhiều cách vượt biên thật tài tình : bằng tàu ngầm tí hon, bằng xe hơi lủn, bằng dây thòng từ nóc nhà bên Đông qua sang bên Tây, bằng đường hầm v.v... Vô kể sáng kiến song chỉ thực hiện được một lần là hết hiệu quả. Riêng việc dùng *passeport* giả đặc biệt đã dùng được nhiều lần. Tiếc rằng người chủ mưu vụ *passeport* giả này đã sơ ý một chút mà bí mật bị đổ bể : lẽ ra trên bìa sổ thông hành phải đề "Confédération Helvétique", lại đề là "Consulat Helvétique" ! Trên nóc tòa nhà này có bắc một ống nhòm cực mạnh nhìn xa đến hai cây số, đến tận đường Unter den Linden bên Đông Bá-Linh. Hình ảnh được truyền vào màn ảnh TiVi

để người dân Tây Bá-Linh nhớ người thân ở bên kia có thể xem cho đỡ nhớ.

Muốn sang bên kia nên trình giấy trước cho Đồng Minh.Người Hoa-kỳ cho quân đội Hoa-kỳ, người Anh cho quân đội Anh, người Pháp cho quân đội Pháp. Nếu không phải người các nước này thì trình cho quân đội Hoa-kỳ vì khu vực "Check point Charlie" thuộc Mỹ. Như thế để nếu đi sang rồi và chẳng may... bị mất hút thì cơ quan hữu trách phía tự do còn biết tính danh mà can thiệp. Khách đi bộ qua tường xem ra ít mà chỉ thấy nhiều xe cửahãng du lịch có kẽ chữ Ost-Berlin chạy sang. Tôi nghĩ bụng thử đi một chuyến xem sao, nhất là đi với hàng thì có người có ta được an toàn hơn là đi riêng.

Tôi mới lọn lại Kurfürstendamm tìm hãng du lịch. Mua vé sang Ost-Berlin dễ như mua vé hát. Chỉ khi lên xe, nhân viên dẫn dắt mới hỏi mọi người xem có ai thiếu sổ thông hành không, rồi dặn kỹ :

-- Khi xe qua khỏi đồn Đồng Minh và nhất là từ chỗ có cái bảng đề : "You are leaving the American sector" thì tuyệt đối các bạn đừng chụp hình. Sau cái bảng này là *no man's land* và tiếp đó là các đồn bọn *vopos*. Lôi thôi với ai chứ lôi thôi với bọn đó... phiền lắm.

Cô dẫn dắt nhấn mạnh chữ "bọn đó" với giọng miả mai chẳng khác khi ta nói "bọn Viết cọng". Tôi hỏi :

-- Mang máy hình theo được không ?

-- Được, miễn là đừng chụp các công thự chính phủ hoặc những nơi...

-- Thôi được, lúc nào chụp tôi hỏi ý kiến cô.

-- Ông liệu lấy. Tôi không được phép sang. Quốc tịch Tây Đức mà.

-- À !

Tới "Check point Charlie", cô trình danh sách hành khách cho Đồng Minh rồi trở lại xe tạm cáo từ mọi người và hẹn 5 giờ sau sẽ trở lại đội đón nơi này.

Xe tiến vào *no man's land*. *No man's land* thực ra chỉ là một khúc đường ngang trên Zimmerstrasse. Bên kia một tên *vopos* nhấn xuống đầu một thanh sắt chắn đường để có lối cho xe qua. Ở vị trí nằm ngang thanh sắt đó đeo thêm một lưới thép thẳng dọc xuống tới mặt đất. Từ khi bọn thú dỏ bày ra cái màng lưới này thì cũng chấm dứt luôn cái chuyện vượt biên bằng xe hơi. Trước đó đã có người dùng xe hơi rất thấp gọi là xe lùn phóng bất tử từ Đông sang Tây, chui qua thanh sắt chắn ngang đường, nhanh đến nỗi bọn

vopos không kịp phản ứng chỉ còn biết trố mắt nhìn mà nuốt hận. Chưa vừng dạ, chúng còn xây thêm hai tường gạch dày ở giữa đường làm xe chúng tôi phải đi vòng vèo trước khi đến trạm kiểm soát thông hành.

Sở thông hành được một tên *vopos* lên xe thu lại và trao cho tên thứ hai mang vào đồn để ghi ghi chép chép. Tên ở lại có nhiệm vụ khám xét xe, ra lệnh cho tài xế mở toang các hòm xe. Hắn trở lên xe, đi từ đầu xe tới cuối xe và thỉnh thoảng lại vỗ vỗ tay vào đệm xe nào bỏ trống. Ai nấy lấm lét nhìn nhau. Đến khi tên *vopo* thứ hai từ đồn mang thông hành ra trả lại mọi người và làm hiệu cho xe đi thì bà con thấy nhẹ thõm một cái.

Qua đồn *vopos* chừng hai trăm thước thì xe dừng lại. Một cô dẫn dắt người Đông Đức lên xe, tự giới thiệu, chào hỏi và bắt đầu bằng câu :

-- Các bạn hiện ở Bá-Linh, thủ đô của nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Đức.

Biết rồi khổ lắm nói mãi ! Ai còn lạ gì đây là Đông Bá-Linh thủ đô của Đông Đức. Chết nhầm rồi bà con ơi ! Cô ta đâu có dùng chữ "Đông" mà bà con lại thêm chữ "Đông" vào ? Nghe như bị đấm vào tai mà phát ngán.

Phần thành phố Đông Bá-Linh gần biên giới như là chết. Chỗ này nhà cửa bỏ không nhiều, màu xám xịt, ít người đi lại và gợi trong tôi cái cảnh Bá-Linh sau thế chiến thứ hai. Cô dẫn dắt cũng chẳng thấy có gì đáng giải thích nên giữ yên lặng.

Có điều tôi thắc mắc là tại sao cô ta đã dừng đợi bọn tôi ở đầu đường xa đồn *vopos* đến gần hai trăm thước ? Cô cũng sợ bọn *vopos* ư, hay bọn này cấm cô lại gần. Thật khác hẳn với cô dẫn dắt bên Tây Bá-Linh đã lém lại biết chọc cười và đi xồng xộc vào đồn Đồng Minh ở "Check point Charlie" như đi vô nhà. Và chẳng biết cô đã nói chuyện gì với anh G.I. mà cả hai cười phá lên.

Đi sâu thêm chút nữa thì mới thấy giảm đi cái không khí căng thẳng quân sự. Chỉ là một cảm tưởng của khách du, một cảm tưởng chốc lát và phiến diện khi bức tường đã khuất ở đằng sau. Nói chung Tây Bá-Linh mới hơn Đông Bá-Linh, còn Đông Bá-Linh trái lại được hưởng nhiều công thự hay dinh thự xây từ trước thế chiến - đặc biệt là cái cổng Brandebourg - do vạch kẻ biên giới có lợi về mặt này. Trước cổng Brandebourg là công trường Paris với hai rặng cây *tilleul* cổ truyền, nên đại lộ lớn chạy dài từ cổng này vào trung tâm Đông Bá-Linh được gọi là Unter den Linden (dưới rặng cây *tilleul*). Xe hơi đi lại khá nhộn nhịp tại Unter den Linden. Nhận xét

kỹ thì thấy không thiếu gì xe từ bên Tây Bá-Linh sang. Song điều mà nhà nước Đông Đức lấy làm kiêu hãnh là họ đã lập ra đại lộ Karl Marx Allee. Đại lộ này dài trên hai cây số từ Alexanderplatz đến Frankurter Tor và rộng khoảng trăm thước. Họ lấy làm kiêu hãnh thì mình biết vậy, chứ chính tôi đi đây đi đó cũng đã từng gặp những đại lộ dài rộng hơn thế nữa. Hai bên đại lộ phần nhiều là nhà ở, chỉ đôi khi mới có vài cửa hàng. Đặc biệt tôi thấy một cửa hàng bán máy Ti-Vi trưng bày đúng cỡ hai mươi. Mấy đã cổ mà lại bụi bặm và mạng nhện đã bắt đầu làm chỗ chăng. Nhìn vào cửa kính một nhà thuốc, thuốc tôi chẳng thấy đâu mà chỉ thấy hai con ruồi nằm thẳng cẳng chết trong đáy một cái lọ. Thực ra nền kinh tế của Đông Đức không đến nỗi tệ lắm. Không thể so với Tây Đức, song so với các nước Cọng sản thì Đông Đức giàu nhất, giàu hơn cả Liên xô.

Đông Bá-Linh cũng không tránh khỏi luật định : đường xá khoáng đãng (vì tương đối ít xe cộ) và quang cảnh buồn xỉu (vì thiếu hoạt động thường mãi). Đã chẳng thấy gì vui vui, bọn tôi lại được cô dẫn dắt đưa đi thăm... nghĩa địa *soviet* nơi chôn 5000 Hồng quân của "Trận Bá-Linh" năm 1945. Không có gì hay để mình xem thì đến thăm nghĩa địa cũng được đi. Song dùng nghĩa địa để làm cớ lên lớp Xã hội chủ nghĩa cho du khách thì ớn quá. Tôi dám cá trăm lần như một là hễ có tên Cọng sản nào đứng trước nghĩa địa là thế nào nó cũng tuyên truyền về Xã hội chủ nghĩa. Còn cái nghĩa địa rộng và dài cả chục cả trăm cây số kia - cái bức tường ô nhục kia - thì không biết bọn Cọng sản phải lên lớp gì ?

Xe đậu lại trước khách sạn Bérolina, để khách xuống để bọn này nghỉ và giải khát. Bề ngoài khách sạn trông to tát, mà phòng tiếp khách bên trong đã nhỏ lại quá đơn sơ như ở tỉnh lỵ. Tôi nảy ý chọn mấy tấm bưu ảnh gửi về Sài-gòn cho bạn bè. Như thế người bên nhà sẽ nhận được hai loại bưu ảnh, vì sáng nay tôi cũng đã gửi mấy cái về từ Tây Bá-Linh. Nhận thấy trong tủ kính có trưng một ít đồ sứ khá đẹp, tôi hỏi nhân viên khách sạn :

-- Cái lọ này sản xuất ở đây ?

-- Phải. Sản xuất tại Dresde.

-- Đẹp đấy. Tôi mua, giả bằng tiền *mark* Tây Đức.

Tiền *mark* Tây Đức thì giá trị quá rồi. Tôi ngạc nhiên thấy nhân viên khách sạn lắc đầu.

-- Không lấy *mark* Tây Đức à ? tôi hỏi.

-- Lấy ngay chứ. Nếu ông mua những thứ khác bày kia thì tôi bán được, chứ mấy đồ sứ này chúng tôi chế tạo để xuất cảng.

-- Xuất cảng đi đâu ?

-- Đi Tây Đức.

-- À !

Ông nhân viên cúi xuống nói nhỏ :

-- Chiều nay về bên kia ông sẽ tìm thấy ở mấy tiệm gần Breitscheid Platz. Xin lỗi. Ông chịu khó mua ở bên kia vậy.

Sau đấy chúng tôi lên xe trở về phía Tây. Lần này, tên *vopo* khám xe vô cùng kỹ lưỡng. Hắn xét hòm xe, cúi xuống nghiên cứu đáy xe, rồi trở lên xe lấy gậy đập vào các đệm xe xem tài xế có dấu ai dưới đệm không. Tuy đã đi đi lại lại chở khách nhiều lần qua bên kia rồi mà anh tài xế vẫn giữ vẻ dè dặt, tuyệt đối không thở một cầu nào hết với tên *vopo*. Dè dặt là phải vì sáng kiến của những kẻ đi tìm tự do phải kể là vô biên. Chính anh tài xế sau này có nói với tôi:

-- Dè dặt chứ vì biết đâu trong lúc tôi đậu xe bên kia có thể có người lẻn trốn vào trong xe. Tôi đèo người sang bên này là tôi tù mọt gông.

Lúc xe đổ chúng tôi xuống Kurfurstendamm bên Tây Bá-Linh thì trời đã tối. Kurfurstendamm lại rực rỡ ánh đèn *néon* muôn màu muôn sắc. Tôi nán lại trước tiệm bán máy TiVi, xem chương trình nhạc cùng được cho chạy trên cả mấy chục cái màn ảnh nhỏ. Đủ cả : Ray Charles, Frank Sinatra, Charles Aznavour, Line Renaud v.v... Trời, những người bên kia bắt được các chương trình này thì họ nghĩ thế nào ? Họ nghĩ rằng tư bản ăn chơi quá xá chăng ? Hay nghĩ rằng chỉ nơi nào có tự do mới có thừa cơm thừa áo như vậy ? Đã thế dân Tây Đức thường gửi quà sang Đông-Đức để biếu thân nhân như hiện thời dân tị nạn gửi quà về Việt-nam vậy. Chỉ có một điều hơi khác là gửi quà về Việt-nam, ta gởi quà bằng giấy không mang một hàng chữ in nào để tránh lời thôi; còn dân Tây Đức hay chơi kiểu tinh ma là gói quà bằng giấy báo. Thành thử giấy báo đôi khi quý ngang quà !

Tây Bá-Linh là như vậy : bức tường còn đó, song sống vẫn phải sống.

Hai thế giới, hai cách sống. Một ký giả Đông Đức có thăm dò người qua đường ở Bonn, thủ đô Tây Đức, bằng cách đặt hai câu hỏi:

Câu 1 : Chuyện gì xảy ra ngày 7 tháng 11 năm 1917 ?

Không một ai giải đáp được.

Câu 2 : Công chúa nước Hòa-lan tên là gì ?

Ai nấy đều biết đó là công chúa Béatrice.

Ký giả trên lại đặt hai câu hỏi ấy với người qua đường trên Karl Marx Allee tại Đông Bá-Linh. Công chúa Béatrice ư ? Không ai biết hoặc là họ giả vờ không biết. Còn ngày 7 tháng 11 ? Trời ơi, dễ quá : ngày đó là ngày cách mạng tháng mười Liên-xô !

TRẦN THẾ DU

GIÒ CHẢ NEM TRÉ

VỪA NGON VỪA TIỆN VỪA RẺ
$2.25 MỘT CÂN MỘT CHỤC

Giò chả nem tré là mùi vị quê hương
Giỗ chạp, lễ lạc, cưới hỏi, thiếu giò chả,
nem tré là thiếu tất cả
Một cân giò chả, một chục nem tré rẻ nhất cũng
5, 6 Mỹ kim, thêm cước phí hàng không $1.18
mấy ai dám ăn cho đã.

Từ nay bạn có thể tự làm lấy giò chả, nem tré, vốn chỉ bằng một phần ba, mà ngon, dai không thua giò chả nem tré bán bất cứ đâu, với những phiếu chỉ dẫn kèm các gia vị pha chế sẵn, do :

TRUNG TÂM HÀM THỤ GIA CHÁNH QUỐC HƯƠNG
Soạn thảo và ấn hành.
Xin gửi thư và chi phiếu về :
TRUNG TAM HÀM THỤ GIA CHÁNH QUỐC HƯƠNG
730 Riverlawn Ave. Chula Vista, California 92010
Điện thoại : (714) 426-5658

THE RAT

DOÃN QUỐC SỸ

A light noise woke Kha. It seemed to him he had slept for quite a while. The little sound came again--accompanied now by cries--not cries, but rather breathing--a regular, tiny beat of "huc, huc." Again a rat under his bed.

Friends were always complimenting Kha and Miên, his wife, on their charming, small flat. Very neat, very airy, they all said, because there were windows on three sides; two rooms, a little alcove (where the young helper slept) and separate cooking and washing areas. Miên slept in the inside room; Kha worked in the outside one. After working at his desk, Kha would go back to the inside room to sleep. But quite often he just lay down and spent the night on the wooden platform in the outside room (he used to call it, jokingly, "le divan local").

Evenings when conversation was endless, Miên would hang a mosquito net over "le divan local" as soon as their friends left. She knew that Kha would write late, making up for lost time.

Kha listened intently . . . The rat was moving around under the platform, his breathing quieter now, more like a light, imperceptible sobbing.

Every week Miên had the floor scrubbed on Saturday morning. The floor was lined with Chinese bricks of a rich red that shone and made Kha recall the Red River in the North

and those Bát-Tràng brick factories along the banks. He could not help feeling irritated thinking of the little crawling, humid and smelly mass that was the rat's body flat on the cool and fragrant bricks.

He thought of when they had just moved in. There was first that long, small rat. It was horrible the way it squeezed itself under the clothes chest and disappeared. Just like a big black caterpillar! Then Kha and Miên had the place repainted and whitewashed. When they moved the chest the rat ran out and the quick-thinking painter grabbed a broom and crushed it against the wall.

After this painting and house cleaning the small flat looked lighter, bigger. And with the rat disposed of, Kha felt relieved.

About two weeks later, in the middle of the night, again Kha heard the same cries or sobbing: another rat. Judging by the sounds, Kha guessed it was carrying a piece of paper towards the "stairs" leading to the alcove: a little ladder standing on a wooden box. Kha decided that the rat was making its nest inside this box. With just one rat running in and out of the house, Kha had already felt so bothered and irritated, like someone with a splinter in his hand. And now they were settling down, nest, family and all! Fortunately, three or four days later, while the girl helper was washing clothes at the small corner next to the kitchen, the rat flew down from upstairs. Although no one was chasing it, the rat cried "chit, chit" and frantically ran behind the big kerosene can. The girl left her washing, grabbed a wooden clog and, approaching the can on tiptoe, pulled it out suddenly. The black, long-tailed "caterpillar", in a real panic now, threw itself back where it had come from. The girl struck and missed. But then the neighbor's big dog from the other side of the small enclosure jumped into action. The rat spun around on the floor, convulsed violently, then lay still. The way it had been running, panicky, blind, was like the broken, inarticulate speech of someone of low intelligence who tries to respond to ridicule. The moment the dog's fangs touched it, it collasped and died. It was the death of some pitiful, retarded mind for which a

clear demarcation between life and death no longer exists. The big dog raised its head from the rat and silently went back to its own side of the enclosure. (He, too, despised the rat.) There was nothing for the maid to do but lift the soft, crushed animal by its tail and throw it into the trash can.

Miên said to her husband: "You know, as long as sewers are so close, there's not much we can do about rats." She added, after a while: "It seems to me that all they can do is go from the sewers to the ground. That's the limit."

After that, Kha had felt relieved of rats for a while, even if he did not know what he could do about those that would come later. But at night, half-sleeping, he continued to listen to the noise mice made in the eaves of the flat next door.

Next door was the Chinese "Tạp-Hóa" Shop, the general store, whose owner had become a naturalized Vietnamese. Perhaps only a "Tạp-Hóa" shop run by a Chinese can express all that is contained in those two words. First, on the porch, under the corrugated tin roof, there stood a simple wooden chest with several shelves. On the upper shelves, inexpensive porcelain bowls and tureens. Below, all sizes of mugs of fish sauce, Phan-Thiết, Phú-Quốc, what have you. Way on top were cans: big cans, small cans, all used for dipping and carrying water. Brooms of varying material leaned against one side of the big chest. Next to these hung all sorts of brushes made with bamboo roots. On the other side of the porch, facing the chest, was a three-wheeled vehicle used by its owner to carry merchandise. Inside, lining all three walls were rows of shelves reaching up to the ceiling and on these stood bottles of beer, orange juice, Vĩnh-Hảo Spring water . . . All this not counting a platform in cheap pine in the middle of the room where the Chinese kept his books . . . All this not counting that corner space, way back, where a small altar of Quan-Công* jutted out. At eleven o'clock every night all the bowls, cans, brushes,

*Great Chinese general of the 3rd cent. b.c., the heroic Three Kingdoms period. For Far Eastern peoples he has become the epitome of fearlessness, integrity and loyalty (Trans.).

fish sauce mugs were piled on the three-wheeled cart, brou inside, stacked everywhere, and the door closed. A m could hardly have found room to run about. Maybe that ... why the mice had moved upstairs, into the eaves.

And listening at night, in bed, Kha even found some fun in analyzing the mice's activities and conversations. There were times when two of them apparently struggled against each other; then the whole clan sounded like a family fight, husband and wife shouting, children crying and sobbing. There were times when the cries indicated that one mouse was trying to crawl to the window while the rest, squeezing tighter and tighter in order to let it pass, grumbled against the disturber. Judging by the sound of the mouse flattening and pulling itself against the other side of the ceiling, Kha was dead sure he was a fellow with a strong, firm and muscular body. And there were times, too, when the cries were faint and gentle and Kha would know the whole clan was settled for the night, each one in its own place, quiet and sleepy.

The little rodents living in high places--rats they certainly weren't--were a bold and clever bunch. More than once, when no customers were around, Kha himself had seen one come down a coconut rope, grasp a carrot and go back on the same rope. He had thought of when he was little and had tried to catch mice with a round bamboo basket in the kitchen. The basket was raised up on one side by means of a stick to which Kha had tied a string. A bit of rice was sprinkled under the basket. When the mice came under the basket, Kha would jerk the string and the basket trapped them inside. But rarely was more than a single mouse captured at one time. The next to come would just hide behind the basket and wait until it fell. Then it would go around and pick up the grains of rice that lay outside. How clever and mischievous those mice looked. Kha always compared them, somehow, with the peasants, poverty-stricken but clever and cunning in their hand-to-mouth existence. But the rats, what could they be compared to? What with those invisible envelopes of smelly air they wrapped themselves in they could only be thought of as weak in body and deficient

in soul. And Kha recalled what elders used to say: dishonest and unvirtuous families had for progenitors nitwits and idiots.

Only last night, at about this time, another rat–the third–had appeared. This one had even less sense than the other two. Somehow it had managed to climb all the way to the top of Kha's platform. Kha woke with a start, grabbed the bolt of the door, but then it had run into the inside room, Miên's room. Kha could not do anything because there was too much furniture and bric-a-brac in there. The rat's smell still floated where it had crawled over the mat. But now, as the rat was moving about under the platform, Kha was afraid it would run into the other room again and he got up with determination, turned on all lights and closed the door that separated the two rooms. Man and rat were alone in the small room, closed tight everywhere except for two windows. Kha had the door bolt in one hand, a wooden clog in the other. As if knowing it was the moment of confrontation, the rat rushed past, under the bookshelf, under the table, towards the other room. But the door stopped it and it backed up beneath the small glass and china cabinet, letting out a few cries, Kha thought, of surprise, of fright. As Kha moved the door bolt around under the cabinet, the rat cried once again, louder, ran back to the bookshelf, and quickly crawled into the crack between platform and wall. Kha pulled the platform out a little, then pushed it strongly back hoping the rat would be crushed against the wall. Again, an abrupt cry, and a black mass flew diagonally towards the table. And when the rat was still moving in panic in front of the closed door, Kha rushed over and struck. But the door bolt only brushed against the rat's body, missing its head. The animal cried again, "choe," broke away and ran back under the china closet; something fell from its mouth. The poor rat had found a piece of bread!

Kha heard another sound, turned around, and there it was, the "caterpillar" on its way back to its "safe haven" which was under the platform. Kha bent down lower and lower but could not see it. It had crawled all the way back into the crack.

Bolt and clog in his hands, Kha stood watch. If only he

could have seen himself then, in a mirror, he would have been very surprised and amused. How angry and indignant he looked! Sound of Miên turning over in her bed. She had woken and knew Kha was again after the rat. But she remained silent. As many as three minutes went by, and the rat stayed put. Kha began to feel moved by the room's stillness, the stillness of Death of whom he was the representative! He got back under the mosquito net and lay down with the lights on. He listened. There was no breathing under the platform. Obviously not only was it young and strong, it was intelligent, an outstanding rat among rats. Kha closed his eyes. He knew he could fall asleep; he hoped vaguely that the rat would be clever enough to make use of this advantage and by crawling onto the chair against the wall, get out by the window. But when he opened his eyes, there was the rat, trying to get into the inside room by squeezing itself through the square crack made by the room's door and that of a side door. It was obviously struggling hard to become as flat as a piece of cardboard but it could not pull itself through. Desperate, it jumped high against the door only to fall down again and again. The killer instinct within Kha came alive. He got up bolt in hand, approached the rat and again the door bolt struck, making a dry noise in the stillness of the night. (Miên was probably smiling to herself in the other room.) The wooden bolt was hard, his hand was clumsy--he had always been clumsy with his hands--Kha missed, and the rat made a beeline for the space under the china cabinet. The piece of bread was still there but the poor thing, in his flight for life, did not stop to pick it up.

As soon as Kha plunged the door bolt into the opening under the cabinet, the rat let out a cry and, like a cornered dog, sprang out as if to attack. Unprepared, Kha jumped to one side to avoid it, not realizing that, in its panic, it only wanted to flee somewhere. But now the rat was back in its "safe haven" under the platform. Pulling it out a little, Kha saw the rat there, deep in the dark corner. He climbed onto the platform, pushed mosquito net and straw aside, and aiming carefully, threw the bolt down. But the wooden bar got stuck in the narrow space between the platform and wall, and

the rat ran out, again to the door of the inner room. Unable to go farther, it jumped up several times, smashing its body against the door in utter despair. This time Kha struck him, but not very strongly. The rat made a short moaning sound, its body contorted, yet it still managed to run back toward the space under the china closet; but this time, so frightened, it dropped out onto the floor a bit of excrement right next to the piece of bread. Kha shook his head in pity, but the instinct of destruction, the killer instinct, the call of the jungle hunter in him had been aroused and no amount of the "cultured and compassionate" man, however moved and genuine, could stop the coming murder. Kha continued to thrust the door bolt around under the cabinet. Nothing. Kha stood up and saw more than half the rat's tail showing outside the crack. Some less squeamish person would have just grabbed that tail, pulled the rat high up and slammed it down, and that would have been the end of it. But Kha had always felt queasy about soft and squirming things like leeches and mice. And this was worse, a rat. He just struck lightly with the bolt. As before, the rat let out a cry, ran to the main door, flattened itself, but unable to get through, rushed back to its old "safe haven". Though it had found a new door, this, like the other two, was tightly closed and of no help for its survival. Struck twice, the rat looked miserable, its hair all mussed up; it was running in such a panicky fashion it appeared to shake all over.

Door bolt in hand, Kha stood still where he was, lost in thought. Ten years before, during the Resistance* he used to be sent to camps where the captured white soldiers were kept for interrogation. Most of the POW's belonged to the French Foreign Legion--and therefore were of many European nationalities: French, Italian, Spanish, Hungarian, German, Austrian . . . (no British though). The Spaniards appeared as a special bunch, serious, diligent and blunt. Mostly from the rural northern provinces: Andorra, Pampelune, Cantabres . . . Many

*1945-1954, War of Resistance against the French (Trans.).

had previously joined the anti-Franco forces but ended up in the Foreign Legion. The French and Italians were both cunning and jovial. Always ready for a game or joke. The silent ones were the Germans. Kha suspected many among them had been in the Hitlerite Youth. The Hungarians talked only about Budapest and how their capital city was more beautiful than Paris itself; they had belonged to the "petit bourgeois--small landowner" ranks against the Communists until the latter's victory.

Some of Kha's comrades, when interrogating the white soldiers, often loaded their questions with irony in an attempt to humiliate them. But most agreed that insulting prisoners of war did not enhance the guerillas' victory but, rather, the contrary. It was since those days that Kha had come to believe that to insult and degrade others is to insult and degrade oneself; to see others humiliate themselves in front of you--especially because of some foodstuff (such things happen often in prison camps), is to lose something of your own value and self-respect. Any human being carries within himself the image of all mankind. To rob an individual of his self-respect is to destroy that larger humanity. During the Resistance, cadres in the Liberation Army never wore any insignia, yet the prisoners always addressed their questioners with a deferential "Mon Lieutenant." It was, of course, flattery. But after talking with them awhile, Kha noticed that the flattery slowly disappeared, and there was only a tacit sympathy between him and them, a warm human feeling between equals. Since, as a boy, Kha had always dreamed of travels and adventures, "of the four seas and five continents", he had avidly read anything having to do with far-away cities and places, and remembered all the descriptions and details. With the Hungarians, for instance, he discussed their capital city, recalling what was in Buda and what was in Pest, where the little islets lay on the course of the Danube. He even remembered the locations of factories, those of metallurgic industries, of leather, paper . . . And during the conversation he would ask a war prisoner about his unit, its strength, its commander, its weapons . . . His reports,

therefore, were always well documented and accurate. But, truly, Kha went about his duty in a most natural way, never using his relationship with the captives as a method, a means. Once he had even discussed with a German prisoner the difference between French and German Romantics and their relationships with French and German Classics.

With the Austrians, conversations were more on the light side. Kha told them he loved the artistic Austrian temperament and described a Vennese breakfast with rolls as big as oranges, café au lait in a thick china cup, a small, beautiful slab of butter on a gilded saucer, a crystal glass of cold water . . . Kha talked about these things with passion. People who had been to Vienna could not have known more. Obviously moved and filled with love and nostalgia for his home, the Austrian prisoner sat lost in thought for a moment, then said to Kha, "But, Lieutenant, Sir, you've certainly traveled quite a bit!" Kha did not correct him, although what he had actually seen was only photographs. He did not feel he was lying for he really loved Vienna; he loved Vienna if only because each of her streets was an artistic creation. And he loved Vienna if only because in an ordinary photograph of an ordinary restaurant, a waiter, any waiter, looked so intelligent and dignified, proud of his own values and his own self. And he told the prisoner he hoped the war would soon be over, that the day would soon arrive when men could pool their talents and energies and work together for more mutual understanding, mutual respect, enriching their common human values . . . For Kha, self-respect was something coming from within, not built up from without. And he began to strengthen his own by paying due respect to others' individualities.

Years later, as Vietnam passed through many more changes and upheavals, he came to another conviction: A political regime could only justify its existence by building and respecting the genuine self-respect of the entire people. If it failed to accomplish this, no amount of rhetoric and propaganda could cover up its lies and lead it to glory.

Kha stood still, armed with door bolt and wooden clog, in

the middle of the brightly lit room. The rat was deep in his "safe haven" under the platform. It was almost dawn. Kha realized he hated to see any human being, any animal at the end of its rope, cornered. Yet he approached the platform and pulled it out: the drama between man and beast must end; better so for both. The rat was breathing heavily. Kha could see him quite clearly now. Again, Kha climbed on the platform, aimed, and threw the bolt down. Again he missed. But the rat nevertheless cried aloud and ran out to the main door. It could not run as fast as before, and it looked as if it were somewhat wounded and broken. It ran back and forth several times before the door, jumped up several times against it; Kha jumped down from the platform and struck again and kept the bolt pressed down on the rat's back. It struggled to get free but managed only to turn over, stomach up. Kha bore down hard on the bolt. The rat cried once more, feebly, then opened wide its muzzle; a small amount of blood spurted out. Its hind legs, however, continued to flail about. Kha could see that it was a male. The staccato movements of its legs slowed down. Again the rat gasped, spurting out small drops of black blood. Then it stretched out its hind legs, and stopped moving. From its organ, a bit of liquid oozed out. Kha knew the popular belief. Men struggling against an undeserved death always exuded sperm at the last moment. After several hours of pursuit, Kha had robbed the rat of its life. It was four-thirty in the morning. The first bell rang in a nearby church.

Kha picked up the dead rat with a pair of pincers, carried it to the front door and dropped it into the trash can on the sidewalk. Then with his wooden clog, he rubbed dry the blood on the floor. Without bothering to push back the platform he opened the door to the inside room, turned out the lights, crawled inside the mosquito net, and tried to go back to sleep.

Just about the time the neighbor's clock struck five, he woke again thinking he heard some noise under the platform. If it turned out to be another rat down there, he said to himself, he would get it quickly, what with the experience he had gained still fresh. But there was no rat.

In the morning, coming out from the inside room, Miến asked, "Did you get it?" Kha nodded, "Yes, I killed it. I threw it in the trash can!" The streak of dry, black blood, the piece of bread, and the little dropping were still there. It was a Saturday, anyway, and Miến had the helper wash the floor. As water poured onto the wooden box at the foot of the stairs, three little baby rats floated out through the holes. The girl killed them immediately. Now Kha knew why the rat of last night, a father, had wanted to carry his piece of bread there, and why it had jumped up and down in such despair.

That afternoon, while looking for a fresh shirt in the clothes closet, Kha saw a dark shadow at his feet: another rat had just come out from under the closet and was moving around as if it were blind, its head swaying from side to side . . . It must have lost its mind. Didn't it see a man's foot right there? It was moving slowly, stiffly and lazily, like a toy whose spring is almost unwound. Kha bent down, grasped his wooden clog and struck. It died immediately. It must be the female rat, lonely, crazed, out looking for its husband and children. It died as if in its sleep, or rather, as if it had just woken up from a nightmare.

Kha's reason said to him: He had just eliminated the entire rat population in his home. It was also a good moment, for rumors were around that a few cases of plague--a new epidemic--had been reported at a seacoast province.

Yet days later, every time Kha saw the neighbor's small child yawning, he could not help but recall the rat, its chest crushed under the door bolt, its mouth agape, oozing blood and something disturbed him. Something unresolved. A feeling that resembled gnawing regret and pity.

●

Translated from the Vietnamese by Võ-Đình

---

* *Doãn Quốc Sỹ, author of more than 30 novels as well as many short stories and essays, is still held in communist re-education camp in Viet nam.*

HỘI THẢO VỀ

CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT VIỆT NAM TRONG VIỄN CẢNH SO SÁNH

Nhóm Việt học (Vietnam Studies Group) của Hội Á-châu học (Association for Asian Studies) trong tháng 10 1978 đã chủ trì một cuộc hội thảo về Việt nam.

Ngày thứ sáu 27-10-1978 , tại thủ đô Oa-sinh-tôn , hai "học giả" Việt nam là Ngô Vĩnh Long và Trương đình Hùng (David Trương)đã được sinh viên quốc gia chiếu-cố tận tình tại Đại học George Washington sau buổi họp về chính trị và kinh tế tại Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Theo lời các nhân chứng thì tên Ngô Vĩnh Long đã bị sinh viên Việt nam đổ cà-phê vào cổ áo sơ-mi, rồi tát đánh ít nhiều trong thang máy khi hắn ra về. Còn David thì cũng bị sinh viên cho nếm mùi quyền thuật ngay ở trước giảng đường Cloyd Marvin; nếu không có "đồng chí" mẽo đẩy vào xe hơi và chở đi mau thì chắc ăn đòn nặng. Cũng vì có người giải thích là đây không phải ô-tô của David mà là của bạn Mỹ nên chiếc xe không bị phá.

Đại diện các nhóm Việt kiều, sinh viên chống cọng đã biểu tình ôn hòa trong suốt ngày thứ sáu và sáng thứ bảy 28-10-1978 ở hành lang và ngay trong mấy phòng họp. Trong số đồng bào chứng tỏ sự hiện diện của phe phản đối, cả cả mấy cụ bà phụ lão, nghiêm chỉnh ngồi nghe các bài tham luận,và đại diện những đoàn thể sinh viên quốc gia, Hội Bảo vệ nhân-quyền,v.v... trưng cờ ba sọc đỏ và phát truyền đơn kêu gọi các "học giả" Mỹ về Việt nam hãy thức tỉnh trước mối đe dọa đối với nhân quyền ở Đông dương.

Sáng thứ sáu, sau khi tên Ngô Vĩnh Long đọc bài nói về "Những cuộc tranh đấu của nông dân cách mạng trong những năm thập niên 30' (Peasant Revolutionary Struggles in Vietnam in the 1930's), vị học giả lão thành Hoàng văn Chí có lên nhận xét vài điều, và đặc biệt nói là cậu Long mới nứt mắt, lúc có cách mạng chắc chưa đẻ, nên làm sao biết được chân tướng của cách mạng! "Chẳng qua," cụ Hoàng nói, "cậu chỉ dẫn sách này sách kia, và như thế càng tin quá vào sách vở thì càng như không có sách vở" (lời Mạnh tử, được cụ Hoàng dẫn). Ngoài ra, còn có anh Nguyễn Ngọc Bích, chị Trương - Thụy Long , và ông Phó Bá Long cùng nhận xét.

Đặc biệt buổi chiều thứ sáu, buổi họp về "Cơ chế"(buổi - sáng là về "Xã hội mác-xít"), chính giáo sư Phó Bá Long có nêu nhiều uẩn khúc về cuộc cách mạng tháng 8, sau khi ông vuốt nhẹ mấy nhà học giả Mỹ (Turley, Elliott) và Pháp (Boudarel), và Úc (Shaw) là quý ông rất bác học, và "đáng được,.. chính phủ Hà nội mời sang làm cố vấn".

Trong đám cử tọa, chúng tôi nhận thấy còn có những vị rất am tường vấn đề Việt nam như giáo sư Trương Hoàng Lem, bà Lê thị Anh, ông Châu kim Nhân, v.v...

Chúng tôi mãi dự khóa về "Văn hóa và Mỹ học" tối hôm thứ sáu nên không dự được khóa về "Kinh tế" có tên Ngô VĩnhLong tham dự. Tuy nhiên cũng được biết khóa này, do ông GuyGran chủ tọa, muốn đề cao hệ thống kinh tế hiện tại của Việt nam là có thể được coi là một mẫu mực kinh tế... dạy cho người khác !!! Nghe đâu Ngô Vĩnh Long nói rằng trong những năm cuối của Sài gòn, 40% trẻ con ở miền Nam Việt nam bị chết đói. Cử tọa phản đối lu bù. Khóa chuyên đề về văn hóa có ba bài tham luận: một về "Phê bình văn học hiện thực chủ nghĩa trong nhũng năm 1930" của Huỳnh sanh Thông, "Văn nghệ Việt nam từ 1945 đến 1975 của Nguyễn Quỳnh, và "Việc kế - hoạch hóa ngôn ngữ ở Việt nam" của Nguyễn Đình Hòa.

Bài tham luận của Giáo sư Nguyễn đình Hòa không có ghi trong chương trình in sẵn, còn mấy bài có ghi trước (của Balaban, De Francis) thì phút chót lại rút lui ?

Bài tham luận của ông Nguyễn Đình Hòa điểm lại lịch trình những cố gắng để kế hoạch hóa, tiêu chuẩn hóa và uốn nắn ngôn ngữ Việt nam . Hai điểm giáo sư Nguyễn Đình Hòa nhấn mạnh là : (1) Miền Nam Việt nam có chủ trương dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ, và *đã* thật sự dùng tiếng Việt làm

chuyển ngữ, để giảng dạy đủ các bộ môn : và (2) công tác thuật ngữ đã do các vị tiền phuông bắt đầu từ trước 1945, và ta không thể phủ nhận những công lao của các vị tiền bối đó, như là giáo sư Hoàng xuân Hãn, Đào văn Tiến, Phạm Khắc Quảng và Lê Khắc Thiền, v.v... đã đặt nền móng cho việc soạn thảo danh từ khoa học và kỹ thuật mà cả học giả cả hai miền đều đóng góp.

Giáo sư Nguyễn đình Hòa đã có mấy lời mào đầu làm cho người nghe thấy cũng bâng khuâng. Lúc vào đề bài tham luận ông nói là cách đây đúng 30 năm, vào mùa thu 1948, ông tới nước Cờ-hoa du học, thì chỉ có vẻn vẹn bốn sinh viên (một từ Sài gòn là ông Huỳnh Sanh Thông, và một từ Hànội là Nguyễn đình Hòa, và một người nữa từ Pháp và một người từ Nhật qua) Lúc đó, ông Hòa mang thông hành của Liên hiệp Pháp đóng chiếu khán sinh viên (student visa) số 1 từ Hà nội. Bạn học Mỹ vì thế cứ trêu ông, bảo ông là người Pháp mà có máu Tàu, (vì ông biết giặt may-ô quần đùi vào cuối tuần ở dưới hầm nhà trọ, đi guốc ta lọc cọc), làm ông tức giận phát khóc. Rồi khi nói mình là người Vietnamese, thì họ lại lầm với Viennese là người dân thành Vienna, bên Áo quốc ! Vì thế cho nên 30 năm sau, là năm 1978 , có một khóa chuyên đề tọa đàm về văn hóa Việt nam mà lại có được vài chục người Mỹ gọi là "trí-thức" đến nghe thì ông Hòa "cảm thấy lạc quan cho nền văn hóa lò cừ – melting pot – của Mẽo, vì nay đã có sự đóng góp của thành phần thiểu số người Việt chúng tôi" . (nguyên văn lời giáo sư Hòa).

Tưởng cũng nên nhắc thêm là William Turley, ông giáo sư trẻ đã từng giảng dạy bên Việt nam và đọc bài tham luận chiều thứ sáu về "Sự tham gia chính trị vủa đảng Cọng sản Việt nam" ở buổi họp về Định chế, hiện giảng dạy ở Đại học Nam Illinois (SIU) và cách đây hai năm đã ra điều trần trước Quốc hội Mỹ cùng với linh mục André Gélinas.

Buổi sáng thứ bảyy28–10–1978, khóa chuyên đề về Sử và Hệ ý thức có nhiều bài tham luận và đông người tham dự. Ông John Whitmore, đã viết luận án tiến sĩ về cơ chế đời nhà Lê, nói về "Chủ nghĩa mác-xít và lịch sử Việt nam". Luật sư Stephen Young (Đại học Harvard) nói về đề tài "Chủ nghĩa mác-xít Việt nam: Chuyển tiếp trong Hệ ý thức thượng lưu". Giáo sư William Duiker, chủ tịch Nhóm Việt học (Vietnam Studies Group) của Hội AAS, nói về "Cuộc cách mạng Việt nam

trong viễn cảnh mác-xít so sánh".

Hội Association for Asian Studies đặt trụ sở tại Ann Arbor, chủ tịch năm nay là giáo sư Richard Park. Cuộc họp lần này là họp chung với chi hội miền đông Hoa kỳ. Chi hội miền trung tây họp ở Lincoln, bang Nebraska, ngày 20 và 21 tháng 10, 1978.

Nhóm Việt học (Vietnam Studies Group) hiện có những người sau đây : Nina Adams, Charles Benoit, Guy Gran, Gareth Porter, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Quỳnh, Jay Scarborough, William Turley và William Duiker.

Đại hội thường niên của Hội AAS sẽ họp tại thành phố Los Angeles, trong khách sạn Hilton từ 30-3 đến 1-4, 1979.

NAM Y LÃO NHÂN

người việt

P.O. BOX 486, WESTMINSTER, CA. 92683 USA.

kính chúc quí bạn đọc và thân hữu

Một Giáng sinh và Năm mới như ý

BÀI CẬY ĐĂNG

Thông báo của Trung tâm Định cư và Văn hóa Đông dương tại San José (1885 The Alameda, San José, Ca. 95126.)

Santa Clara là một trong các quận lớn và phát triển nhất của vùng Vịnh Cựu-kim-sơn tại tiểu bang California.

Dân tỵ nạn Đông dương tại đây cũng phát triển từ 2.500 người năm 1976 lên trên 10.000 người năm 1978. Đặc biệt là đồng bào Việt nam đã thành công đáng kể tại miền thung lũng điện tử. Lương trung bình của các chuyên viên điện tử là 1.000$ một tháng.

Để góp phần vào công việc phát triển văn hóa Việt tại Santa Clara, Trung tâm chúng tôi chính thức thực hiện một chương trình yểm trợ bất vụ lợi cho các văn nghệ sĩ Việt nam.

Tất cả các nghệ sĩ trình diễn muốn tổ chức tại vùng San José sẽ được sự yểm trợ tối đa của Trung tâm về mọi phương diện.

Chúng tôi sẵn sàng liên lạc thuê rạp, mướn chỗ và quảng-cáo v.v... cho các bạn.

Đối với các tác phẩm Anh và Việt *mới sáng tác* bởi các nhà văn di tản, chúng tôi nhận làm đại lý phát hành không lấy thù-lao. Chúng tôi có người lo tồn trử, phổ biến, quảng cáo, thu tiền và trả đầy đủ tiền cho tác giả. Bưu phí liên lạc do cơ quan chúng tôi ủng hộ.

Hiện cơ quan chúng tôi có thể đặt bán hộ các bạn tại 6 chợ Việt nam, 3 quán ăn Việt nam và tại các thư viện công cộng, cũng như thư viện của các trường học.

Mục đích duy nhất của chúng tôi là làm mọi cách để giới thiệu tinh hoa văn hóa Việt từ các văn nghệ sĩ đến với đồng bào.

Xin các thân hữu văn nghệ sĩ liên lạc với chúng tôi.

Giao Chỉ VŨ VĂN LỘC
(Địa chỉ ghi trên).

Văn nghệ khắp nơi

HÓA RA THANH NGA ĐÃ...YÊU NƯỚC!

Đêm 26–11–78 vừa qua, đào Thanh Nga bị hạ sát trên con đường từ rạp hát về nhà. Đài Hà nội đã loan tin ấy hai lần, đã tiết lộ sự hợp tác của cô đào cải lương 45 tuổi này đối với cọng sản từ trước 1975, đã ca ngợi "lòng yêu nước" của cô ta, đã cho hay có hàng nghìn người họp tại Sàigòn để thảo luận về cái chết này. Đài cho rằng bọn "phản động" đã giết ThanhNga và dĩ nhiên nhà cầm quyền đang tổ chức một cuộc lùng bắt 'phản động' thật rộng rãi.

Người ta còn nhớ hơn hai năm trước báo chí đã loan tinvề vụ Thanh Nga bị thương vì một phát nổ tại rạp hát trong lúc cô cô ta đang trình diễn trên sân khấu.

Thì ra có một người "yêu nước" quanh năm chỉ lẩn quẩn tại Sài gòn bị "phản động" tỏ rõ ý chiếu cỡ từ nhiều năm mà nhà cầm quyền "cách mạng" đành khoanh tay, không tài nào bảo - vệ nổi.

HUY CƯỜNG ĐI TRƯỚC THANH NGA.

Trước Thanh Nga, diễn viên điện ảnh Huy Cường nghe đâu đã từ trần vào ngày 9–10 năm nay, tại nhà thương Chợ Rẫy vì chứng bệnh đau gan.

Huy Cường đã đóng một vai chính trong phim *Xin nhận nơi này làm quê hương* do Hoàng vĩnh Lộc đạo diễn.

HOÀNG VĨNH LỘC CÒN TRƯỚC CẢ HUY CƯỜNG.

Huy Cường "ra đi" lặng lẽ trước Thanh Nga hơn tháng trời

mà chúng ta được biết tin muộn, vì không được đài Hà nội nói đến, không được nhà cầm quyền xem là... yếu nước.

Thế là còn khá. Cái chết của nhà đạo diễn Hoàng vĩnh - Lộc còn kín đáo hơn, và tin bay đến người ngoài còn muộn - màng hơn. Bởi vì Hoàng vĩnh Lộc đã bỏ mình tại nhà giam Lê văn Duyệt, ở phường 4, khu C, nghe đâu từ cuối năm 1977.

Nhà đạo diễn tài hoa này từng được giải thưởng Văn học Nghệ thuật năm 1969, và đã bị nhà cầm quyền cọng sản bắt giam đi giam lại đến hai lần. Một lần vào tháng 5–1976, sau đó ông được thả ra; rồi giữa năm 1977 lại bị bắt giam cho đến chết.

THANH TUYỀN, ĐỖ TIẾN ĐỨC ĐÃ RỜI VIỆT NAM?

Số phận những người ở lại đã như thế, nhiều văn nghệ sĩ

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được các tác phẩm:

–Our Endless War, inside Vietnam, của cựu Trung tướng Trần văn Đôn, do nhà xuất bản Presidio Press gửi tặng.

Sách dày 270 trang, giá bán 12$95, viết về tình hình chính trị và quân sự tại miền nam Việt nam từ ngày Pháp rút đi cho tới ngày quân đội Mỹ rời bỏ và nam Việt nam rơi vào tay cọng sản.

–Chính trị Mỹ sau vụ phản bội V.N.C.H. của Phạm kim Vinh, do tác giả tự xuất bản và gửi tặng.

Sách dày 202 trang, không đề giá bán; viết về chính sách của Hoa kỳ trong cuộc đối đầu với cọng sản từ sau cuộc thất bại ở Việt nam, cực lực công kích đường lối của đảng Dân chủ và của tổng thống Mỹ Carter.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Presidio Press và nhà văn Phạm kim Vinh; và nhiệt liệt giới thiệu các tác phẩm kể trên cùng quí vị độc giả.

đang quyết tâm bỏ chế độ mới thoát ra ngoại quốc, bất chấp hiểm nguy.

Trong số những người ra đi gần đây, tạp chí *Quê Mẹ* có đề cập đến nữ ca sĩ Thanh Tuyền. Và chúng tôi nghe tin nhà văn Đố tiến Đức cũng đã rời khỏi Việt nam . Tuy nhiên, cho đến nay chưa biết các vị này hiện tạm trú tại đâu.

CƠ QUAN ÂN XÁ QUỐC TẾ VÀ DOÃN QUỐC SỸ

Bản tin của cơ quan Ân xá Quốc tế (Amnesty International Newsletter) số xuất bản vào tháng 10–1978 có đăng tin về vụ nhà cầm quyền cọng sản Việt nam bắt và giam giữ nhà văn Doãn Quốc Sỹ từ tháng 11–75 đến nay; và kêu gọi viết thư cho Tôn đức Thắng để yêu cầu trả tự do cho nhà văn tác giả bộ trường thiên tiểu thuyết *Khu Rừng Lau*.

Sự lên tiếng của cơ quan quốc tế này kể ra khá muộn màn. Nhưng... có vẫn còn hơn không!

TRIỂN LÃM THÁI BÁ

Họa sĩ Thái Bá vừa mở một cuộc triển lãm tại 1124 N Highland ở Hoa-thịnh-đốn, trong dịp khai trương họa thất, từ ngày 12 tháng 11–78 , kéo dài trong hai tuần lễ.

Phòng triển lãm trình bày chừng 30 họa phẩm về quê hương Việt nam.

DÂN CA VIỆT NAM Ở BẮC ÂU.

Nhạc sĩ Trần quang Hải và ca sĩ Bạch Yến, đã biến tuần trăng mật của mình thành một cơ hội phát huy văn hóa Việt - nam thành công và thích thú.

Đầu tháng 10–78 cặp nghệ sĩ này đ ã từ Pháp lên Na-uy , để diễn thuyết và trình diễn dân ca Việt nam . Trong đợt đầu tiên, qua ba chục buổi trình diễn ở mười tỉnh khác nhau, họ đã được thính giả nhiệt liệt tán thưởng.

NGHỆ SĨ VIỆT NAM Ở PHÁP KHẲNG ĐỊNH LẬP TRƯỜNG.

Các nghệ sĩ Việt nam trong bộ môn ca kịch hiện sống tại Pháp vừa gửi một bức thư ngỏ đến khắp các báo chí, các hội đoàn người Việt tự do, các vị lãnh đạo tôn giáo, các hội đoàn

sinh viên hải ngoại, để xác nhận việc thành lập ban ca kịch *Tình Quê* với lập trường như sau:

– Tuyệt đối không hợp tác với cộng sản dưới mọi hình thức

–Sẵn sàng cộng tác thân hữu với tất cả mọi tôn giáo, cộng đồng, hội đoàn, hiệp hội v.v... thuộc khối người Việt nam tự do trong các cuộc trình diễn văn nghệ. Đặc biệt cho các cuộc tổ chức văn nghệ để góp quỹ từ thiện hay cứu trợ; sẽ hạn chế tối đa tiền thù lao để chia xẻ việc chung.

Bức thư mang chữ ký của các nghệ sĩ Hữu Trí, Hữu Phước, Chí Tâm, Hương Lan, Quốc Hiếu v.v...

VĂN NGHỆ, TRÍ THỨC, VÀ NGƯỜI VIỆT VƯỢT BIỂN.

Trong hai ngày 14 và 15–11–78, đài phát thanh France - Inter đã liên tiếp loan bản kêu gọi của *Uỷ ban cứu sống người vượt biển* do chị Phương Anh đọc, gây chấn động sâu xa trong dư luận quần chúng và báo chí nước Pháp.

Uỷ ban cứu sống người vượt biển được thành lập do nhóm *Quê Mẹ* thuộc hội *Văn hóa và Liên lạc người Việt hải ngoại* và phân bộ Việt nam của *Uỷ ban bảo vệ quyền làm người Cam-bốt-Lào - Việt nam.*

Bản kêu gọi của *Uỷ ban cứu sống người vượt biển* mang chữ ký của các anh chị Võ văn Ái, Phương Anh (tạp chí *Quê Mẹ*), và của nhiều nhân vật quốc tế thuộc giới trí thức và văn nghệ như: Jean Paul Sartre, Simone de Beauvoir, Eugene Ionesco, Jean Marie Benoist, Pierre Emmanuel, Pierre Daix, Philippe Sollers, Jean François Revel, Mau rice Clavel, Glucksmann, Oliviet Todd, Jean de Beer, Brigitte Friang, Michel Foucault, Vladimir Maximor, Vitor Nebrassov, pho chu tich Quoc hoi Bernard Stasi cua Phap, v.v...

Sau những kêu gọi chấn động ấy, *Uỷ ban cứu sống người vượt biển* đã hoàn một dự án quan trọng: dự án *Một chiếc tàu cho Việt nam.*

Một chiếc tàu có sức chứa độ 500 người sẽ chạy ngoài hải phận quốc tế dọc bờ biển Việt nam để vớt người vượt biển, từ giữa tháng 12–78. Ba bác sĩ sẽ cùng đi trên chiếc tàu nhân đạo này.

Uỷ ban kêu gọi Việt kiều tiếp tay bằng cách gửi tiền bạc,

ý kiến đến địa chỉ: *Quê Mẹ*, 25 rue Jaffeux
92230 Gennevilliers France

MỘT CHIẾC QUAN TÀI LÊNH ĐÊNH .

Bản kêu gọi đọc trên đài phát thanh France-Inter , trong

quà tặng

CON-CHÁU, BẠN-BÈ, NGƯỜI YÊU CÙNG
CÁC BẬC TÔN-TRƯỞNG, TRONG CÁC DIP

SINH-NHẬT, GIÁNG-SINH, THÀNH-HÔN & NGUYÊN-ĐÁN, KHÔNG GÌ QUÝ VÀ ĐẦY Ý-NGHĨA BẰNG CÁC CUỐN SÁCH NÀY

● VẦN VIỆT-NGỮ	giá US $ 5.00
● TẬP-ĐỌC MỘT	giá US $ 5.00
● TẬP-ĐỌC HAI	giá US $ 5.00
● CÂU-ĐỐ VUI	giá US $ 5.00
● THI-CA CỔ-ĐIỂN Tập Thượng	giá US $ 10.00
● THI-CA CỔ-ĐIỂN Tập Hạ	giá US $ 10.00
● THI-CA TIỀN-CHIẾN & HIỆN-ĐẠI	giá US $ 10.00
● CƯỜI BẰNG THÍCH (Tiếu-Lâm VN)	giá US $ 5.00

SẼ XUẤT-BẢN ■ **TỤC-NGỮ CA-DAO**
■ **CỔ TÍCH VIỆT-NAM**
LOẠI SONG NGỮ VIỆT/ANH ĐỐI-CHIẾU

Thư-từ, tiền bạc, xin gửi về cho : **BÙI VĂN BẢO**
15 Rochdale Avenue
TORONTO , CANADA , M6E 1W9

NGOÀI HOA-KỲ VÀ CANADA XIN GỬI THÊM
CƯỚC-PHÍ MÁY BAY CHO MỖI CUỐN LÀ US $ 1.50.

hai ngày 14 và 15–11–78, bản Việt ngữ được công bố trên *Quê Mẹ* như sau :

«Hãy giúp chúng tôi ! Hãy cứu chúng tôi !» 2.564 người tỵ nạn Việt Nam đang kêu lớn như vậy, nam phụ lão ấu, những người vượt biển trên chiếc tàu Exodus mỏi, nệm cứng trên boong tàu và tròng trành ngoài hải phận Mã-Lai-Á. Đói, bệnh truyền nhiễm, sự chết sắp tới, đó là tương lai đang chờ họ.

Họ vừa trốn khỏi Việt Nam, tổ quốc họ, đời họ biến thành cơn ác mộng trên chuyến đi địa ngục này mà họ phải đánh đổi bằng mọi giá để thoát hiểm. Chẳng có chính phủ nào nằm trên giải đất bao quanh bờ biển, nơi họ lênh đênh, chịu đón tiếp họ. Thức ăn cạn dần, chẳng ai cứu trợ. Trên tàu không một bóng y sĩ.

Các Hội Đoàn Nhân Bản quốc tế đâu rồi ? Liên Hiệp Quốc đang làm gì ? Chính Phủ Pháp nghĩ sao, các vị không thể quên mối giây liên hệ và trách nhiệm đối với Việt Nam ? Những thân hữu đông đảo của dân tộc Việt Nam ở đâu hết rồi ?

Chúng ta đành bịt tai trước những tiếng kêu thất thanh này ư ? Chúng ta bó tay làm lơ và ngồi chờ cho chiếc tàu kia đang dần dà biến thành một chiếc hòm lênh đênh vĩ đại ?

THỞ CAO TẦN

Người Việt và Bút Lửa xuất bản – Giá 2$50
Bưu chi phiếu xin gửi về: LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555
San Diego , Ca. 92119

Để cho họ có thể sớm rời chiếc tàu bi thảm kia, mỗi chúng ta hãy hiến tặng sự trợ cứu mình tới Hội Đồng Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc. Chính Phủ Pháp phải lập tức nhân danh mình can thiệp với những tổ chức quốc tế để cứu họ.

Paris, ngày 13 tháng 11 năm 1978

HỌA SĨ VÀ HÓA CHẤT.

Họa sĩ Nguyễn văn Mộch vừa được viện đại học Syracuse ở Nữu ước cấp phát văn bằng Cao học danh dự vì một công trình nghiên cứu ra một loại hóa chất mới bằng nitrat bạc, dùng làm *emotion (photo sensitive)* tráng trên thạch bản thay thế cho phương pháp vẽ tay trên mặt đá đã dùng từ xưa.

Sáng kiến của họa sĩ Nguyễn văn Mộch là một đóng góp vào một kỹ thuật (*print making*) trong ngành ấn loát.

CÔ BÉ BỐN MƯƠI BA.

Ở tuổi 43, Françoise Sagan vẫn còn là cô bé ngỗ ngáo của

NHỮNG SÁCH DO "NGƯỜI VIỆT" XUẤT BẢN :

* TRUYỆN KIỀU của Nguyễn-Du	$ 3.70
* LY HƯƠNG của Võ-Phiến và Lê-tất-Điều	3.50
* THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	(hết)
* NGƯNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê-tất-Điều	3.70
* ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ-Phiến	(hết)
* KISSINGER TRONG BẪY SẬP của Phạm-kim-Vinh	6.20
* NGUYÊN VẸN của Võ-Phiến	6.50
* THƠ CAO TẦN của Cao-Tần	2.50
* ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê-tất-Điều	4.00
* LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	4.00

Thư từ và chi phiếu xin đề : NGƯỜI VIỆT
P.O. Box 486
Westminster, Ca. 92683 Usa.

thời *Bonjour Tristesse* (1954), và thành công vẫn mang đến cô ta mối đam mê xe xì-po đắt tiền, bài bạc, và *uhisky*.

Sau *Bonjour tristesse*, Sagan đã xuất bản thêm 12 cuốn tiểu thuyết và 9 kịch phẩm khác. Sáng tác mới nhất của cô được dựng trong bối cảnh một ngày đầu thu Paris mang tên *It's Nice Day and Night*, và vẫn một câu chuyện ngoại tình để cuối cùng thiện lại thắng ác.

Bây giờ nhà nữ kịch sĩ với số tiền thù lao của kịch phẩm ấy đang miệt mài ngày đêm ở một sòng bạc tại Baden-Baden. Đánh bạc đã trở thành một đam mê không bỏ được; Sagan phải thố lộ: "Trời ơi! Khi số mạng đưa đẩy bạn vào thói quen ấy, không cách chi bạn từ bỏ nó được."

BÀI CA CỦA MỘT THỜI ĐÃ KHUẤT.

Độc giả thường xuyên của Singer biết chắc chuyện nào của

---

nguyên vẹn

□ truyện dai của VÕ PHIẾN

Trong "Nguyên Vẹn" có nhiều trang thật đẹp, thật thơ mộng tình tứ. Tôi tưởng một người đã hai thứ tóc trên đầu, với những bộn chồn lo lắng về đời sống hàng ngày, khó có thể viết được những trang tình tứ đó. Vậy mà Võ Phiến đã làm được...

Đọc xong NGUYÊN VẸN tôi cứ nhớ tới cuốn "Giờ thứ 25" của Georghiu và cuốn "Bác sĩ Jivago của Pasternak..."

Tôi nghĩ rằng bất cứ một người Việt di cư nào, đọc NGUYÊN VẸN cũng phải lấy làm thích thú. Cái thích thú của kẻ, sau 3 năm lưu lạc giang hồ, chợt thấy lại một luỹ tre già, một giòng sông xưa, một mái tranh cũ...

Bác sĩ NGUYỄN ĐĂNG DIỆM
(Đất Mới

ông cũng vậy, rồi thế nào nhân vật chính cũng sẽ trở về sống lại với quãng đời đã qua, ở một nơi chốn cũ chẳng bao người mong trở lại.

Shosha, tiểu thuyết thứ tám của Singer, vẫn như những tác phẩm trước, vẫn một điệu nhạc cũ, vẫn những tình tiết, nhân vật giống nhau, nhưng không vì vậy mà cuốn truyện mất đi cái tính cách hấp dẫn của nó.

Aaron Greidinger, nhân vật chính của *Shosha*, cũng như mọi nhân vật chính của Singer (và có lẽ phản ảnh trong vài khía cạnh nào đó, con người thật của tác giả) lớn lên tại Warsw vào những năm đầu thế kỷ. Con của một ông rabbi, chàng trẻ tuổi mê văn chương và triết học. Ngoài tài viết báo cho một tờ báo tiếng yidish, chàng còn được số đào hoa. Trong đám phụ nữ bao quanh chàng, cô Betty Slonim, một nữ kịch sĩ Mỹ, cô này vừa yêu mê một chàng trẻ tuổi vừa vét tiền bạc của anh tình nhân già và giàu có.

Hitler xâm lăng Ba-lan và số phận người Do thái bị đe dọa; Betty là hiện thân cho con đường thoát ly đưa Aaron vào thế giới tự do — Mỹ châu — và luôn cả vào thế giới giàu có của nàng một khi anh kép già qua đời.

Nhưng thay vì chọn con đường hấp dẫn ấy, Aaron lập gia đình với Shosha, một cô gái tật nguyền khờ khạo mà chàng đã jet bab
kết bạn từ ngày thơ bé. Với Aaron, chàng hiểu rõ tại sao chàng làm vậy. *"Tôi chối bỏ một người đàn bà của sự mê, của cuồng nhiệt, của thành công, người có đủ khả năng mang tôi vào Hoa kỳ và đem tôi khỏi sự nghèo khổ cũng như cái chết dưới mũi súng của bọn nazi."*

Nhưng tại sao chàng đã chọn lựa ? đó là câu hỏi được lặp lại hoài trong các tác phẩm của Singer. Aaron đã tự trả lời, qua hành động của mình. Niềm yêu mến một dĩ vãng Shosha đã chia xẻ với chàng; tình ưu ái đối với tâm hồn giản dị mộc mạc của nàng; và cả lý do rằng Shosha là người đàn bà duy nhất trên đời sẽ yêu chàng và chẳng bao giờ phản bội chàng.

Singer đặt chân lên đất Mỹ vào năm 1935. Singer nhìn nhận một lầm lẫn ông đã vấp phải những ngày đầu tiên ấy. *"Độc giả tiếng yidish của tôi đều già cả mà tôi thì hãy còn trẻ; và tôi ngày ấy có viết một tác phẩm về nước Mỹ trong khi tôi chẳng biết gì về nó cả. Nhưng thất bại ấy đã đưa tôi trở lại với các người đồng hương Ba-lan của tôi, và tôi đã chọn con đường*

viết cho họ, viết về một khoảng đời đã mất mà họ không nhìn thấy được nữa.

Tôi biết một số văn sĩ trẻ ngày nay rất nhiệt thành, họ đã quên rằng người viết không phải để thay đổi thế giới, mà chỉ là để phản ánh nó thôi."

Đối với Singer, ông cho rằng người viết không phải là thánh mà chỉ là người có tài viết mua vui. *"Chúng ta không thể nào giải thích được các hiện tượng của đời sống. Tiểu thuyết để giải-trí hoặc gây một tí xao động trong tư tưởng chứ chẳng thay đổi được ai. Nếu Tolstoi là một nhà giảng đạo, thì vĩ đại như ông còn chưa giúp được ai, mong gì thế giới khá hơn bởi các anh thầy giảng non tay ?"*

THẠCH TÂM và LIÊN HẢI

NHẮN TIN :

Cô Ngô-Mộng-Lan, trước ở 12835 10th St. Apt.58, Chino, Ca. Xin cô cho chúng tôi biết địa chỉ mới để tiện việc gửi báo. Hai số báo vừa qua, gửi về địa-chỉ cũ, bị Bưu-điện trả về với tiền phạt.

Tòa soạn VHNT.

THÔNG BÁO

Chúng tôi trân trọng báo tin : Hạn mua báo của quý vị chấm dứt sau số.....

Chúng tôi mong sớm nhận được phiếu mua để tiếp tục gửi báo đến quí vị , hầu khỏi có sự gián đoạn đáng tiếc.

(Nếu không thấy ghi số hết hạn tại mục này trong tờ báo của quí vị, tức là hạn mua báo của quí vị vẫn còn.)

tái bản lần thứ hai

trọn bộ 9 tấm tranh

thủ ấn họa cổ truyền

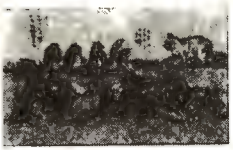

ấn bản in tay rất công phu

giá chỉ 29$ 68 kể cả cước phí hạng nhất

trong và ngoài nước mỹ

Chúng toi hiện tàng trữ rất nhiều cổ họa vẽ tay trên lụa gồm có toàn bộ tranh thờ . tranh Hương Chủ, Tứ Phủ, các Thánh Mẫu các Ông Hoàng , các Cô , các Cậu, tranh Quan Tướng (Ngũ Hổ) . v v . Toàn bộ tranh sinh hoạt . Phương Ngôn Đồ, Tiên Tấm Đồ , Du Xuân Đồ, Tứ Thời Bát Tiết, Mai Lan Cúc Trúc. Ngư Tiều Canh Độc, Bát Tiên Qúa Hải v.v, . .

Xin liên lạc để biết thêm chi tiết và giá cả tại địa chỉ:

order xin gởi:

PHẠM HỒNG PHÚC

4181 38th street San diego , CA. 92105

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. BOX 486
WESTMINSTER, CA. 92683 USA.

2nd CLASS

Mr. TÔN THẤT KỲ
224 S. JACKSON ST.
GLENDALE, CA 91205

MARIN...

1
JA

người việt

P.O. BOX 486 14702 DAVIS STREET
WESTMINSTER, CA. 92683 ĐT. (714) 897-2476

ẤN LOÁT XUẤT BẢN

- XUẤT BẢN TẤT CẢ CÁC LOẠI SÁCH GIÁ TRỊ BẰNG VIỆT NGỮ VÀ ANH NGỮ DO CÁC TÁC GIẢ VIỆT NAM VIẾT TẠI HOA KỲ.
- TÁI BẢN CÁC DANH PHẨM DÂN TỘC.

- NHẬN IN CÁC LOẠI SÁCH, BÁO, VÀ TẤT CẢ CÁC THỨ ẤN PHẨM, DANH THIẾP, VÀ THIỆP CƯỚI v.v...
- NHẬN XẾP CHỮ VÀ TRÌNH BÀY MỌI THỨ BẢN THẢO.

NHANH ● ĐẸP ● RẺ

GÍA : $2.00